

NITOBE INAZO

VÕ SĨ ĐẠO,

LINH HỒN CỦA NHẬT BẢN

BUSHIDO
the soul of Japan





**VÕ SĨ ĐẠO - LINH HỒN NHẬT BẢN
(BUSHIDO - THE SOUL OF JAPAN)**

Tác giả : INAZO NITOBÉ

NXB Công an Nhân dân 2006

Người dịch : Nguyễn Hải Hoàn

Dịch từ bản tiếng Trung Quốc

**(Tham khảo và bổ sung từ bản tiếng Anh do Tuttle
Publishing xuất bản năm 2001)**

Khổ 13 x 19. Số trang : 279

Thực hiện ebook : hoi_ls (TVE)

KÍNH TẶNG BÁC

TOKITOSHI OTA

**NGƯỜI ĐÃ DẠY TÔI BIẾT TRÂN TRỌNG QUÁ KHỨ VÀ KHÂM
PHỤC CÔNG TRẠNG CỦA CÁC SAMURAI**

LỜI NÓI ĐẦU

ĐỌC CHẬM TỰA CỦA LÊ ĐẠT

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NHÀ XUẤT BẢN TUTTLE PUBLISHING

LỜI TỰA BẢN TIẾNG TRUNG

LỜI TỰA LẦN XUẤT BẢN THỨ NHẤT

LỜI TỰA BẢN IN LẦN THỨ 10

LỜI TỰA

CHƯƠNG 1 : VÕ SĨ ĐẠO LÀ MỘT HỆ THỐNG ĐẠO ĐỨC
CHƯƠNG 2 : NGUỒN GỐC CỦA VÕ SĨ ĐẠO
CHƯƠNG 3 : YẾU TỐ CỐT LÕI CỦA VÕ SĨ ĐẠO - NGHĨA
CHƯƠNG 4 : DŨNG – TINH THẦN DÁM LÀM DÁM CHỊU
CHƯƠNG 5 : NHÂN – LÒNG THƯƠNG NGƯỜI
CHƯƠNG 6 : BÀN VỀ LỄ
CHƯƠNG 7 : THÀNH THẬT VÀ CHÂN TÌNH
CHƯƠNG 8 : DANH TIẾT
CHƯƠNG 9 : ĐẠO TRUNG
CHƯƠNG 10 : GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÕ SĨ
CHƯƠNG 11 : TỰ KIỂM CHẾ
CHƯƠNG 12 : TẬP TỤC TRẢ THÙ VÀ TỰ SÁT
CHƯƠNG 13 : THANH GƯƠM - LINH HỒN CỦA VÕ SĨ
CHƯƠNG 14 : PHỤ NỮ - SỰ GIÁO DỤC VÀ ĐỊA VỊ
CHƯƠNG 15 : ẢNH HƯỞNG CỦA VÕ SĨ ĐẠO
CHƯƠNG 16 : VÕ SĨ ĐẠO CÒN HAY MẤT
CHƯƠNG 17 : TƯƠNG LAI CỦA VÕ SĨ ĐẠO
CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI DỊCH BẢN TIẾNG VIỆT
TIỂU SỬ INAZO NITOBE (1862 - 1933)

Người dịch xin chân thành cảm ơn:

- Nhà thơ, nhà văn hoá Lê Đạt.
- Nhà báo Văn Thành (Tạp chí Tia Sáng của Bộ KH-CN).
- Các chuyên gia phiên dịch Phạm Thiều (tiếng Anh), Nguyễn Thành Công (tiếng Trung).
- Các chuyên gia Hán-Nôm: Mai Xuân Hải (Viện Hán-Nôm), Đinh Công Vỹ (Viện Sử học)
- Nhà thơ Nam Sơn.
- Nhà văn nữ Trần Thanh Hà.

đã có đóng góp quý báu vào việc hoàn thành bản dịch này.

Người dịch tha thiết mong nhận được và chân thành cảm ơn tất cả mọi ý kiến đóng góp của bạn đọc về chất lượng bản dịch.

NGUYỄN HẢI HOÀNH

LỜI NÓI ĐẦU

Lâu nay, chúng ta thường nhắc đến Nhật Bản như một cường quốc kinh tế. Lâu nay, chúng ta đã vô cùng ngưỡng mộ và ngạc nhiên trước sự vươn lên mạnh mẽ của đất nước này. Do đâu mà đảo quốc nhỏ bé nằm trong vùng ảnh hưởng của Trung Hoa, mới đó còn là một nước phong kiến lạc hậu, phải đối mặt với bao nhiêu khó khăn, nghèo nàn về tài nguyên, luôn bị thiên tai đe dọa, kiệt quệ sau Thế chiến thứ hai..., trong mấy mươi năm đã trở thành cường quốc kinh tế đứng thứ hai thế giới, chỉ sau nước Mỹ ? Do đâu mà đất nước Nhật Bản có mức độ hiện đại hóa cao nhất thế giới, lại giữ được trong đời sống hàng ngày những truyền thống văn hóa cổ xưa đầy quyến rũ ?

Câu trả lời cho những thắc mắc đó có trong cuốn sách **Võ Sĩ Đạo - Linh hồn Nhật Bản** của Inazo Nitobe.

Cuốn sách này của Nitobe được xuất bản lần đầu vào năm 1905, nghĩa là đến nay nó đã tròn 100 năm tuổi. Trong một trăm năm ấy, nó đã không ngừng được đọc ở Mỹ, ở châu Âu, ở Trung Quốc, và cả ở Nhật Bản quê hương của tác giả. Những phân tích về Võ Sĩ Đạo đã cho thấy hệ thống đạo đức này đóng một vai trò rất lớn trong việc hình thành Tính Cách Nhật Bản - do đó nó cũng đóng vai trò quan trọng để làm nên một nước Nhật Bản như hiện nay.

Từ góc độ thực tiễn, những kinh nghiệm của người Nhật trong xây dựng kinh tế và bảo tồn, phát triển một nền văn hóa độc đáo rất đáng để chúng ta học tập. Hơn nữa, ngày nay Nhật Bản đang trở thành đối tác kinh tế lớn nhất của Việt Nam. Giao lưu kinh tế - văn hóa Việt - Nhật đang ngày càng mở rộng. Trong bối cảnh đó, nhu cầu hiểu biết về Nhật Bản sẽ ngày càng lớn. Cuốn sách của Nitobe, do vậy là một công cụ thiết yếu cho chúng ta khi tìm hiểu về Nhật Bản.

Bản dịch Võ Sĩ Đạo - Linh hồn Nhật Bản được dịch giả Nguyễn Hải Hoàn thực hiện từ bản tiếng Trung, được đối chiếu và bổ sung từ bản tiếng Anh của Tuttle Publishing xuất bản năm 2001 và đã được nhiều học giả góp ý hiệu đính. Để giúp độc giả Việt Nam dễ

dàng nắm bắt nội dung cuốn sách, dịch giả đã thực hiện phần chú giải hết sức công phu.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Japan Foundation và Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam đã có những hỗ trợ thiết thực để cuốn sách đến tay bạn đọc trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày ra đời.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nhà xuất bản Công an nhân dân

ĐỌC CHẬM

TỰA CỦA LÊ ĐẠT

1- Trong thời đại kỹ học, hình như hiện đại gắn liền với tốc độ. Người ta ăn nhanh, uống nhanh... Cả cái biệt khu ngàn năm "Duy hữu độc thư cao" cũng không tránh khỏi áp lực. Lớp độc giả thâm canh ngày càng hiếm. Người ta viết sách để dạy phương pháp học nhanh. Những cuốn *Reader Digest* (Tóm tắt giúp người đọc) được in hàng chục vạn cuốn và bán đắt như tôm tươi.

Đó là một hiện tượng chưa chắc đã tốt. Nó dễ dẫn đến những kiến thức ăn xổi và những kết luận vội vàng. Cổ nhân dạy: Thà không biết còn hơn biết nửa chừng.

Một khái niệm khi rơi vào cõi mù mờ tranh tối tranh sáng của huyền thoại có thể gây ra nhiều tai nạn nguy hiểm chẳng kém gì những tai nạn giao thông.

2- Cuốn sách *Võ Sĩ Đạo, linh hồn Nhật Bản* của Inazo Nitobe được xuất bản lần đầu tiên tại Mỹ năm 1905.

Nghĩa là đến nay nó đã xấp xỉ một trăm năm tuổi.

Một trăm năm nay, nhân loại vẫn đọc chưa xong cuốn sách nhỏ này.

Nó đã được tái bản rất nhiều lần và được dịch sang nhiều thứ tiếng, trong đó có tất cả những ngôn ngữ chủ chốt của loài người - tiếng Anh (tất nhiên, vì nó được xuất bản lần đầu tiên tại Mỹ), tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và gần đây, tiếng Trung Quốc.

Trong ngôn ngữ văn hoá, những cuốn sách đọc hàng trăm năm chưa hết này, người ta gọi chúng là những sách cổ điển.

Chúng được kính trọng không phải đơn thuần vì chính sách "kính lão đắc thọ", mà còn vì tính *sâu sắc* và *cần thiết* của nội dung.

3- Võ Sĩ Đạo không đơn thuần là một nhân vật đao kiếm thậm chí "võ biên" (?), mà chủ yếu là một nhân vật văn hoá, hơn nữa, đạo đức.

Người ta thường đổ tội cho cơ chế thị trường là nguyên nhân mọi sự suy thoái trong đời sống xã hội.

Đó có thể là một cách trốn trách nhiệm. Mọi hình thái xã hội đều có mặt tích cực và tiêu cực.

Không phải cơ chế thị trường sinh ra đại trà sự dối trá, tham nhũng đáng xấu hổ, mà chính nền tảng đạo đức chưa tiến kịp đà phát triển của xã hội đã sinh ra nạn đồi bại đến mức báo động nói trên.

Trong việc xây dựng nền tảng đạo đức hiện nay của xã hội, tôi nghĩ rằng cuốn *Võ Sĩ Đạo, linh hồn Nhật Bản* sẽ có những đóng góp tích cực. Nó là một cuốn sách cần đọc.

4- Tại chương VIII, khi nói về "Thanh gươm - linh hồn của võ sĩ", tác giả có một nhận xét rất quan trọng: "Lý tưởng của Võ Sĩ Đạo là hoà bình."

Đáng tiếc rằng Nitobe qua đời quá sớm không có điều kiện trải qua cuộc thử thách hết sức bi kịch của nền văn minh hiện đại. Khi Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ năm 1939, ông đã đi xa trước đó 6 năm. Cái ranh giới giữa thiện và ác trong đời sống xã hội mới mong manh bất định làm sao? Đó là sự trớ trêu của lịch sử, nó đòi hỏi loài người phải hết sức tỉnh táo.

5- Khi nói về tương lai của Võ Sĩ Đạo, Nitobe có vẻ như ngậm ngùi:

"Xã hội đã thay đổi. Ngày nay, vấn đề không phải là đơn thuần phản đối Võ Sĩ Đạo nữa, mà trào lưu của xã hội đều đã hoàn toàn đứng về phía phản diện với Võ Sĩ Đạo. Vinh quang của Võ Sĩ Đạo sắp sửa rút ra khỏi vũ đài lịch sử."

Nitobe không có thời gian để chứng kiến một trớ trêu nữa của lịch sử.

Vào lúc nước Nhật quân phiệt bại trận, những điều kiện thực tế hình như đã đánh dấu sự tàn lụi nhỡn tiền của Võ Sĩ Đạo, thì tinh thần Võ Sĩ Đạo lại hồi sinh giúp nước Nhật bại trận, nghèo khổ kiệt quệ chỉ trong hai ba thập niên ngắn ngủi đã trở thành một cường quốc dân chủ đứng hàng thứ hai sau Hoa Kỳ về sức mạnh kinh tế.

Thác là thể phách, còn là tinh anh.

Cái thể xác của Võ Sĩ Đạo đã diệt, nhưng tinh anh của Võ Sĩ Đạo vẫn còn và tiếp tục đầu thai qua nhiều kiếp sống khác trong nền văn hoá tâm linh bất diệt của loài người.

Hà Nội, tháng 9 năm 2004

LỜI NÓI ĐẦU CỦA NHÀ XUẤT BẢN TUTTLE PUBLISHING

(Theo “Bushido, The Soul of Japan”, bản in năm 2001 của Tuttle Publishing ; Boston Rutland, VT Tokyo.)

Cuốn sách nhỏ hấp dẫn giải thích về "Linh hồn của Nhật Bản" này đã được hoan nghênh nồng nhiệt và nhận được phản ứng ngay từ lần xuất bản đầu tiên năm 1905. Ngày nay, nhu cầu tái bản cuốn sách vẫn còn lớn hơn bao giờ hết, mặc dù Nhật Bản đã "phương Tây hoá".

Lý do chính của nhu cầu đó có lẽ là vì cuốn sách này đã giải đáp và tiếp tục giải đáp - cho người Nhật cũng như người phương Tây, về nguyên nhân tại sao những tư tưởng và tập tục nào đó lại có thể thịnh hành ở Nhật Bản.

Từng có nhiều định nghĩa về Võ Sĩ Đạo, nhưng xem ra có lẽ định nghĩa sau đây được nhiều người chấp nhận hơn cả: Võ Sĩ Đạo là một bộ luật bất thành văn chi phối đời sống và hành động của các nhà quý tộc Nhật Bản; trên nhiều mặt, giới quý tộc đó tương đương với giới hiệp sĩ (chivalry) châu Âu.

Những hiệp sĩ và nhà quý tộc ấy của nước Nhật Bản phong kiến là các samurai, tức thị vệ của các daimyo (lãnh chúa). Vì vậy, Võ Sĩ Đạo (Bushido) là bộ luật hành xử của giới samurai, một tầng lớp quân nhân quý tộc xuất hiện vào thế kỷ XII khoảng giữa thời kỳ Taira và Minamoto - và được phát triển mạnh trong thời kỳ Tokugawa.

Giới samurai trau dồi võ nghệ, họ trung thành với chúa của mình và lãnh đạm trước cái chết và nỗi đau đớn. Samurai có đặc quyền đeo hai thanh gươm - theo Nitobe, chúng được gọi là "Linh hồn của samurai".

Sách này trình bày về Võ Sĩ Đạo của Nhật Bản bằng những từ ngữ đơn giản và do đó rất thú vị. Trong khi thuyết minh quan điểm của mình, tác giả đồng thời trích dẫn các thí dụ đối chiếu lấy từ lịch sử và văn học châu Âu. Cuối cùng và trước hết, tác giả tin tưởng

vào các điều luật viết trong trái tim. Cuốn sách được Nhà xuất bản G. P. Putnam's Sons, New York xuất bản lần đầu tiên vào năm 1905.

LỜI TỰA BẢN TIẾNG TRUNG

(Theo “Võ Sĩ Đạo”, NXB Quản lý Xí nghiệp, Bắc Kinh 2004)

Chúng ta thường hay nhắc tới thành tích kinh tế ngày nay của Nhật Bản và ngạc nhiên trước sức mạnh phát triển mà đảo quốc bé nhỏ này nuôi dưỡng lâu dài được. Đồng thời, chúng ta cũng khó có thể quên quá khứ. Là người Trung Quốc, chúng ta không thể bỏ qua một sự thật này: Trung Quốc là điểm khởi đầu và là nguồn gốc của văn hoá truyền thống Nhật Bản. Bởi vậy, việc nghiên cứu vấn đề Nhật Bản có ý nghĩa sâu xa đối với chúng ta. Một mặt, từ góc độ văn hoá, và xét từ quan điểm địa chính trị, chúng ta nghi hoặc: cùng một tín điều như nhau, tại Nhật Bản tín điều đó lưu hành theo cách nào để cuối cùng phát triển thành nền văn hoá độc đáo của Nhật Bản; mặt khác, từ góc độ thực tiễn, chúng ta nghiên cứu Nhật Bản vừa để tiếp thu kinh nghiệm phát triển của họ, vừa đồng thời để tránh con đường vòng họ đã đi qua, từ đó có thể hấp thụ bài học phản diện, nhằm trở thành một gương mẫu và nhằm đóng góp cho nền hoà bình và ổn định của thế giới, vì sự phát triển tốt đẹp của lịch sử nhân loại.

Sách này do tác giả người Nhật Bản viết bằng tiếng Anh vào đầu thế kỷ XX. Trong 6 năm ngắn ngủi sau ngày xuất bản, sách đã được tái bản 10 lần, sau đấy in lại hết lần này đến lần khác trên phạm vi toàn thế giới, trở thành cuốn sách cần đọc để nghiên cứu và tìm hiểu văn hoá Nhật Bản. Đúng như tác giả viết Võ Sĩ Đạo đã hoàn tất việc dựng xây tinh thần đạo đức Nhật Bản, hình thành tinh thần chinh thể của Nhật Bản. Đồng thời, do tác giả có sự hiểu biết sâu sắc về thế giới phương Tây, cho nên khi viết sách, ông đã đối chiếu với tinh thần đạo đức của thế giới phương Tây, nhờ đó cuốn sách không những phản ánh được hiện thực tâm lý ở tầng nấc sâu kín nhất của người Nhật Bản, mà còn thích hợp với nhóm bạn đọc đông đảo nhất, khiến cho tầm mắt của bạn đọc được mở rộng vô cùng.

Tổng thống Mỹ Roosevelt từng đích thân mua sách này và phân phát cho thuộc hạ, bạn bè của ông đọc, với dụng ý rõ ràng nhằm tìm hiểu cường quốc Nhật Bản nhỏ bé ấy đã dựa vào sức mạnh nào

nâng đỡ để có thể đóng một vai trò như vậy trong cuộc đại chiến. Cái gì đã làm cho họ hiểu chiến, có một quân đội giỏi; tinh thần nào đã dễ dàng khích lệ toàn dân họ như vậy? Điều gì đã làm cho quốc gia này nhất trí đến thế trong các vấn đề đối ngoại?

Là người Trung Quốc, chúng ta lại càng bức thiết cần đọc cuốn sách này. Nhất là trong thế giới ngày nay, Nhật Bản là đối thủ lớn mạnh nhất của ta trong phạm vi châu Á. Trước hết, sự hiểu lễ của người Nhật Bản rõ ràng là chịu ảnh hưởng từ tinh thần Khổng Mạnh của Trung Quốc. Bắt tay từ khởi điểm này, ta có thể thấy, quy chế cuối cùng hình thành trên đất Nhật Bản là như sau: không ba hoa, cực kỳ kín đáo, trong bất cứ tình huống nào đều không biểu lộ tình cảm; võ sĩ làm thơ, tăng cường tu dưỡng nội tâm; thích trà đạo; một tấm gương, một tịnh thất dùng để người ta tu thân dưỡng tính - tất cả những cái đó khiến người Trung Quốc và người Nhật Bản từng quen biết nhau. Điều càng làm ta muôn phần kinh ngạc là những phụ nữ Nhật Bản kiên trinh bất khuất được đào tạo dưới sự răn dạy của Võ Sĩ Đạo. Hết như đàn ông, họ điềm tĩnh, không kinh hãi khi gặp nguy biến, trọng lễ tiết. Những tình cảm tốt đẹp người Nhật đã phát triển được đều mang dấu ấn văn hoá truyền thống Trung Quốc vô cùng rõ nét, rất đáng để chúng ta khâm phục. Là láng giềng bè bạn, đúng là ta có thể học các phẩm chất ưu tú đó của họ.

...Trong sách này, chương nói về tự sát và mổ bụng là phần có thể trình bày rõ nhất vấn đề, là đoạn người ta muốn đọc nhất. Về cảm tính, chương này thường làm người ta bất giác sờn tóc gáy và có thể hiểu sâu sắc hơn người võ sĩ có một sức mạnh to lớn ra sao, chỗ cùng cực trong kết cấu tinh thần tầng sâu của dân tộc này là thế nào. Mỗi một võ sĩ Nhật Bản, kể từ đứa trẻ lên 8 tuổi trở đi, đều có thể hoàn tất một cách tuyệt đẹp hành vi mổ bụng tàn khốc, coi đó là cách chết vinh dự. Tác giả không tiếc lời ca ngợi hành động đó. Song có thể nhìn sự việc này từ mặt ngược lại: người võ sĩ có thể coi đấy là cái chết oanh liệt của mình, nhưng nếu mổ bụng người khác thì sẽ là một thảm kịch trần gian.

Trong sách còn đề cập đến vấn đề thương nhân. Ngày xưa, địa vị của tầng lớp thương gia Nhật Bản rất thấp kém, công chúng cũng kỳ vọng cực thấp về đạo đức của họ, cho nên dẫn đến sự bất nghĩa phổ biến của nghề buôn; đồng thời chưa một võ sĩ nào từng thành công trong kinh doanh buôn bán. Xét bề ngoài, dường như dân tộc

này không thích hợp với việc phát triển ngành thương mại; song sự thật thì lại không thế. Do thời đại thay đổi, địa vị của thương mại trong con mắt người dân ngày càng được nâng cao, lẽ tự nhiên, có thể dùng Võ Sĩ Đạo làm đạo buôn bán, và sự ứng dụng này thậm chí xuất hiện trên tầng nấc vô ý thức tập thể. Tục ngữ nói, không có lòng ham muốn thì tính tình sẽ cứng rắn (*vô dục tắc cương*), Võ Sĩ Đạo có truyền thống trọng nghĩa khinh lợi; truyền thống vững bền dẻo dai ấy có thể đem lại sự phát triển vô tận cho thương mại, trở thành sự phát triển có hệ thống, ào ạt như bầu khí quyển, sự phát triển toàn cầu hoá, có tính lẫn át. Bởi vậy, chỉ có hiểu rõ Võ Sĩ Đạo thì mới giải thích hợp lý được sự phát triển của kinh tế Nhật Bản ngày nay.

Có ba loại người sau đây cần đọc cuốn sách này : 1) Những người muốn hiểu toàn diện Nhật Bản từ góc độ văn hoá, chính trị, kinh tế, lịch sử. 2) Những người tham gia các hoạt động thương mại hoặc chính trị có liên quan tới Nhật Bản. 3) Những ai muốn học được điều gì đó từ tinh thần của người Nhật và ứng dụng vào thực tiễn.

Với những lý do trên, chúng tôi tái dịch "Võ Sĩ Đạo - Linh hồn Nhật Bản", tác phẩm độc nhất vô nhị nổi tiếng thế giới này để bạn đọc thưởng thức.

PHÓ TÙNG KHIẾT

LỜI TỰA LẦN XUẤT BẢN THỨ NHẤT

10 năm trước đây, cố luật gia nổi tiếng người Bỉ De Laveleye từng tiếp tôi tại nhà riêng của ông, chúng tôi cùng trải qua mấy ngày khó quên. Một lần khi đi bách bộ, câu chuyện chuyển sang đề tài tôn giáo. Vị giáo sư đáng kính hỏi: “Chẳng lẽ các trường học ở Nhật không dạy môn tôn giáo ư ?” Khi thấy tôi trả lời là đúng thế, ông ngạc nhiên đến mức đứng sững lại, rồi nói tiếp: “Không dạy môn tôn giáo! Lẽ nào Nhật Bản không có môn đạo đức học ư ?”

Đây là một vấn đề tôi suy nghĩ nhiều. Lúc ấy tôi có chút bối rối, chưa biết trả lời ra sao. Theo tôi, người Nhật không dạy môn đức dục trong các trường học. Từ đó trở đi, tôi đặc biệt quan tâm đến nguồn gốc các loại giới luật đạo đức làm nên tính cách dân tộc Nhật Bản. Cuối cùng tôi phát hiện, chính là ảnh hưởng và sự gợi ý của Võ Sĩ Đạo đối với người Nhật đã hoàn tất việc hình thành tinh thần đạo đức Nhật Bản.

Động cơ trực tiếp khiến tôi bắt tay viết cuốn sách nhỏ này bắt nguồn từ vợ tôi. Bà ấy thường hay hỏi tôi một số vấn đề có liên quan đến tập tục tư tưởng, các tập tục ấy bắt đầu phổ biến lưu truyền ở Nhật Bản như thế nào, nguyên do tại đâu. (Vợ Nitobe tên là Mariko. Theo tiến sĩ Trần Văn Thọ - giáo sư Đại học Tokyo, bà ấy là người Mỹ.)

Trong khi cố gắng giải đáp các câu hỏi của ông De Laveleye và của vợ mình, tôi phát hiện thấy, nếu không hiểu biết về chế độ phong kiến và Võ Sĩ Đạo (tiếng Anh là *Bushido*) thì không thể hiểu được các quan niệm đạo đức của nước Nhật Bản hiện tại.

Tranh thủ thời gian dưỡng bệnh nhàn rỗi, tôi chỉnh lý lại nội dung một phần các buổi trò chuyện trong gia đình và nay công bố ra ngoài. Nền giáo dục của chế độ phong kiến tôi được hưởng trong thời niên thiếu, cùng các sự việc tôi từng trải qua và được nghe kể lại, là các yếu tố giúp tôi có được sự hiểu biết thấu triệt về Võ Sĩ Đạo.

Những người đặt câu hỏi bên phía vợ tôi còn có ông Lafcadio Heam và bà Hugh Fraser, phía tôi có Sir Ernest Satow và giáo sư Chamberlain. (Tại một số nước châu Âu, những người được Hoàng gia phong tước Hiệp Sĩ (Knight) đều được viết *Sir* trước tên đầu, coi như tước hiệu, có thể dịch là Ngài, hoặc Hầu tước, Nam tước). Việc dùng tiếng Anh để viết chuyện Nhật Bản khiến tôi có cảm giác khó tin vào hiệu quả. Thế nhưng, tôi vẫn có được một ưu thế trội hơn tất cả các nhà lý luận viết bằng tiếng Anh; xin dùng một cách ví von: có thể coi họ là các luật sư và thẩm phán, còn tôi là kẻ bị cáo. Tôi thường nghĩ: giả thử mình giỏi tiếng Anh như họ thì tôi sẽ dùng những ngôn từ phong phú, hùng biện để kể lại tất cả mọi điều về Nhật Bản! Nhưng khi đã dùng ngôn ngữ của người khác thì mọi cố gắng của tôi cũng chỉ có thể nói lên được điều cần nói một cách rõ ràng dễ hiểu, đâu dám theo đuổi mục tiêu viết văn cho hay.

Trong sách, tôi sử dụng nhiều trích dẫn lấy từ lịch sử và văn học châu Âu; như vậy sẽ có thể giúp bạn đọc nước ngoài hiểu sâu hơn về Nhật Bản và Võ Sĩ Đạo.

Khi nói về vấn đề tôn giáo và các nhà truyền giáo, có thể là tôi đã động chạm tới tình cảm tôn giáo của các tín đồ Ki Tô giáo, nhưng xin các bạn tin rằng tôi luôn tôn kính đạo Ki Tô. Tôi có chút đồng cảm với học thuyết Ki Tô giáo, song tôi không đồng tình đối với thể chế dung tục của giáo hội và các nghi thức tôn giáo làm lu mờ học thuyết ấy. Tôi dành niềm tin duy nhất của mình cho Chúa Ki Tô và Tân Ước cùng tinh thần Ki Tô giáo khắc sâu trong lòng người. Đồng thời tôi tin vào Cựu Ước; nó là Kinh Thánh chung của mỗi người và mỗi dân tộc - dị tộc hoặc Do Thái, tín đồ Ki Tô giáo hoặc dị giáo. Thiết nghĩ, ở đây không cần trình bày các quan điểm của tôi về thần học.

Khi kết thúc lời tựa, tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ và các kiến nghị của bạn tôi là bà Anna C. Hartshorne, người đã có nhiều gợi ý giá trị và đã vẽ bìa cuốn sách này theo một phong cách đậm đà đặc tính Nhật Bản.

INAZO NITOBE
Malvern, Pa., Tháng Mười Hai, 1899

LỜI TỰA BẢN IN LẦN THỨ 10

(CÓ SỬA CHỮA)

Cuốn sách nhỏ này xuất bản lần đầu tại Philadelphia cách đây đã hơn 6 năm. Nhiều sự việc thú vị đã xảy ra trong quãng thời gian sau ngày cuốn sách ra đời. Tại Nhật Bản, sách đã được in lại 8 lần; ấn bản này là bản thứ 10 bằng tiếng Anh. Đồng thời nó sẽ được các nhà xuất bản Mỹ và Anh phát hành, thông qua các nhà xuất bản Messrs. George H. Putnam's Sons ở New York.

Cho tới nay, *Võ Sĩ Đạo* đã được ông Dev ở Khandesh (Ấn Độ) dịch ra tiếng Mahratti, được chị Fraulein Kaufmann ở Hamburg dịch ra tiếng Đức, được ông Hora ở Chicago dịch ra tiếng Bohemia, được Hội Khoa học và Đời sống ở Lemberg (tức L'vov, Ukraine) dịch ra tiếng Ba Lan. - tuy rằng Chính phủ Nga lên án bản dịch tiếng Ba Lan đó (Có lẽ là do Nga vừa thua Nhật trong trận hải chiến ở eo biển Đối Mã - Tsushima năm 1904.). Bản tiếng Na Uy và tiếng Pháp cũng đang được chuẩn bị. Người ta cũng đang dự định dịch cuốn sách này ra tiếng Trung Quốc. Một sĩ quan người Nga hiện đang bị giam giữ ở Nhật Bản đã hoàn thành bản dịch viết tay bằng tiếng Nga sẵn sàng để xuất bản. Một số chương trong sách đã được giới thiệu với công chúng Hungary. Về Nhật ngữ, báo chí tiếng Nhật đã liên tiếp đăng nhiều kỳ nội dung sách này và in riêng thành sách có chú thích chi tiết. Bạn tôi là ông H. Sakurai còn biên soạn các ghi chú tường tận để giúp các sinh viên trẻ đọc sách này; tại đây tôi xin có lời cảm ơn ông đã giúp đỡ tôi.

Tôi thành thật cảm thấy hài lòng khi nghĩ tới việc cuốn sách nhỏ này của mình được nhiều bạn đọc ưa chuộng. Sự việc đó đồng thời cho thấy các vấn đề trình bày trong sách đã được mọi người trên thế giới quan tâm rộng rãi. Điều làm tôi cảm thấy muôn phần vui thích là, theo các nguồn tin chính thức cho biết, Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt đã đích thân đọc sách này và tặng cho bạn bè ông mấy tá sách.

Nội dung sửa đổi trong lần xuất bản này chỉ hạn chế ở chỗ thêm một số thí dụ cụ thể. Tôi vẫn lấy làm tiếc là cuốn sách thiếu một

chương nói về "Hiếu"; nó cũng quan trọng như "Trung", cùng nhau làm nên hai bánh xe của cỗ xe đạo đức Nhật Bản. Sở dĩ tôi không thêm chương ấy, không phải vì không biết tính chất quan trọng của nó, mà là do tôi không tài nào hiểu được thái độ của người phương Tây đối với "Hiếu", bởi vậy tôi không thể tiến hành sự so sánh Đông Tây trên vấn đề này. Tôi nghĩ rằng, sau này tôi nhất định sẽ có dịp bổ sung nội dung đó. Ngoài ra, tất cả các vấn đề được đề cập tới trong sách này đều có thể bổ sung và bàn thảo thêm. Nhưng muốn sửa đổi thì phải tăng số trang của cuốn sách, điều đó hiện nay tạm thời khó làm được.

Tôi xin cảm ơn vợ tôi về các đóng góp cho cuốn sách. Bà ấy đã đọc kỹ bản thảo gốc, góp rất nhiều ý kiến bổ ích và nhất là đã luôn luôn động viên tôi sáng tác. Trong lời tựa lần xuất bản này, tôi cần đặc biệt nêu ra vấn đề đó, nếu không thì sẽ là một lời tựa thiếu hoàn chỉnh và công bằng.

INAZO NITOE

Kyoto, ngày 12 tháng 1 năm 1905

(Lời tựa này lấy từ The Project Gutenberg EBook of *Bushido, the Soul of Japan*)

LỜI TỰA

Tôi rất hân hạnh được viết bài giới thiệu tác phẩm của tiến sĩ Inazo Nitobe nổi tiếng - cuốn "Võ Sĩ Đạo" bản mới nhất - cho các bạn đọc tiếng Anh trên thế giới. Sở dĩ nhà xuất bản yêu cầu tôi viết lời tựa cho bản mới in này, không những chỉ vì tôi quen biết tác giả đã hơn 15 năm nay, mà còn vì tôi có những mối quan hệ khăng khít với chủ đề của cuốn sách; mối quan hệ đó đã kéo dài ít nhất 45 năm qua.

Năm 1860, tại Philadelphia (nơi vào năm 1847 tôi từng chứng kiến cảnh hạ thủy chiếc kỳ hạm Susquehanna của hạm đội Perry (*Matthew Calbraith Perry* (1794-1858): đô đốc hải quân Mỹ, năm 1853 dẫn 4 tàu chiến vào vịnh Tokyo và ở lại đó chờ cho tới khi sứ thần Nhật Bản đồng ý tiếp nhận yêu cầu của Tổng thống Mỹ M.F. Fillmore đòi ký một hiệp ước lập quan hệ ngoại giao và buôn bán giữa 2 nước. Tháng 2-1854. Perry quay lại ký kết Hiệp ước này, đánh dấu bước ngoặt Nhật mở cửa với thế giới phương Tây và hiện đại hoá.), lần đầu tiên tôi có dịp tiếp xúc với người Nhật Bản, gặp các cán bộ ngoại giao của Đại sứ quán Triều đình Yedo (còn viết là Edo, tức Giang Hộ, tên cũ của Tokyo.). Ấn tượng mãnh liệt nhất mà những người nước ngoài ấy để lại trong tôi là tinh thần Võ Sĩ Đạo. Họ hoàn toàn hành xử mọi việc theo chuẩn tắc của tinh thần đó. Về sau, khi công tác ở trường đại học Rutgers tại thành phố New Brunswick bang New Jersey, tôi từng có dịp sinh hoạt với các thanh niên Nhật trong thời gian 3 năm. Tôi lên lớp dạy họ học, và coi họ như bạn bè. Một trong các chủ đề chúng tôi thường bàn bạc với nhau là Võ Sĩ Đạo và tôi phát hiện thấy nó thật duyên dáng đáng yêu. Các lưu học sinh Nhật này trong tương lai khi về nước sẽ được bổ nhiệm làm quan chức chính quyền, nhà ngoại giao, sĩ quan hải quân, nhà giáo dục và nhà ngân hàng. Tôi thấy mọi hành vi thường ngày của họ đều đượm hương thơm ngào ngạt của loại hoa thơm nhất của xứ Nhật bản xa xôi, ngay cả vào giờ phút hấp hối của những người sắp "yên giấc ngàn thu" trong nghĩa trang Willow Grove cũng vậy. Tôi không bao giờ quên cái chết của võ sĩ thiếu

niên Kusakabe. Khi anh hấp hối, có người khuyên anh cải đạo theo Ki Tô giáo, anh trả lời: "Cho dù tôi tin Chúa Jesus của các bạn đi nữa, thì tôi vẫn không thể chỉ dâng hiến cho Ngài những thứ vô giá trị của cuộc đời tôi." Cho nên, "bên bờ sông Raritan cổ xưa", trong các hoạt động thể thao và nhiều dịp đùa vui bên bàn ăn bữa tối khi chúng tôi so sánh sự khác nhau giữa Nhật Bản với nước Mỹ, và trong các buổi thảo luận về vấn đề đạo đức hoặc lý tưởng, tôi cảm thấy rất tán đồng "sự phản bác của nhà truyền giáo giấu mặt" mà bạn tôi là Charles Dudley Wamer từng có lần viết. Về một số điểm, hệ thống luân lý và lễ nghi của hai nước có khác nhau, nhưng sự khác nhau ấy không quá nhiều. 1000 năm trước, một nhà thơ Nhật khi dạo bước bên dòng suối áo ông chạm vào bụi hoa hồng và những giọt sương bám trên cây làm ướt tay áo ông; nhưng nhà thơ nói: "Vì hoa thơm ngát nên tôi không đành lòng rũ bỏ những giọt sương ấy." Quả vậy, tôi rất mừng là đã thoát ra khỏi vết xe đổ (thói quen cũ) mà nghe nói nó chỉ khác huyết mộ ở chiều dài mà thôi. Nên chẳng so sánh cuộc đời của khoa học và văn hoá? Trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, luân lý đạo đức, tôn giáo và luật hành xử, phải chăng "chỉ biết một mà không biết hai" là không đúng sao?

Năm 1870, với tư cách là nhà giáo dục đầu tiên đến Nhật Bản để giới thiệu về phương pháp và tinh thần của hệ thống nhà trường công lập Mỹ, tôi rất phấn khởi rời Tokyo đến Fukui thuộc tỉnh Echizen. Tại đây, tôi có dịp thấy chế độ phong kiến thuần túy đang thống trị vùng này. Tôi đã nhìn thấy thứ Võ Sĩ Đạo chính cống, khác với thứ Võ Sĩ Đạo giới thiệu ra nước ngoài như một cửa lạ. Trong đời sống hàng ngày, tôi hiểu rằng Võ Sĩ Đạo, với những nghi thức của nó như trà đạo (*cha-no-yu*), nhu thuật (*Jujutu* "jiu-jitsu,) tự mổ bụng (*hara-kiri*), cách quỳ người trên chiếu và cúi gập người khi gặp nhau ngoài đường, cách thức đeo kiếm, lễ nghi giao tiếp, cách thăm hỏi hoà nhã, thái độ trịnh trọng khi trò chuyện, quy tắc của các động tác nghệ thuật và cư xử cũng như hành vi nghĩa hiệp bảo vệ vợ và đầy tớ gái cùng trẻ em v.v... đã hình thành tín điều và tập tục của tất cả giới thượng lưu ở thị trấn và ở tỉnh này. Tại đây, Võ Sĩ Đạo như một nhà trường của cuộc sống, nơi đào tạo các em trai em gái, dạy dỗ chúng về tư tưởng và lối sống. Tôi có sự cảm nhận thiết thân đối với tất cả những gì tiến sĩ Nitobe viết trong cuốn sách này: ông tiếp thu chúng như những di sản truyền thống, thở hít trong tinh thần Võ

Sĩ Đạo và viết về chúng một cách hấp dẫn, sinh động, với tầm mắt bao quát và sức quan sát thấu triệt. Ngày nay, chế độ phong kiến Nhật Bản không còn tồn tại nữa, tuy rằng vẫn có một số người mạnh mẽ ủng hộ nó và những người kiên trì nghiên cứu nó. Có lẽ đối với những người ấy, chế độ phong kiến Nhật Bản là một thứ hương thơm bay đi theo gió không thể lấy lại. Đối với tôi, thì nó là một gốc cây hoặc bông hoa toả sáng.

Chính là vì thế mà tôi có thể làm chứng rằng: tất cả những gì tiến sĩ Nitobe viết trong sách này, về bản chất đều hoàn toàn chân thực. Bản thân ông từng sống trong bào thai của Võ Sĩ Đạo - chế độ phong kiến, và từng thấy sự diệt vong của chế độ đó. Sự phân tích và tổng kết của ông vô cùng chân thực bình dị. Ngòi bút bậc thầy của Nitobe đã phản ánh được những nét tinh túy của nền văn học Nhật Bản có lịch sử hàng nghìn năm, như dựng lại một bức tranh muôn màu muôn vẻ. Cho tới nay, Võ Sĩ Đạo đã trải qua lịch sử hơn nghìn năm. Tác giả sách đã nắm bắt chính xác tinh hoa của Võ Sĩ Đạo tồn tại trong hàng triệu đồng bào ông.

Trong sách này, phần phê phán của tác giả đã giúp tôi càng hiểu thêm về sức mạnh và giá trị của Võ Sĩ Đạo đối với tính cách dân tộc Nhật. Muốn hiểu người Nhật trong thế kỷ XX thì cần phải quay trở lại thời cổ xưa, tìm hiểu cái gốc rễ mà dân tộc này đã cắm sâu trong quá khứ. Ngày nay, không riêng gì người nước ngoài mà ngay cả người Nhật hiện đại cũng không nhìn thấy những dấu vết xưa kia ấy. Thế nhưng, một nhà nghiên cứu thạo suy nghĩ sẽ biết từ hiện thực ngày nay nhìn thấy kết quả nối tiếp của tinh thần đời xưa. Từ trong địa tầng hình thành thời cổ đại, Nhật Bản đã khai quật và tạo dựng nên động lực chiến tranh và hoà bình ngày nay. Tinh thần Võ Sĩ Đạo vẫn tồn tại dai dẳng trong những con người được nuôi dưỡng trên mảnh đất này. Nó như một chất thơm tan ra trong cốc nước, để lại vị thơm ngọt ngào. Tóm lại, Võ Sĩ Đạo đúng như Kinh Thánh viết, "Nếu một hạt giống bắt tử thì nó vẫn là một hạt giống; nếu nó chết đi và rơi xuống đất thì nó sẽ nảy nở thành rất nhiều hạt khác."

Phải chăng tiến sĩ Nitobe đã lý tưởng hoá tinh thần Võ Sĩ Đạo? Nhưng nếu nói ngược lại, chúng ta sao có thể yêu cầu ông không lý tưởng hoá nó? Tiến sĩ tự xưng lập trường của ông là lập trường của một kẻ "bị cáo". Toàn bộ mọi giáo nghĩa, tín điều hệ thống, đều sẽ chuyển biến tùy theo sự thay đổi trong cách lý giải của người ta; các

chuyển biến ấy tích tụ lại sẽ tạo nên sự hài hoà. Đây là một quy luật. Võ Sĩ Đạo chưa bao giờ phát triển đến cực điểm của tự thân, nó vẫn có cơ hội sống còn vô hạn cũng như khả năng tự tạo dựng. Cực điểm của Võ Sĩ Đạo nên là sự thống nhất hoàn mỹ giữa sức mạnh với cái đẹp. Khi tại nước Nhật xảy ra va chạm giữa sự chuyển động của thế giới "đi ra thế giới" (từ ngày lý thuyết của Perry và Harris bắt đầu phát huy tác dụng, chúng ta dùng từ này để khái quát sự thay đổi gấp rút xảy ra trên thế giới- (W. Griffis không ghi họ của *Harris*; theo chúng tôi đây có lẽ là *Townsend Harris*(1804-1878), Tổng Lãnh sự đầu tiên của Mỹ tại Nhật (1856 - 1861), người đã tranh thủ việc Anh và Pháp gây ra cuộc Chiến tranh Thuốc phiện lần hai với Trung Quốc để ký kết Hiệp định Thương mại Mỹ - Nhật năm 1858) với chế độ phong kiến bản địa, Võ Sĩ Đạo không còn là cái xác ướp trát thạch cao, mà là một linh hồn sống. Nó tràn đầy tinh thần nhân văn, ảnh hưởng của nó sẽ tiếp tục lan sang các nước khác. Nhật Bản từng có những bậc tiên liệt cao quý ngày nay vẫn được tôn kính và kế thừa, trong khi không bỏ mất những tinh hoa của lịch sử và của nền văn minh bản địa, đồng thời họ vẫn tiếp thu các yếu tố tốt đẹp nhất từ phương Tây đến và hoá giải nó vào nền văn hoá của mình. Như thế, nước Nhật sẽ đem lại tin mừng mới cho châu Á và cho loài người. Hơn nữa, người Nhật nắm được cơ hội hoà nhập với thế giới - "sức mạnh của ta sẽ tăng lên khi ta mở rộng dấu chân ta". Ngày nay ở phương Tây đâu đâu cũng chịu ảnh hưởng của văn hoá Nhật, từ nghề làm vườn đến nghệ thuật, cách ăn ở, "dù chỉ một phút sáng khoái hay là thói quen lâu dài", đều trở nên phong phú nhờ ảnh hưởng độc đáo của người Nhật trong nghề làm vườn, hội họa và các bộ môn nghệ thuật khác. Người Nhật đang gợi ý cho chúng ta về khoa học tự nhiên, vệ sinh công cộng, thậm chí cả về mặt kinh nghiệm độc đáo cấu trúc cục diện chiến tranh và hoà bình.

Khi trình bày nội dung sách này, tác giả trước hết đóng vai bị cáo, sau đó đóng vai người biện hộ; và khi làm nhà dự báo, với tư cách là một bậc trưởng giả hiện mình từng trải nắm bắt được nhiều sự vật cũ mới, tác giả đã có sức mạnh dạy dỗ chúng ta. Tại nước Nhật, ông là người duy nhất có khả năng như vậy, ông đã kết hợp những giáo huấn của Võ Sĩ Đạo với thực tiễn, với đời sống và công việc, tay nghề và lao động trí óc, trồng cây và dạy dỗ linh hồn. Là người kế thừa tinh thần truyền thống Nhật Bản, tiến sĩ Nitobe đồng

thời còn là nhà kiến tạo thật sự nước Nhật ngày nay. Dù ở Đài Loan, mảnh đất mới thuộc về đế quốc Nhật Bản, hoặc ở Kyoto, tiến sĩ đều là học giả và nhà thực tiễn, là tấm gương trên cả hai lĩnh vực khoa học và học thuật. (Sau cuộc chiến tranh Trung-Nhật năm Giáp Ngọ 1894, Trung Quốc thua phải ký điều ước bất lợi, phải cắt Đài Loan và một số vùng đất khác của Trung Quốc cho Nhật. Sau Đại chiến hai, Đài Loan mới trở lại thuộc Trung Quốc.)

Cuốn sách nhỏ viết về Võ Sĩ Đạo này không những có tác dụng gợi mở quan trọng đối với các dân tộc Anglo-Saxon, mà còn là đóng góp độc đáo cho nhiều vấn đề lớn trong thế kỷ này, như giao lưu hoà nhập và phát triển hài hoà văn hoá Đông Tây. Loài người thời cổ từng có nền văn minh đa nguyên; ngày nay, trong xã hội hiện đại, nền văn minh nhân loại đang hướng về một loại hình chung. Cái gọi là sự khác biệt giữa văn minh phương Đông (Orient) với phương Tây (Occident) sau khi trải qua vô vàn lần bài xích và hoà nhập lẫn nhau, nay đang tiến đến sự hiểu nhau và đồng nhất. Nhật Bản đang ở giữa hai nền văn minh đó, có sự khôn ngoan và chủ nghĩa tập thể của truyền thống châu Á, đồng thời cũng có sức mạnh hành động và chủ nghĩa cá nhân của văn minh phương Tây. Nhật Bản có thể tiếp tục cống hiến cho thế giới.

Thấu hiểu lịch sử cổ kim và văn hoá các nước trên thế giới, tiến sĩ Nitobe là nhân vật quan trọng đầu tiên được chọn để hoàn thành nhiệm vụ đó. Tiến sĩ thực sự là người chấp hành và điều hòa. Với niềm tin kiên trinh của một tín đồ Ki Tô giáo (Inzo Nitobe là người Nhật đầu tiên theo đạo Quaker và du học ở Mỹ và Đức, có 5 bằng tiến sĩ), tiến sĩ Nitobe không cần dùng quá nhiều lời lẽ để giải thích thái độ của mình; trên thực tế, ông rất ít nhắc tới điều đó. Ông hiểu rằng, lịch sử nhân loại thật ra là do thần linh dẫn dắt, không có điểm nào không hợp với ý chí của Thượng Đế tối cao. Bởi vậy, là một học giả, ông không thể không tách biệt giáo lý nguyên thủy của tôn giáo và các kinh điển mà thần linh đã ban cho tôn giáo, với các tập quán dân tộc hoặc tất cả các thể chế giáo hội bày vẽ thêm. Trong lời tựa của mình, tiến sĩ Nitobe đã bóng gió nói rằng các nước đều có giáo lý của Cựu Ước, nhưng sự ra đời của Ki Tô giáo không phải là để phá hoại giáo lý của Cựu Ước, mà là để phát triển, hoàn thiện nó. Ki Tô giáo ở Nhật Bản cũng sẽ hoàn toàn thoát khỏi các hình thức bày vẽ thêm và ảnh hưởng của nước ngoài, sẽ không còn là tôn giáo

của nước ngoài nữa, mà sẽ bén rễ trên mảnh đất được Võ Sĩ Đạo nuôi dưỡng, sẽ hoàn toàn Nhật Bản hoá. Dứt bỏ mọi sợi dây ràng buộc, thoát khỏi cái vỏ bọc của nước ngoài, Ki Tô giáo sẽ như một luồng khí hòa nhập vào khí chất của đất nước này.

WILIJAM EILIOT GRIFFIS

Ithaca, tháng Năm, năm 1905

*"Trên con đường nhỏ ấy,
Người kỵ sĩ muốn vượt qua đỉnh núi có biết chăng
đó là một con đường đầy khả nghi.
Khi từ cánh đồng hoang xa tít ngẩng nhìn con đường ấy
sẽ phát hiện thấy một đường viền rõ ràng
từ đỉnh núi xa xa cho tới đỉnh núi
Không còn ngờ vực gì nữa
Những khe núi từ đâu mà ra?
Sườn núi dài dằng dặc ấy cũng lộ ra khe nứt
Hãy để một triết lý mới ủa vào
chống đỡ những khe nứt ấy
Gieo mối hoài nghi vào lòng mọi người
Hiểu được ý nghĩa thật sự của niềm tin
Cuối cùng sẽ như vậy, ý đồ chờ đợi ánh sáng
Không cái nào không hoàn mỹ."*

ROBERT BROWNING

Lời biện hộ cho giáo chủ Blougram.

(Nhà thơ người Anh (1812 - 1889), có ảnh hưởng khá lớn trên văn đàn thế kỷ XX, đã đột phá đề tài truyền thống, sáng tạo phương pháp độc thoại sâu sắc và diễn tả tâm lý trong thơ văn.)

"Có linh hồn hùng mạnh bay lướt trên mặt nước từ thời này sang thời khác và đem lại những kích thích mạnh mẽ cho đạo đức, tình cảm và tinh thần của loài người. Ba linh hồn ấy là tự do, tôn giáo và vinh dự. "

HALLAM

Châu Âu thời Trung Thế kỷ.

(Arthur Henry Hallam (1811-1833), nhà thơ và nhà văn người Anh. chết trẻ, các tác phẩm của ông được người cha là nhà sử học Henry Hallam biên soạn in thành sách.)

"Hiệp sĩ đạo chính tà bài thơ của cuộc đời. "

SCHLEGEL

Triết học của lịch sử.

(Frederich von Schlegel (1772-1823) : nhà văn, nhà bình luận văn hóa, nhà ngôn ngữ học người Đức, người đặt nền móng cho văn học lãng mạn Đức.)

CHƯƠNG 1 : VÕ SĨ ĐẠO LÀ MỘT HỆ THỐNG ĐẠO ĐỨC

Biểu tượng của Võ Sĩ Đạo là hoa anh đào, cả hai đều là sản phẩm của nước Nhật Bản. Nó không phải là loại tiêu bản ép khô chẳng có chút sinh khí nào được lưu giữ trong tập tiêu bản của lịch sử nước chúng tôi. Ngược lại, nó là một vật sống động kết hợp hài hoà giữa sức mạnh với vẻ đẹp tồn tại trong dân tộc Nhật Bản. Tuy ta không thể chạm vào nó, nhưng với hương thơm độc đáo, nó phát ra những màu sắc kỳ lạ quanh ta, trùm lên ta một bầu không khí đạo đức hoàn mỹ. Hình thái xã hội trong đó Võ Sĩ Đạo sinh ra và phát triển đã biến mất từ lâu; song, cũng như các vì sao xa xăm tuy đã biến đi nhưng vẫn còn toả sáng trên bầu trời, với tư cách là sản phẩm của chế độ phong kiến sau khi chế độ ấy đã chết, Võ Sĩ Đạo vẫn tồn tại như trước và giờ đây vẫn chiếu rọi trên bầu trời đạo đức của chúng tôi. Tại châu Âu, khi Hiệp Sĩ Đạo (1) - tương tự như Võ Sĩ Đạo - chết đi mà không ai luyến tiếc, một chính khách người Anh là Burke(2) từng viết những lời tổng kết xúc động được khắp nơi truyền tụng. Giờ đây tôi không khỏi cảm thấy vô cùng sung sướng khi cũng dùng cùng thứ ngôn ngữ của Burke - Anh ngữ - để trình bày các vấn đề của Võ Sĩ Đạo.

Do sự thiếu hiểu biết đáng buồn về văn minh vùng Viễn Đông, ngay cả đến tiến sĩ George Miller thông thái (tác giả sách "Lịch sử Triết học", *History Philosophically Illustrated*, bản in lần 3 năm 1853, tập II, trang 2) cũng đều không do dự khi tuyên bố rằng trên thực tế ở phương Đông cổ đại hoặc hiện đại đều chưa từng tồn tại những thể chế tương tự Hiệp Sĩ Đạo. Song ta hoàn toàn có thể tha thứ cho sự thiếu hiểu biết của ông. Vì khi phát hành bản in lần thứ 3 tác phẩm của vị tiến sĩ tốt bụng ấy thì viên tư lệnh của hạm đội Perry đã mở toang được cánh cửa lớn của quốc sách bế quan toả cảng Nhật Bản hồi đó đang thực thi. Trong hơn 10 năm sau đấy, chế độ phong kiến Nhật Bản sống lay lắt và tàn lụi dần. Karl Marx viết trong cuốn "Tư bản" rằng, nếu muốn nghiên cứu xã hội phong kiến thì lúc ấy(3)

chỉ ở Nhật Bản là còn có thể nhìn thấy hình thái sống động của chế độ này. Tại đây, tôi cũng muốn lưu ý các nhà nghiên cứu phương Tây rằng, về phương diện lịch sử và luân lý học, các bạn cũng có thể nghiên cứu Võ Sĩ Đạo bắt đầu từ nước Nhật Bản hiện đại.

So sánh chế độ phong kiến và Võ Sĩ Đạo của Nhật Bản với chế độ phong kiến và Hiệp Sĩ Đạo của châu Âu là một điều vô cùng lý thú(4). Song cuốn sách này không nhằm mục đích nghiên cứu sâu các vấn đề đó. Các cố gắng của tôi chẳng qua chỉ để thuyết trình về: *thứ nhất*, nguồn gốc ban đầu và sâu xa của Võ Sĩ Đạo Nhật Bản; *thứ hai*, đặc tính và các giáo huấn của Võ Sĩ Đạo Nhật Bản; *thứ ba*, ảnh hưởng của nó đối với dân chúng Nhật Bản; *thứ tư*, ảnh hưởng của Võ Sĩ Đạo được tiếp nối và thực thi ra sao. Trong mấy điểm nói trên, điểm đầu tiên sẽ được trình bày ngắn gọn, vì nếu không, tôi sẽ có nguy cơ dẫn dắt bạn đọc đi lạc đường trong các ngõ hẻm vòng vèo của lịch sử Nhật Bản. Điểm thứ 2 sẽ được bàn kỹ hơn. Xét về mặt luân lý học quốc tế và tính cách học so sánh, sự trình bày đó sẽ làm các nhà nghiên cứu hào hứng đối với phương thức tư duy và hành động của dân chúng Nhật Bản. Những điểm còn lại chỉ là hệ luận.

Danh từ tiếng Nhật *Bu-shi-do* (Võ Sĩ Đạo) mà tôi tạm dịch ra tiếng Anh là *Chivalry* tức Hiệp Sĩ Đạo ấy, trên thực tế có ý nghĩa hàm súc hơn từ *Thuật Cưỡi Ngựa*. Xét về nghĩa của mặt chữ, thì Võ Sĩ Đạo là con đường của người Hiệp sĩ - Quân nhân - đạo lý mà người võ sĩ phải tuân theo trong nghề nghiệp và trong đời sống hàng ngày. Nói khái quát, đó là “Lời răn của võ sĩ”, cũng tức là các nghĩa vụ cao cả người võ sĩ phải làm tròn, tùy theo tầng lớp xã hội mà họ lệ thuộc vào. Sau khi đã hiểu rõ nghĩa từ, xin cho phép tôi, trong các phần tiếp theo được sử dụng nguyên nghĩa của Võ Sĩ Đạo. Xét từ các góc độ khác, điều này cũng sẽ giúp cho cách hành văn được tiện lợi hơn. Mô thức tư duy và tính cách khác thường có đặc trưng rõ ràng ấy lại có ảnh hưởng chính xác về địa lý, tất sẽ sản sinh nhiều đặc trưng có tính đặc dị về biểu tượng. Bởi vậy, ngay cả các chuyên gia phiên dịch giỏi nhất cũng khó có thể dùng ngôn ngữ nước ngoài để truyền đạt nổi ý nghĩa một số từ có đặc trưng dân tộc; đôi lúc khó tránh được tình trạng hiểu lầm do phiên dịch thiếu thoả đáng. Thử hỏi, ai có thể dịch được chính xác ý nghĩa của từ tiếng Đức *Gemuth*? Ai có thể cảm nhận được sự khác biệt tinh tế về

ngữ nghĩa cụ thể của hai từ rất giống nhau về hình thức là *Gentleman* trong tiếng Anh và *gentilhomme* trong tiếng Pháp?

Võ Sĩ Đạo như trên đã nói là một loạt lời răn đạo đức mà người võ sĩ phải tuân theo hoặc nên tuân theo. Nó thuộc vào loại luật pháp bất thành văn. Thông thường, đó là một số câu cách ngôn truyền miệng, hoặc trải qua nhiều đời truyền khẩu rồi được một võ sĩ nào đó ghi lại. Nó không phải là loại bộ luật trình bày bằng văn tự mà là một thứ luật pháp khắc sâu trong lòng người. Chính vì vô ngôn vô văn tự, chỉ thể hiện qua hành động thực tế, nên Võ Sĩ Đạo mới càng có sức mạnh to lớn hơn. Nó không do đầu óc của một người nào đó sáng tạo ra, cho dù người đó giàu trí tuệ và vĩ đại thế nào đi nữa, lại càng không phải là sản phẩm của cuộc đời một người nào đó từng trải qua, dù cuộc đời ấy hiển hách thế nào; mà nó được phát triển qua cuộc sống hàng trăm năm của các võ sĩ. Địa vị của Võ Sĩ Đạo trong lịch sử đạo đức Nhật Bản gần như sánh ngang với địa vị của Hiến pháp Anh Quốc trong toàn bộ lịch sử chính trị nước Anh. Thế nhưng Võ Sĩ Đạo không có điểm nào có thể so sánh với Đại Hiến Chương(5) hoặc Chế độ Bảo đảm Nhân thân(6) của nước Anh. Đúng là hồi đầu thế kỷ XVII từng xuất hiện những thứ như *Gia pháp Võ sĩ* (tiếng Nhật: *Buké Hatto*), nhưng 13 điều lệnh của *Gia pháp Võ sĩ* phần lớn là các quy định cứng nhắc về hôn nhân, kết bè lập phái, xây dựng thành quách, chỉ có một chút quan hệ với các lời răn của võ sĩ. Bởi vậy trên thực tế Võ Sĩ Đạo không có thời gian và địa điểm hình thành rõ ràng. Nhưng vì nó phát triển tự giác trong chế độ phong kiến cho nên về mặt thời gian có thể coi là nó trùng hợp với thời điểm khởi thủy chế độ phong kiến. Đồng thời, bản thân chế độ phong kiến là do nhiều yếu tố tạo nên, bởi thế Võ Sĩ Đạo cũng kế thừa bản tính phức tạp của chế độ đó. Tại nước Anh, chế độ phong kiến và chế độ chính trị phong kiến khởi đầu từ thời đại bị người Norman chinh phục (7); cũng tương tự, chế độ phong kiến Nhật hình thành vào cuối thế kỷ XII, cùng thời với sự thống trị của Yoritomo (8). Các yếu tố của chế độ xã hội phong kiến Anh quốc đã tồn tại từ lâu trước khi William đệ nhất chinh phục nước này; cũng như vậy, mầm mống của chế độ phong kiến Nhật Bản đã bắt đầu xuất hiện từ rất lâu trước thời đại Yoritomo tôi đã nhắc tới.

Tương tự như châu Âu, sau khi chế độ phong kiến Nhật chính thức thiết lập, tầng lớp võ sĩ chuyên nghiệp tự nhiên trở nên quan

trọng. Tên gọi chính thức của họ là *samurai* tức "thị vệ". Xét về từ nghĩa, nó tương tự với từ tiếng Anh cổ đại *cniht* (*knecht*, *knight*, tức kỵ sĩ hoặc hiệp sĩ), nghĩa là kẻ hộ vệ hoặc tùy tùng. Về tính chất, nó giống như *soldurii* (dũng sĩ) từng sống trong vùng rừng núi Aquitania (9) thời Caesar (10); hoặc theo Tacitus (11) là những *comitati* (vệ sĩ) đi theo các thủ lĩnh người German (12) thời đó. Khi ta nói về các thế hệ sau nữa, họ càng giống các *milites medii* (đấu sĩ) của châu Âu thời Trung cổ. Một tên gọi khác cũng được dùng rộng rãi là từ Hán-Nhật *Bu-ké* (võ gia, nhà võ) hoặc *Bu-shi* (võ sĩ).

Võ sĩ là một tầng lớp đặc quyền; nguồn gốc ban đầu của họ là những người bẩm tính thô bạo, lấy chinh chiến làm nghề nghiệp. Trải qua bao cuộc chiến tranh liên miên, những đấu sĩ ban đầu do quả cảm và giàu tinh thần mạo hiểm mà được chiêu mộ để tham gia các cuộc chiến đó, rồi cuộc còn lại không nhiều. Những người tồn tại qua các lần đào thải ấy tất nhiên không phải là loại người nhút nhát nhu nhược. Tính cách của họ, xin tạm mượn lời của Emerson (13) để diễn tả, là một "*dòng dõi thô lỗ, cường tráng, đầy sức mạnh hung bạo*". Họ hình thành các gia tộc và đội ngũ *samurai*. Vào thời ấy, cùng với những đặc quyền to lớn và vinh dự cao quý mà tầng lớp mình được hưởng, các samurai nhận thức được việc tầng lớp võ sĩ của họ có một trách nhiệm trọng đại và cần có một chuẩn tắc hành xử chung. Vì họ lệ thuộc vào các gia tộc lãnh chúa khác nhau và các gia tộc đó thường xuyên giao chiến với nhau, cho nên việc xây dựng một chuẩn tắc hành xử như vậy lại càng cần thiết và bức xúc đối với chính các samurai. Cũng như giới y học phải dựa vào quy tắc hành y để kiểm chế sự cạnh tranh giữa các thầy thuốc, hoặc giới luật gia buộc phải tuân theo các nghi thức toà án, nếu không chính họ đều sẽ có nguy cơ bị rơi vào cảnh bị khởi tố, các samurai cũng phải cần có một thứ luật pháp như vậy nhằm ràng buộc hành vi của họ.

Trong chinh chiến, họ phải có thái độ quang minh chính đại ! Ngay trong các tộc người dã man hoặc trong lũ trẻ con cũng có các mầm mống của loại ý thức đạo đức như thế. Đây chẳng phải là cái gốc của tất cả mọi chế độ văn trị, võ trị đó sao? Chúng ta chê cười mong ước của Tom Brown (14), một đứa trẻ người Anh, tựa như bởi lẽ ta lớn rồi mà không nên có điều ước đó nữa. Nhân vật chính trong "Thuở học trò của Tom Brown" (*Tom Brown's School Days*) từng

muốn lưu danh muôn thưở là một kẻ không bắt nạt lũ nhóc bé hơn mình, cũng không quay lưng lại với lũ trẻ lớn." Thế nhưng, bạn đã bao giờ nghĩ rằng, chính cái nguyện vọng đơn giản ấy lại là nền móng của cả một toà lâu đài đạo đức không? Nếu tôi nói với bạn rằng, ngay cả các tôn giáo ôn hoà nhất, hoà bình nhất cũng sẽ tán thành nguyện vọng ấy, phải chăng bạn sẽ cảm thấy tôi có gì quá lời? Điều phi thường của nước Anh vĩ đại chính là ở cái nguyện vọng nho nhỏ ấy của bé Tom. Hơn nữa, ta còn phát hiện thấy nền tảng kiến tạo nên Võ Sĩ Đạo chính là một nguyện vọng nào đó cũng vĩ đại như nguyện vọng của bé Tom. Cho dù tín đồ giáo phái Quakers (15) chứng minh đúng rằng, chiến tranh dù là tấn công, xâm lược hoặc phòng thủ, tự vệ, đều là dã man và không chính đáng cả, thì chúng ta vẫn còn có thể học tập Lessing (16) mà nói: *"Chúng ta đều biết rằng dù khuyết điểm lớn đến đâu, thì mỹ đức bao giờ cũng vẫn có thể sinh ra từ chiến tranh."*

[Ở đây còn ghi chú thêm: học giả Ruskin (17) là một trong những người tốt bụng và yêu hoà bình hơn ai hết, nhưng xuất phát từ nhiệt tình với cuộc sống và nhu cầu phấn đấu, ông vẫn vững tin vào giá trị của chiến tranh. Trong tác phẩm "Vương miện trên cây ô-liu dại" (*Crown of Wild Olive*) ông viết: "Khi nói chiến tranh là cơ sở của mọi nghệ thuật, tôi cũng muốn nói rằng nó cũng là cơ sở của mọi đạo đức cao quý và tài năng của loài người. Đối với tôi sự phát hiện ra điều ấy quả là kỳ quặc và đáng sợ. Nhưng đó là một sự thật không thể phản bác... Nói gọn lại, tôi phát hiện thấy các dân tộc vĩ đại đều qua chiến tranh mà học được chân lý của ngôn từ và sức mạnh của tư duy. Họ được nuôi dưỡng trong chiến tranh, nhưng lại bị hao mòn trong hoà bình; được chiến tranh dạy dỗ rồi lại bị hoà bình lừa gạt; họ được chiến tranh tôi luyện rồi bị hoà bình phản bội; tóm lại, họ sinh ra trong chiến tranh và bị tiêu tan trong hoà bình."]

(Theo chúng tôi, có lẽ chỗ này bản tiếng Anh in nhầm, vì J. Ruskin có tác phẩm *The Grown of Wild Olive* (Sự lớn lên của cây ô-liu dại) chứ không có tác phẩm *Crown of Wild Olive*.)

Những từ ngữ như "ti tiện" và "hèn nhát" là lời phỉ báng xấu xa nhất đối với các võ sĩ tính cách chân chính và có cái tâm kiên toàn. Các trẻ em bắt đầu cuộc đời chúng từ quan niệm ấy, và các võ sĩ cũng vậy. Nhưng đồng thời với cuộc sống ngày càng mở rộng và các mối quan hệ trở nên đa nguyên hoá, những niềm tin ban đầu đã

không đủ để nâng đỡ sự phát triển về sau, cần có những quyền uy cao hơn và các nguồn lực hợp lý hơn để chấp thuận các niềm tin đó. Nếu chỉ thích nghi với quy luật chiến tranh mà không có sự nâng đỡ về mặt đạo đức ở mức cao hơn, thì lý tưởng của giới võ sĩ sẽ bị suy sụp, Võ Sĩ Đạo sẽ không thể phong phú muôn màu muôn vẻ. Tại châu Âu, Ki Tô giáo không những tạo dựng được một thoả hiệp về giáo lý thích hợp với Hiệp Sĩ Đạo, mà còn truyền vào nó những dữ kiện của linh hồn. Nhà thơ Pháp Lamartin (18) từng nói: *"Tôn giáo, chiến tranh và vinh quang là 3 linh hồn của một hiệp sĩ Ki Tô giáo hoàn hảo."* Võ Sĩ Đạo ở Nhật Bản cũng có những nguồn gốc như vậy.

CHƯƠNG 2 : NGUỒN GỐC CỦA VÕ SĨ ĐẠO

Phật giáo là yếu tố đầu tiên dẫn đến sự ra đời Võ Sĩ Đạo. Tâm trạng bình thản yên tĩnh đối với số phận, lặng lẽ phục tùng những gì tất phải đến, không sợ hãi khi gặp hiểm nguy, coi thường tính mạng và thân thiện với cái chết - tất cả đều là những điều Phật giáo gợi ý và ban phát cho Võ Sĩ Đạo. Khi một võ sư kiếm thuật nổi tiếng truyền cho các môn đệ những tuyệt chiêu của mình, ông dạy: "Ngoài những đường kiếm ta đã truyền, các người phải học *Zen*." Trong tiếng Nhật, *Zen* ("Thiền") được dịch từ phạn ngữ *Dhyāna*, nghĩa là "sự gợi mở nhận được khi qua thiền định mà tiến hành suy ngẫm tại nơi vượt ra bên ngoài phạm vi biểu đạt bằng ngôn ngữ" (Lafcadio Hearn (19), "Từ ngoại lai và sự nhìn lại quá khứ", *Exotics and Retrospectives*, trang 84). Suy ngẫm là phương thức của Thiền; theo tôi hiểu, mục đích suy ngẫm là để đạt tới chân lý ở phía sau mọi hiện tượng, và tiến gần một cách vô hạn tới cái Tuyệt Đối, hài hoà nhất trí với Tuyệt Đối. Khi định nghĩa như vậy về Thiền trong Võ Sĩ Đạo thì các lời răn nói trên đã không còn là một cảm xúc tôn giáo nữa, mà trở thành một thứ đạo để người ta tu hành; bất cứ ai cũng đều có thể thông qua nó để thấu hiểu cái Tuyệt Đối, để siêu thoát thế sự, đạt tới sự đốn ngộ triệt để, "tiến vào một bầu trời mới và vùng đất mới."

Ngoài Phật giáo ra thì nguồn gốc thứ hai của Võ Sĩ Đạo là *Shinto* (20); nó bổ sung các lời răn mà Phật giáo không có. Trước hết, Thần đạo yêu cầu phải trung thành khắc cốt ghi xương với thần linh (tức chúa phong kiến, quân chủ), sự tôn kính tổ tiên và hiếu thuận với cha mẹ đều là các biến thái của lòng trung này, qua đó làm cho Võ Sĩ Đạo vượt xa khỏi phạm trù tôn giáo. Tóm lại, các phẩm tính của sự trung thành ấy đem lại đặc trưng phục tùng cho tính cách ngạo mạn của các samurai. Trong loại Thần đạo này không có thứ giáo lý "nguyên tội"(21) . Ngược lại, nó tin rằng con người vốn lương thiện, cũng thuần khiết như chính các thần linh; con người được nâng lên

tới vị trí thiêng liêng như nơi trú ngụ của các thần linh. Ai từng đến thăm các miếu thờ Thần đạo đều thấy trong miếu không có tượng thần thánh và đạo cụ, chỉ có một tấm gương treo ở gian trong, ngoài ra chẳng có gì hết. Hàm nghĩa tồn tại của tấm gương này khá rõ ràng, nó biểu thị khi tâm hồn thuần khiết trong sạch thì hình ảnh của thần linh sẽ được hiện lên trong tấm gương. Bởi vậy, khi làm lễ trước thần linh, người ta chỉ nhìn thấy hình ảnh của mình trong gương. Cách hành lễ như thế tương đương với lễ Delphi (22) thời xưa: hãy nhận biết chính bản thân mình! Có điều, "nhận biết bản thân" dù là trong tín ngưỡng Hy Lạp hoặc Nhật Bản, cái nhận biết được không phải là các hiểu biết về thân xác và tâm-sinh lý, mà là cái đạo đức trong thâm tâm. Mommsen từng so sánh thú vị về nghi thức tôn giáo của người Hy Lạp và người La Mã: khi hành lễ, người Hy Lạp nhìn lên Trời, còn người La Mã che mặt bằng một tấm vải; nghĩa là người Hy Lạp chăm chú nhìn lên thần linh, còn người La Mã thì tự kiểm điểm chính mình. Sự phản tỉnh của người Nhật Bản có cùng tính chất như người La Mã; hơn thế, ý nghĩa của nó không chỉ dừng lại ở sự hoàn thiện đạo đức cá nhân mà là ở ý thức tập thể của toàn dân tộc. Phương thức thờ cúng của Thần đạo khiến cho đối tượng sùng bái của người võ sĩ là lãnh thổ và chủ quyền của nước Nhật Bản; họ sùng bái tổ tiên trên tất cả các phổ hệ, cách sùng bái ấy khiến hoàng gia Nhật Hoàng trở thành tổ tiên xa xưa nhất (23) của toàn thể dân chúng Nhật Bản. Cho nên với chúng tôi lãnh thổ đất nước không có nghĩa là mảnh đất để trồng trọt hoặc để khai thác lấy được vàng bạc châu báu, mà là nơi ở thiêng liêng của các vị thần linh, là tinh thần của tổ tiên chúng tôi. Người Nhật Bản coi Thiên Hoàng không chỉ có ý nghĩa là *Rechtsstaat* (nguyên thủ chính trị cai trị đất nước) hoặc *Culturstaat* (người bảo vệ văn hoá của quốc gia văn minh) - mà hơn thế nữa, còn là đại biểu ở dưới đất của ông Trời, gieo rắc lòng nhân ái cho nhân gian, thi hành quyền lực của Trời. Nếu M. Boutmy tác giả cuốn "Người Anh" (*The English People*, trang 188) là đúng khi ông nói Hoàng gia Anh quốc *không những chỉ là hình ảnh của quyền lực, mà là tác giả và biểu tượng của sự thống nhất dân tộc* - thế thì tôi tin rằng, ấn tượng về sự thiêng liêng của Hoàng gia tại Nhật Bản lại càng nên nhấn mạnh gấp đôi gấp ba.

Thần đạo mang lại cho người võ sĩ hai đặc tính vượt trội trong đời sống tình cảm của dân tộc chúng tôi - đó là tình yêu nước và lòng trung thành với đất nước. Arthur May Knapp rất đúng khi nói: *"Trong văn học Hebrew (24), thường là rất khó phân biệt chỗ nào tác giả nói về Thượng Đế hay là về đất nước, nói về Trời hay là về Jerusalem; nói về Chúa Cứu thế Messiah hay là về quốc dân."* (xem: "Chế độ phong kiến và nước Nhật Bản hiện đại". *Feudal and Modern Japan*, tập 1 trang 183). Sự lẫn lộn nhập nhằng tương tự cũng xuất hiện trong tên gọi các đức tin của dân tộc chúng tôi. Tôi nói nhập nhằng, vì những người trọng logic cảm thấy bối rối trước sự mơ hồ của từ ngữ. Là bộ khung của bản năng và của tình cảm dân tộc, Thần đạo không bao giờ giả trang thành một thứ triết học có hệ thống hoặc thần học hợp lý. Loại tín ngưỡng này - dù là có tính tôn giáo hay bản thân nó là hoá thân của tình cảm dân tộc - đã truyền cho Võ Sĩ Đạo một tình cảm trung quân ái quốc tương đối triệt để. Việc chăm sóc tình cảm đó không phải là sự răn dạy giáo lý, mà là sự nhận biết- cảm tính. Vì, khác với Nhà thờ Ki Tô giáo thời Trung cổ, Thần đạo Nhật Bản không dùng bất cứ kinh sách nào để dạy dỗ tín ngưỡng thiêng liêng cho các tín đồ của mình, mà cung cấp ngay cho họ một quy chế hành xử thẳng thắn, đơn giản.

Nói đến quy chế đạo đức nghiêm ngặt, thì học thuyết của Khổng Tử (25) là nguồn đạo đức phong phú nhất của Võ Sĩ Đạo. Những lời dạy về 5 mối quan hệ luân lý vua-tôi (quân thần), cha-con, chồng-vợ, anh- em, bạn bè với nhau, mà người Trung Quốc gọi là *Ngũ Luân*, thì Nhật Bản đã có kiểu trật tự tự phát như thế ngay từ trước khi các bộ sách kinh điển của Nho giáo truyền vào nước chúng tôi. Nhưng học thuyết của Khổng Tử đã có tác dụng cố định và thể chế hoá trật tự ấy. Về chính trị, Khổng Tử đề xướng cách ứng xử nhân ái, bình tĩnh và có lý trí. Những tư tưởng và ngôn luận bảo thủ, quý tộc hoá ấy đều rất thích hợp với tầng lớp võ sĩ Nhật Bản thời bấy giờ. Với tư cách là kẻ thực hành cai trị nước Nhật, giới võ sĩ tìm được từ các kinh sách của Trung Quốc những phẩm chất họ muốn có. Sau Khổng Tử, học thuyết của Mạnh Tử (26) cũng có ảnh hưởng lớn đối với Võ Sĩ Đạo. So Với Khổng giáo thì học thuyết của Mạnh Tử bình dân hơn, giàu lòng đồng tình. Tuy dễ được rất nhiều người bản tính nhân ái tiếp thu, nhưng tư tưởng Mạnh Tử lại bị cho là phản nghịch đối với trật tự xã hội hiện hành. Trong một thời gian

dài, sách của Mạnh Tử bị cấm ở Nhật, song điều đó không ngăn cản các võ sĩ hiếu học vẫn tiếp thu tư tưởng Mạnh Tử và dùng nó làm chuẩn mực xử thế.

Các trước tác Khổng Mạnh trở thành sách võ lòng của thanh thiếu niên Nhật, và là chỗ dựa để người lớn bàn thảo mọi vấn đề. Nhưng chỉ tinh thông các kinh điển ấy của Nho giáo thôi thì chưa thể được mọi người kính trọng. Các nhà hủ Nho đọc đầy một bụng kinh sách mà không tiêu hoá nổi, bị người đời chê cười là "đọc mà không hiểu". Một võ sĩ nổi tiếng gọi họ là những con "mọt sách". Một võ sĩ khác ví học vấn là thứ thức ăn đã bốc mùi thiu. Ông nói, học vấn khác nào một món ăn đã thiu, cần phải đun lại trước khi ăn. Đọc càng lăm sách thì mùi thiu thôi càng nặng. Đọc ít sách thì mùi thôi sẽ bớt. Sở dĩ các võ sĩ có lối cao đàm khoát luận như thế là do trong lòng họ chỉ có một học vấn duy nhất là học vấn về cách xử thế, tức cách tu thân, biến tri thức thành tâm hồn chứa đựng tràn trề trong cái hình hài võ sĩ. Nếu không, tuy lăm kiến thức mà không biến nó thành hành động, thì chẳng khác gì một cỗ máy không có chút sức quyến rũ nào. Tri thức của người võ sĩ sẽ biến thành phẩm chất, khí tiết, chứa đựng khí thiêng của vũ trụ. Bởi vậy, Võ Sĩ Đạo không chấp nhận một số tri thức, như quan điểm của Huxley (27) về Thuyết Tiến hoá, nó chẳng liên quan gì đến việc tu thân mà chỉ là sự chứng minh máy móc về vũ trụ không phải là tri thức trong lòng người võ sĩ.

Võ Sĩ Đạo coi thường các hiểu biết thuần túy về mặt học thức. Trong con mắt các võ sĩ, tri thức nên là biện pháp để có được trí tuệ, họ không tìm hiểu tri thức chỉ vì để nắm bắt được nó. Những người có học vấn suông bị các võ sĩ coi là một thứ máy đọc biết ngâm vài câu thơ theo yêu cầu của người khác. Bởi thế câu nói của Socrates (28) "*Tri thức phải chỉ đạo hành động thực tế của con người*" trở thành thước đo hành động của võ sĩ. Triết gia Trung Quốc Vương Dương Minh (29), người từng trình bày chính xác học thuyết ấy của Socrates, cũng nhiều lần nhắc lại tính chất quan trọng của "Tri Hành hợp nhất" (biết thế nào thì làm thế ấy).

Trong khi đang nói về đề tài này, tôi xin phép ra ngoài đề một chút, bởi lẽ một số loại võ sĩ nổi tiếng từng chịu ảnh hưởng rất mạnh bởi học thuyết của Vương Dương Minh. Bạn đọc phương Tây dễ dàng nhận thấy là trong các tác phẩm của Vương Dương Minh có nhiều chỗ tương đồng với Tân Ước. Khi xem xét các từ ngữ đặc

trưng cho một học thuyết nào đó, thì đoạn văn “*Trước hết hãy tìm vương quốc của Chúa và lễ công bằng của Người, và tất cả những thứ đó sẽ được cộng vào cho mi*”, đã chuyển tải một tư tưởng có thể tìm thấy trong hầu hết các trang sách của Vương Dương Minh. Một môn đệ người Nhật của Vương là Miwa Shissai nói: "Vị chúa tể của Trời, Đất và của mọi chúng sinh thì ở ngay trong trái tim con người, trở thành trí óc (tiếng Nhật: *Kokoro*) của nó; do đó trí óc là một sinh thể và mãi mãi tỏa sáng", và lại nữa, "ánh sáng tâm linh của sự hiện hữu căn bản của chúng ta là thuần khiết và không chịu ảnh hưởng của ý chí con người tự phát bật ra trong trí óc chúng ta, nó cho thấy cái gì là đúng, cái gì là sai, sau đó nó được gọi là ý thức, thậm chí nó là ánh sáng tiếp nối từ Chúa Trời." Những từ ngữ đó nghe giống biết bao với những đoạn trích từ Isaac Pennington hoặc những huyền học triết lý khác! Tôi thiên về ý nghĩ rằng, trí óc Nhật Bản, như được diễn đạt trong những giáo điều giản dị của Thần đạo (*Shinto*), thì đặc biệt cởi mở tiếp nhận các giáo huấn của Vương Dương Minh. Ông đã đưa học thuyết không gì phá vỡ nổi của ông về ý thức tới thuyết siêu nghiệm cực đoan, gán cho nó khả năng cảm nhận không chỉ sự khác biệt giữa đúng và sai, mà cả bản chất của những sự kiện tâm lý và các hiện tượng vật lý. Ông đã đi khá xa như, nếu không muốn nói là xa hơn Berkeley và Fichte trong chủ nghĩa duy tâm, khi phủ định sự tồn tại tất cả những gì ở ngoài phạm vi hiểu biết của con người. Nếu hệ thống của ông có tất cả mọi sai lầm logic của thuyết duy ngã, thì nó lại có mọi hiệu quả của một đức tin mạnh mẽ và sự nhập khẩu đạo đức của nó trong sự phát triển tính cá thể của nhân cách và sự điềm tĩnh của tâm trạng là không thể phủ nhận được.

Vì thế, cho dù bất cứ nguồn gốc nào, các nguyên tắc cốt yếu của Võ Sĩ Đạo hấp thụ từ nguồn gốc đó và tự tiêu hoá, đều là ít và đơn giản. Chúng ít và đơn giản, vừa đủ để trang bị một lời chỉ dẫn an toàn cho cuộc đời như nhau qua những ngày rối ren của thời kỳ không ổn định nhất trong lịch sử Nhật Bản. Với bản chất thuần phác, các tổ tiên dũng cảm của chúng tôi kiếm được cho mình đầy đủ các món ăn tinh thần phong phú từ một bó lúa nơi công cộng và từ các học thuyết chấp vá nhặt mót được trên những con đường cái và đường tắt của tư duy cổ đại rồi được kích thích bởi các yêu cầu của thời đại, hình thành một dạng tính khí nam nhi cương nghị mới

và độc đáo từ những bó lúa mót được ấy. Một người Pháp uyên bác sắc sảo là ông De la Mazelière đã tóm tắt ấn tượng của ông về thế kỷ XVI như sau: "Trong khoảng giữa thế kỷ XVI, tại Nhật Bản đã diễn ra sự lộn xộn trong chính quyền, xã hội và giáo hội. Trong các cuộc nội chiến, mọi tập quán đã quay trở lại thời kỳ dã man, nhu cầu mỗi người tự thực thi sự công bằng - do đó đã hình thành những con người có thể so sánh với người Ý của thế kỷ XVI, từng được Taine (30) ca ngợi là *sự khởi đầu mạnh mẽ, thói quen giải quyết vấn đề một cách đột ngột và liều mạng, khả năng to lớn hành sự và chịu đựng*. Tại Nhật cũng như tại Ý, *các thói quen thô lỗ của thời Trung cổ* làm cho con người trở thành loài động vật tuyệt vời *hoàn toàn hiếu chiến và hoàn toàn kháng cự*. Và đó là lý do tại sao thế kỷ XVI thể hiện ở mức cao nhất những phẩm chất chủ yếu của chủng tộc Nhật Bản. Sự thay đổi lớn đó được phát hiện thấy giữa tư duy cũng như giữa các khí chất. Trong khi tại Ấn Độ và ngay cả tại Trung Quốc, người ta khác nhau chủ yếu ở mức độ nghị lực hoặc trí thức, thì tại Nhật Bản, người ta khác nhau bởi tính cách ban đầu. Giờ đây, cá tính là dấu hiệu của các chủng tộc cao hơn và của nền văn minh phát triển. Nếu sử dụng cách diễn đạt quen thuộc của Nietzsche (31), ta có thể nói rằng ở châu Á, khi nói về nhân loại là nói về các vùng đồng bằng; còn tại Nhật Bản và châu Âu, điều đó thể hiện tất cả qua các ngọn núi."

Để thẩm nhuần các đặc tính của những người được ông De la Mazelière mô tả ở trên, chúng ta hãy bắt đầu với yếu tố *Nghĩa*.

CHƯƠNG 3 : YẾU TỐ CỐT LÕI CỦA VÕ SĨ ĐẠO - NGHĨA

Nghĩa là yếu tố quan trọng nhất trong nội dung của Võ Sĩ Đạo. Hành vi ti tiện và gian trá là điều bị người võ sĩ ghét nhất. Nhưng có lẽ đôi lúc cái định nghĩa về *Nghĩa* sẽ nhầm lẫn vì bị hiểu một cách hẹp hòi. Một võ sĩ nổi tiếng từng định nghĩa *Nghĩa* là quyết tâm,

ông nói: "*Nghĩa* khác với *Dũng*. *Nghĩa* tức là quyết tâm, đã hiểu đạo lý thì phải hành động, ngoan cường bất khuất; khi cần chết thì tất phải dám chết; khi cần chinh chiến thì tất phải dám chinh chiến." Một võ sĩ khác trình bày khái niệm *Nghĩa* như sau: "*Nghĩa* là

cốt cách của con người, nó nâng đỡ toàn thân; nếu không có nó thì người sẽ không thể nào đứng được, hành động được, thậm chí không thể thành người. Bởi vậy không có *Nghĩa*, thì dù có tài năng, học thức vẫn chưa đủ để lập thân. Khi đã có *Nghĩa*, thì dù mắc các tật như thô tục, vô lễ, người đó vẫn đủ tư cách để được gọi là võ sĩ." Mạnh Tử của Trung Quốc cũng từng nói rằng, "*Nhân, là lòng người vậy; Nghĩa, là con đường lớn của người vậy.*" (Nguyên văn chữ Hán: "Nhân, nhân tâm dã. Nghĩa, nhân lộ dã." Câu này lấy từ "Mạnh Tử - Cáo Tử, thượng". Toàn bộ các trích dẫn lời Khổng Tử, Mạnh Tử trong sách này, chúng tôi đều lấy từ sách "Tứ Thư Ngũ Kinh - Hiện đại bản" của Trương Chấn Đức chủ biên, NXB Ba Thục, Trung Quốc, xuất bản năm 1996 - Chú thích của người dịch bản tiếng Việt). Ông từng cảm thán: "*Điều đáng buồn của người ta là bỏ mất con đường ngay thẳng Nghĩa, bỏ mất chân tâm của mình. Nếu nhà ai bị mất con gà con chó thì còn biết đi tìm chúng về; nhưng nếu đã mất chân tâm thì chẳng biết tìm nó về nữa !...*" ("Xá kỳ lộ nhi phát do, phóng kỳ tâm nhi bất tri cầu, ai tai ! Nhân hữu kê khuyến phóng, tắc tri cầu chi; hữu phóng tâm nhi bất tri cầu" Câu này lấy từ "Mạnh Tử - Cáo Tử, thượng"). Tựa như nhìn thấy ánh sáng yếu ớt từ một tấm gương mờ, qua câu nói trên, ta có thể phản phát nhìn thấy hình bóng tư tưởng của Jesus vĩ đại xuất hiện sau Mạnh Tử 300 năm. Jesus cũng từng có câu ví "Con đường chính nghĩa mà chúng ta để

.mất". Có lẽ có bạn cho rằng ở đây sự trình bày của tôi đã đi chệch chủ đề. Tóm lại, theo quan điểm của Mạnh Tử, *Nghĩa* là con đường thẳng nhưng hẹp mà con người tất phải bước lên nhằm để giành lại thế giới đại đồng đã bị bỏ mất.

Vào thời kỳ cuối của chế độ phong kiến, do xã hội Nhật Bản trải qua một thời gian dài được hưởng hoà bình, cuộc sống ca hát nhảy múa đã làm cho giới võ sĩ quen với sự nhàn hạ và tiêu khiển, họ trở nên tinh thông các ngón nghề vui chơi, và ham mê giải trí tiêu khiển. Thế nhưng ngay cả khi ấy, *Nghĩa Sĩ* (tiếng Nhật: *Gishi*) vẫn là danh hiệu cao quý nhất được tặng cho các bậc thầy về học vấn hoặc nghệ thuật. Trong thực tế, theo quan niệm của người Nhật Bản, *Nghĩa* quan trọng hơn hết thảy các thứ như học vấn, nghệ thuật v.v... Câu chuyện "47 *Gishi*" được lưu truyền lâu dài trong dân gian; sự tích của 47 vị trung thần này luôn luôn được nhắc đến trong giáo dục quốc dân ở Nhật Bản.

Trong thời đại phong kiến, các kiểu ứng xử thịnh hành như mưu mô thủ đoạn, quyền biến, xảo trá thường được coi là sách lược xử thế. Nhưng chính vào thời này, đã ra đời phẩm chất *Nghĩa* cương trực, thẳng thắn. Đó là phẩm chất của người đàn ông chân chính, nó toả sáng vô hạn, được người đời mãi mãi ca ngợi, hướng tới. *Nghĩa* và *Dũng* đều là đức của người võ sĩ, tương tự một cặp anh em sinh đôi. Ở đây, ta tạm thời chưa bàn tới *Dũng* mà chỉ nói về cái trong tiếng Nhật Bản gọi là *Giri* - "Đạo Hành Nghĩa". Lẽ tự nhiên, "Đạo Hành Nghĩa" sinh ra từ chữ *Nghĩa*, song vì câu nói này được dùng lâu ngày trong xã hội nên nó dần dần đi chệch hàm nghĩa ban đầu, bị người ta hiểu sai dùng bậy. Xét về mặt chữ, thì "Đạo Hành Nghĩa" dĩ nhiên là nói nên làm việc *Nghĩa* như thế nào. Song, cùng với thời gian, dư luận xã hội đã mô thức hoá câu nói này, khiến cho cái gọi là "đạo" ở đây trở nên dung tục và vắn đục. Trên thực tế, hàm nghĩa ban đầu của "đạo" chính là nói về một thứ nghĩa vụ tương đối đơn thuần - chẳng hạn, chúng ta đều có nghĩa vụ đối với cha mẹ, với người trên, đối với trẻ em, với xã hội. "Đạo Hành Nghĩa" trước tiên là nói về sự thi hành các nghĩa vụ đó. Trong trường hợp này, "Đạo Hành Nghĩa" tức là thi hành nghĩa vụ. Ở đây, nghĩa vụ tức là yêu cầu của chức trách; ta phải làm một việc nào đó do yêu cầu của quy ước đạo đức trong xã hội, chứ không phải vì lý do nào khác. Chẳng

phải thế sao? Lẽ nào lý do chính đáng (chính nghĩa) mà xã hội đã quy ước lại không phải là mệnh lệnh duy nhất đối với ta hay sao?

Nguyên ý của "Đạo Hành Nghĩa" chẳng qua là thực hành nghĩa vụ, nhưng theo tôi, sự xuất hiện chữ "Đạo", là do những thực tế sau đây. Hành vi của chúng ta, chẳng hạn hành vi "Hiếu" có động cơ là tình yêu. Thế nhưng, trường hợp thiếu tình yêu thì nên thế nào đây? Thì phải có một uy quyền nào đó bảo đảm thực thi sự hiếu thảo. Thế là người ta nhấn mạnh sự "Hành Nghĩa". Đây là một lý do vô cùng chính đáng: nếu lực của tình yêu chưa đủ mạnh, nếu thiếu tình yêu thương, thế thì người ta nhất định phải dùng lý trí để giải quyết. Cũng tức là nói, cái gọi là "Hành Nghĩa" yêu cầu người ta phải dựa vào lý trí để hành động, dựa theo quy ước đạo đức đã xây dựng nên để ràng buộc hành vi của mình. Đạo *Hiếu* là như vậy; các nghĩa vụ đạo đức khác cũng đều thế cả. Hiểu "Hành Nghĩa" theo cách đó thì sẽ có thể hiểu nó là một kẻ giám sát nghiêm ngặt, một khi tình cảm lời lỏng thì lý trí sẽ lập tức tràn vào, tay cầm roi đòn đốc ta kiềm chế ham muốn của bản thân, làm đúng với lễ ("khắc kỷ phục lễ"). Nghĩa vụ là thứ không thể trốn tránh được, "Đạo Hành Nghĩa" bảo đảm thực thi điều đó. Trong thực tế, với ý nghĩa chân chính của đạo đức, "Hành Nghĩa" chẳng qua chỉ chiếm vị trí công hiệu thứ hai mà thôi; động cơ đầu tiên của chúng ta nên là tình yêu. Về điểm này, sự dạy bảo của "Hành Nghĩa" không thể so được với lời dạy của Chúa Jesus - dạy bảo lấy tình yêu. làm luật pháp. Bởi vậy, theo quan điểm của tôi, "Hành Nghĩa" chẳng qua là thứ sản phẩm của sự ràng buộc xã hội - một xã hội trong đó ngẫu nhiên có sự khác biệt giai cấp, ngoài ra còn có sự bênh vực không liên quan tới thực lực của kẻ được bênh vực. Xã hội lấy gia đình (gia tộc) làm đơn vị, cho nên người lớn tuổi thì được tôn trọng hơn người có tài năng. Tình yêu tự nhiên thường hay bị các thế lực xã hội bóp méo. Chính vì *Nghĩa* trở thành hành vi bị sức người quy ước, nên "Đạo Hành Nghĩa" cũng dần dần suy đồi, trở thành một chuỗi các hành vi không thể nào không tự mâu thuẫn. Chẳng hạn, tại sao khi cần thiết, bà mẹ có thể hy sinh tất cả các con của mình chỉ để cứu lấy một đứa con trưởng? Tại sao vì để kiếm tiền cung phụng ông bố ăn chơi phóng đãng mà cô con gái lại có thể bán trinh tiết của mình cho kẻ khác? Và các thí dụ khác nữa. Khi nêu ra những vấn đề đó thì tính chất hợp lý của cái gọi là "Hành Nghĩa" trở nên bị vắn đục. Theo quan điểm của tôi,

"Hành Nghĩa" tuy xuất phát từ *Nghĩa*, nhưng thông thường lại hay trở nên khúc mắc bởi những nghịch lý trái đạo đức khó nhận ra. Thậm chí vì nguyên nhân này mà "Hành Nghĩa" trở nên nhu nhược, sợ bị trách cứ. Scott (32) từng hình dung như sau về lòng yêu nước: *"Nó đẹp nhất, nhưng đồng thời cũng đáng nghi ngờ nhất; nó là cái mặt nạ của nhiều tình cảm ti tiện"*. Tôi cho rằng có thể dùng câu nói đó để hình dung "Hành Nghĩa". Khi mức độ của "Hành Nghĩa" (*Giri*) vượt quá phạm vi chính nghĩa thì nó trở thành nơi quy tụ các lời che đậy lẫn tránh. Bên trong cái mặt nạ ấy ẩn giấu các kiểu ngụy thiện và ngụy biện. Bởi vậy, khi thực thi Võ Sĩ Đạo mà không gắn liền với lòng dũng cảm chân chính, không có dũng khí nhay bén và chính trực, không có tinh thần dám làm dám chịu, kiên trinh bất khuất, thì *Nghĩa* sẽ

trở thành nơi tụ họp lời ngụy biện của những kẻ hèn nhát.

CHƯƠNG 4 : DŨNG – TINH THẦN DÁM LÀM DÁM CHỊU

Dũng chỉ có giá trị ở trường hợp khi thấy *Nghĩa* mà có hành vi *Dũng*. Trong *Luận*

Ngữ, Khổng Tử định nghĩa *Dũng* từ phía phản diện - đây cũng là phương pháp bàn luận ông thường dùng khi tránh né vấn đề - định nghĩa của ông như sau: “*Thấy việc chính nghĩa mà không hành động là vô Dũng vậy.*” (kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã - câu này lấy từ sách *Luận Ngữ*). Giả dụ chuyển định nghĩa này thành cách nói chính diện, thì “*Dũng* là hành động khi thấy *Nghĩa*.” Dám xông pha nơi hiểm nguy, liều mạng xả thân, khẳng khái đi tới chỗ chết - những phẩm chất đó thường gọi là *Dũng*. Nhưng những người lấy đầu dũng làm nghề nghiệp thì không đáng được ca ngợi là “có tinh thần *Dũng*”. Shakespeare (33) gọi kiểu *Dũng* không có giá trị tinh thần ấy là “Con riêng của lòng dũng cảm”. Võ Sĩ Đạo gọi một cách khinh miệt kiểu chết vì một việc không đáng chết là “cái chết của con chó”. Plato (34) định nghĩa về *Dũng* như sau: “Biết phán đoán chính xác sự vật đáng sợ hãi và không nên sợ hãi.” Hoàng tử Mito tuy chưa từng biết đại danh của Plato, nhưng định nghĩa của ông về *Dũng* lại giống như định nghĩa của nhà hiền triết Hy Lạp ấy. Mito nói: “Chết trên sa trường không khó, thậm chí kẻ hèn mọn cũng có thể làm được. Biết sống khi đáng sống, biết khẳng khái chết khi đáng chết thì mới đáng gọi là dũng sĩ chân chính.” Nghĩa là, trong định nghĩa của phương Tây có cái *Dũng* với ý nghĩa đạo đức, và cái *Dũng* về thể xác; còn ở Nhật Bản, từ rất lâu về trước, người ta đã biết tách bạch rạch ròi sự khác biệt đó. Mỗi một võ sĩ ngay từ thuở niên thiếu đã am hiểu sâu sắc sự khác nhau giữa “Đại Dũng” với “cái Dũng của kẻ thất phu (35)”.

Trong nền giáo dục ở Nhật Bản, phẩm chất cương nghị bất khuất, dũng cảm, bình tĩnh được các thiếu niên tiếp thu từ rất sớm; họ dần dần có được khí chất đó qua thực tiễn và rèn rũa. Ai có đức tính ấy thì được khích lệ, được nhiều người tán thưởng. Ngay từ khi

còn được mẹ bế ẵm, các em nhỏ đã được nghe kể nhiều lần về những chuyện chiến chinh. Nếu đứa trẻ khóc vì những nỗi đau nhỏ nhất nào đấy, thì bà mẹ sẽ mắng nó: “Đồ hèn nhát, mới đau một tí mà đã khóc ! Nếu khi ra chiến trường mà con bị chém đứt cánh tay thì sao? Giả dụ phụng mệnh phải *hara-kiri* (tự mổ bụng mình), con có dám làm hay không?” Trong vở ca vũ kịch “Tiên đài thu”, chú bé hoàng tử Sendai ngây thơ đã có phẩm chất nhẫn nại chịu đựng: “Sendai rất thích thú khi thấy cảnh chim mẹ mang thức ăn mớm cho chim con trong lòng ẵm, lũ chim con há những cái mỏ xinh xinh nuốt thức ăn mẹ chúng mớm cho; nhưng chú bé hiểu rằng mình là con nhà võ sĩ thì phải biết nhịn đói nhịn khát.” Trong các truyện đồng thoại ở Nhật Bản có vô số những câu chuyện về lòng kiên nhẫn và dũng cảm. Song việc rèn rũa phẩm chất *Dũng* cho trẻ em không chỉ dựa vào kể chuyện. Trong hành động, rất nhiều bậc cha mẹ rèn luyện lòng can đảm cho con cái bằng các phương pháp xem ra khá là khắc nghiệt. Họ cho rằng, sự tử dám quảng lũ con của chúng xuống vực sâu, thì người võ sĩ cũng nên đặt con mình vào hoàn cảnh gian nan hiểm nguy, có vậy chúng mới đủ nghị lực hoàn thành được công việc lao dịch cực khổ như Sisyphus (36). Họ cố ý cho trẻ chịu đói chịu rét để chúng quen với sự rèn luyện gian khổ và chịu đựng. Họ buộc đứa trẻ khi còn bé tí đã phải một mình đi tới một gia đình hoàn toàn không quen biết. Hoặc vào sáng sớm mùa rét, họ gọi chúng ra khỏi giường ngủ, bắt nhịn ăn sáng, đi chân đất đến nhà thầy giáo để tập đọc thơ. Hoặc mỗi tháng một lần vào ngày lễ của Đạo giáo, cho lũ trẻ họp lại, suốt đêm thay nhau đọc thơ không ngủ; hoặc họ bắt chúng đi một mình đến những địa điểm dễ khiến người ta khiếp sợ như bãi tha ma, nơi hành quyết tử tù, nhà bỏ hoang bị coi là có ma. Cách dạy con như vậy thậm chí lại làm cho lũ trẻ trở nên thích những trò chơi kiểu như ban ngày xem cảnh hành quyết tử tù, đến đêm lại một mình đi tới đoạn đầu đài, đánh dấu vào cái đầu lâu bị chặt của kẻ tử tù rồi mới về nhà.

Các phương pháp “rèn rũa lòng can đảm” nói trên của người Nhật còn tàn nhẫn hơn cả phương pháp “rèn luyện thần kinh” của người Sparta (37), khiến cho các nhà giáo dục hiện đại kinh sợ phân vân: phải chăng các phương pháp đó có thể bóp chết tình cảm nhu mì trong lòng người, rèn đúc các thiếu niên mới vào đời trở thành kẻ

tàn bạo dã man? Chúng ta hãy phân tích các quan niệm khác của Võ Sĩ Đạo về lòng can đảm.

Nếu trong tâm có *Dũng* thì nó sẽ làm cho người ta luôn tỏ ra bình tĩnh, nghĩa là nội tâm ổn định, ung dung điềm nhiên. *Tĩnh* nghĩa là đại dũng trong trường hợp tĩnh lặng, yên bình; dám làm dám chịu là *đại dũng* trong trường hợp hành động. Kẻ *Dũng* thường có thái độ *Tĩnh*, gặp nguy biến chẳng hề giật mình, trong lòng không một chút bối rối, bất cứ sự việc nào cũng không thể làm họ mất bình tĩnh. Dù cho trong lúc đang kịch chiến, kẻ đó vẫn ung dung tự tại, trấn tĩnh như thường; dù trời sập đất sụt cũng không làm thần sắc họ thay đổi. Động đất, bão tố đều không mảy may làm kẻ đó biến sắc mặt. Hiểm nguy, cái chết đều không thắng nổi sự điềm tĩnh của họ. Tai nạn lớn ập xuống đầu vẫn ngâm thơ, chết đến nơi vẫn ca hát. Người như thế là vĩ nhân chân chính, họ luôn luôn có phong thái ung dung không vội vàng nôn nóng, ta gọi thái độ đó là tư tưởng phóng khoáng (nguyên văn tiếng Nhật: *yo-yu*), vì trong lòng họ không một chút vướng vẩn, tạp niệm, lòng dạ trống không, từng trải muôn vàn sự việc vẫn như không có gì xảy ra, cõi lòng như vậy thật là mênh mông vô hạn.

Những điều nói trên đều có thí dụ thực tế minh họa:

Chính sử Nhật Bản chép: ông Ota Dokan, người sáng lập thành Edo, tức Tokyo ngày nay, bị thích khách đâm giáo vào người. Biết ông thích ngâm thơ, thích khách cao giọng đọc câu thơ.

"Chỉ khi chết mới hiểu ra,

Rằng sống mới là việc khó biết bao!"

Nghe câu thơ ấy, Ota Dokan đang hấp hối chẳng thêm bận tâm đến vết thương chí tử trên người mình, vẫn ung dung sang sảng họa lại bằng câu thơ:

"Tử sinh là lẽ thường tình ,

Nên ta chẳng tiếc hy sinh thân này!"

Phẩm chất *Dũng* có yếu tố tinh thần, cũng có cả yếu tố thể lực. Những sự việc người thường cho là rất nghiêm trọng, thì samurai chỉ coi đó chẳng qua là thứ trò chơi mà thôi. Trong chiến tranh thời xưa, bao giờ cũng vậy, hai bên giao chiến trước hết mở đầu bằng đàm câu chuyện đùa vui, sau đó hát nói đối đáp, xướng và ca với nhau. Đây là một quy ước. Kiểu giao chiến như thế không những chỉ là đấu sức mà còn là đấu trí đấu dũng nữa.

Trận chiến bên bờ sông Koromo hồi thế kỷ XI đúng là mang tính chất như vậy. Quân miền Đông thua trận, thủ lĩnh Sadato phóng ngựa chạy. Bên địch đuổi theo, khi áp sát bại quân, tướng địch là Yoshiie hét lớn: "Đồ hèn nhát chạy trốn khỏi chiến trường kia, quay lại mau ! " Sadato ghì cương quay ngựa lại. Yoshiie bèn đọc câu thơ:

"Chiến bào muôn mảnh rách bươm !" (koromo)

Yoshiie vừa dứt lời, Sadato đã ung dung đọc câu tiếp theo:

"Bao năm chinh chiến sao còn lành nguyên! "

Nghe địch thủ đọc xong câu thơ ấy, Yoshiie bèn buông cung xuống, để cho Sadato tiếp tục rút lui.

Về sau có người trách Yoshiie tại sao thắng trận mà lại tha kẻ địch, ông thở dài đáp: Một dũng sĩ bị địch đuổi sát, chết đến nơi mà còn ung dung tự tại như thế, sao ta nỡ đành lòng lãng nhục người ấy !

Cái chết của Brutus làm cho Antony và Octavius (38) vô cùng đau xót, có thể coi là cái chết của một dũng sĩ. Chuyện ấy tương tự như hai lãnh chúa Kenshin và Shingen đánh nhau 14 năm trời; đến khi nghe tin Shingen chết, Kenshin nức nở than khóc là mình đã mất một "địch thủ tốt nhất trần đời". Đây thật là một thí dụ cao thượng. Lãnh địa của Shingen là một vùng đồi núi xa biển, cần được lãnh chúa Hojo ở vùng Tokaido cung cấp muối ăn. Tuy không giao chiến với Shingen nhưng Hojo lại ra lệnh cấm chở muối lên quê hương của Shingen nhằm làm yếu lực lượng của Shingen. Biết chuyện ấy, Kenshin bèn viết thư cho Shingen nói: "Hojo dùng việc cung cấp muối để uy hiếp Ngài, đó là một hành động đê tiện. Ta tuy giao chiến với Ngài nhiều năm nay, nhưng chỉ dùng cung kiếm chứ không dùng muối làm vũ khí. Từ nay trở đi, muối của Kenshin, Ngài cần bao nhiêu xin cứ dùng bấy nhiêu." Câu chuyện này chẳng khác gì lời đánh giá của nhà sử học Camillus: "Người La Mã chúng tôi dùng sắt thép để chiến đấu chứ không dùng vàng bạc." Thí dụ kể trên của Nhật Bản cho thấy, người Nhật cao thượng chẳng kém người La Mã. Nietzsche từng nói: "Nếu bạn có thể tự hào về địch thủ của mình, thì vinh quang của kẻ địch cũng là vinh quang của bạn." Tinh hoa của Võ Sĩ Đạo là ở chỗ đó. Đúng thế, dũng cảm là một vinh hạnh. Kẻ đáng mặt kết bạn trong thời bình, thì trong thời chiến mới

xứng đáng là địch thủ của nhau. Khi Dũng đạt tới đỉnh cao đạo đức như thế thì nó đồng nghĩa với *Nhân* vậy.

CHƯƠNG 5 : NHÂN – LÒNG THƯƠNG NGƯỜI

Tình yêu, sự đồng tình, lòng thương cảm và độ lượng xưa nay vẫn là những mỹ đức được người đời công nhận, là phần cao thượng nhất trong tâm hồn con người. Nó được gọi là đạo đức cao nhất trên cả hai ý nghĩa sau đây. Trước hết, là phần phong phú nhất trong các thuộc tính tinh thần của loài người, nó được gọi là vua của đạo đức. Thứ hai, với tư cách là phong cách mẫu mực mà kẻ làm vua tất phải có, nó chứa đựng sự tôn kính của bậc vương giả. Dùng lòng nhân từ để đội lên đầu kẻ làm vua thì thích hợp hơn dùng vương miện; dùng lòng nhân từ để thống trị đất nước thì hơn hẳn kẻ dùng quyền thế để cai trị đất nước. Đây là một quan niệm minh bạch được thể hiện trong nền văn hoá của tất cả các nước. Các nhà hiền triết Trung Hoa, dù là Khổng Tử hay Mạnh Tử, đều nhiều lần nhấn mạnh ý nghĩa của *Nhân* trong việc dùng nó để cai trị; điều kiện đầu tiên để làm người quân tử là phải có lòng *Nhân*. Khổng Tử trình bày sự quan trọng của đức hạnh như sau: *"Cho nên, người có phẩm chất cao thượng trước hết đều coi trọng sự tu dưỡng đức hạnh. Có đức hạnh thì mới có người ủng hộ, có người ủng hộ lại mới có được đất đai, có đất đai thì mới có của cải, có của cải thì mới có cái cung cấp để sử dụng. Đức là gốc, của cải là ngọn vậy"*. (câu này lấy từ sách "Đại Học": "Thị cố quân tử tiên thận hô đức. Hữu đức thử hữu nhân, hữu nhân thử hữu thổ, hữu thổ thử hữu tài, hữu tài thử hữu dụng. Đức giả, bản dã; tài giả, mạt dã"). Qua đó ta thấy Khổng Tử coi đức quan trọng hơn tất cả. Ông còn nói: *"Trên ưa việc nhân mà dưới không chuộng việc nghĩa, điều ấy chưa chắc đã có vậy."* (Thượng hiếu nhân nhi hạ bất hiếu nghĩa giả, vị chi hữu dã). Khi luận bàn câu này, Mạnh Tử nói: *"Kẻ bất nhân mà được nước, chuyện ấy có đấy; kẻ bất nhân mà được thiên hạ, chuyện ấy không có vậy"* (bất nhân nhĩ đắc quốc giả, hữu chi hĩ; bất nhân nhi đắc thiên hạ giả, vị chi hữu dã) (Kẻ không có phẩm chất *Nhân* thì vẫn có khả năng dùng bạo lực mà cướp được chính quyền, nhưng không

thể nào không có *Nhân* mà lại trở thành vua thiên hạ). Các nhà Nho ngày xưa của Trung Quốc, kể cả Khổng Tử, Mạnh Tử, đều coi *Nhân* là điều kiện tiên quyết của kẻ làm vua. "*Nhân là yêu thương người vậy*" (nhân giả, nhân giả", câu này lấy từ sách "Trung Dung" của Khổng Tử). *Nhân* ở đây cũng có nghĩa là thấu hiểu tình người, biết nhân đạo.

Chế độ thống trị phong kiến có một tệ nạn là dễ sinh ra chủ nghĩa quân phiệt (lạm dụng vũ lực), mà *Nhân* là lối thoát nảy sinh ra từ trong tệ nạn ấy. Kẻ bị thống trị thì hiến dâng hết tính mạng, thân xác, sự tôn nghiêm của mình; còn kẻ thống trị thì chỉ dựa vào ý chí của bản thân mình để ban phát lòng nhân từ cho kẻ bị cai trị. Cho nên, nếu không thực hành *Nhân* thì chủ nghĩa cực quyền sẽ phát triển hết mức, chế độ chuyên chế cũng được đội cái mũ có tên "nền chuyên chế phương Đông", dường như chuyên chế là sản phẩm đặc biệt của phương Đông, chưa từng tồn tại ở phương Tây.

Tôi không phải là kẻ cổ vũ cho bất kỳ hình thức chuyên chế nào. Nhưng chế độ phong kiến không đồng nghĩa với sự chuyên chế. Các nhà pháp luật học đã đúng khi đánh giá Đại Đế Frederick (39) từng nói một câu mở đầu cho thời đại dân chủ đầu tiên: "*Quốc vương là kẻ đầy tớ (công bộc) số Một của quốc gia.*" Cũng vào thời ấy, vua Yozan ở Yonezawa, một vùng hẻo lánh tại miền Đông Bắc Nhật Bản cũng nói: "*Vua là kẻ lập quốc (dựng nước) chứ không phải kẻ lập dân. Vua là do dân lập nên.*" Điều đó cho thấy, chế độ phong kiến không phải là chế độ hoàn toàn áp bức bóc lột. Có lẽ các Vua chúa phong kiến không cho rằng họ có trách nhiệm trước các hạ thần của mình, nhưng lại hoàn toàn không thể phủ nhận rằng họ có chức trách cao độ đối với tổ tiên và Trời. Vua là cha mẹ của dân, được Trời cử xuống để trông coi và bảo vệ con dân. Trong "Kinh Thi", một kinh điển của Trung Hoa cổ đại có viết: "*Khi triều đình nhà Ân(40) còn chưa mất lòng dân thì họ còn có thể hợp ý Trời.*" Khổng Tử cũng nói trong sách "Đại Học" rằng: "*(Kẻ làm vua một nước) chỉ khi nào yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét thì mới đáng là cha mẹ dân.*" Như thế, yêu cầu của dân mới thống nhất được với ý chí của vua, hoặc nói là dân chủ sinh ra trong cực quyền. Chính vì thế mà Võ Sĩ Đạo kiên quyết ủng hộ sự thống trị phụ quyền; nó khác với "sự thống trị của chú bác" (cũng tức là sự cai trị của chú Sam ! - chế độ chính trị của nước Mỹ), một chế độ thiếu quan tâm đến dân chúng

trong tình hình ngày nay. Có thể gọi sự thống trị phụ quyền là "nền chính trị cha đẻ". Do vậy, thống trị phụ quyền khác với chuyên chế. Trong chế độ chuyên chế, nhân dân chẳng qua miễn cưỡng phải phục tùng; còn dưới sự thống trị phụ quyền, nhân dân "có sự quy thuận tự hào, giữ sự phục tùng tôn nghiêm, dù làm kẻ nô lệ cũng là loại nô lệ từ đáy lòng cảm thấy được tự do cao độ." (Burke, "Cách mạng Pháp", *French Revolution*). Ngạn ngữ cổ từng nói, vua nước Anh là "vua của ác quỷ, vì bầy tôi của vua nhiều lần phản nghịch và cướp ngôi, các bầy tôi đều như loài quỷ dữ". Còn vua nước Pháp thì là "vua của thuế má", vì ông ta đánh thuế dân chúng rất nặng. Chỉ có vua Tây Ban Nha thì có thể gọi là vua của người, vì dân chúng Tây Ban Nha cam tâm tình nguyện phục tùng nhà vua". Truyền thuyết trên chưa chắc là sai. Thôi, vấn đề này xin tạm bàn đến đây vậy!

Nhà chính trị Nga Pobyedonostseff (41) từng so sánh chính xác cơ sở xã hội nước Anh với nước Nga. Ông cho rằng, xã hội các nước đại lục châu Âu xây dựng trên cơ sở lợi ích cộng đồng, còn xã hội nước Anh có đặc điểm phát triển cao nhân cách độc lập. Ông nói, tại các nước đại lục châu Âu, đặc biệt các quốc gia dân tộc Slave, nhân cách cá nhân có liên quan tới một kiểu liên minh xã hội nào đó, nói cho đến cùng, là sản phẩm do nhà nước tạo ra. Kết luận này cũng có thể áp dụng cho người Nhật Bản. Bởi lẽ, dân chúng nước chúng tôi không căm ghét chế độ quân chủ như người châu Âu. Tình cảm của dân chúng đối với nền quân chủ cũng giống như tình cảm đối với cha đẻ của mình; nhờ đó mâu thuẫn giai cấp được hoà dịu. Bismarck (42) từng nói "*Sự chuyên chế trước hết đòi hỏi kẻ thống trị phải có lòng vô tư, trung thực, tận tụy với nhiệm vụ, có nghị lực và nội tâm khiêm nhường.*" Về vấn đề này, xin cho phép tôi tiếp tục trích dẫn một câu của Hoàng đế nước Đức nói tại Coblenz: "*Ngôi vua là sự bổ thí của Thượng Đế, có ý nghĩa phải thực thi nghĩa vụ nặng nề và trách nhiệm to lớn trước Thượng Đế, không ai có thể bãi miễn được nhà vua, dù là Nghị viện, các đại thần hoặc bất kỳ cơ quan nào.*"

Nhân là đức hạnh như mẹ hiền. Nếu nói đạo nghĩa chính trực và sự răn dạy nghiêm khắc là phẩm chất của đàn ông, thì nhân từ thể hiện sự dịu dàng của đàn bà. Người Nhật Bản chúng tôi luôn được nhắc nhở chớ nên chìm đắm trong lòng nhân từ không có nguyên

tắc mà phải có đầy đủ những lời răn bảo chính nghĩa. Người ta thường dẫn một câu nói của lãnh chúa Masamune: *"Quá ư Nghĩa thì cứng rắn, quá ư Nhân thì mềm yếu."*

May sao, nhân từ là đức hạnh chứ không phải của hiếm. Có một lời bàn bất thành văn: *"Người cương nghị nhất lại là người hiền lành nhất; nhân ái gần với dũng cảm."* Thật cảm động khi dùng từ *Bushi no nasaké* (Tình thương hiệp sĩ) để hình dung tình cảm của võ sĩ. Tình thương của người võ sĩ và lòng nhân ái thường tình đều là cùng một loại tình thương yêu; chỉ có điều lòng nhân ái của võ sĩ không mù quáng, mà trước hết lấy chính nghĩa làm đầu, tình thương đó không những chỉ là một loại tình cảm, mà tiềm ẩn sau nó là sức mạnh dùng để cứu sống hoặc giết chết kẻ khác. Cũng như khái niệm hữu hiệu và vô hiệu trong kinh tế học, tình thương của người võ sĩ có tính hữu hiệu, nó chứa đựng hàm nghĩa dùng hành động thực tế để giúp đỡ kẻ khác.

Võ sĩ tự hào vì mình có sức mạnh hơn người và có đặc quyền sinh sát kẻ khác; song đồng thời họ cũng là tín đồ đạo *Nhân* của Mạnh Tử. Mạnh Tử nói: *"Nhân thắng bất nhân cũng như nước có thể dập tắt lửa vậy. Nhưng ngày nay những người phụng sự đạo Nhân thì giống như dùng một chén nước để dập lửa một xe củi đang cháy vậy."* Lại nói: *"Lòng trắc ẩn là khởi đầu của Nhân vậy."* (ý là *Nhân* cũng giống như nước, cứu vớt tai nạn đạo đức cả thế giới như cứu hỏa; mà nguồn gốc *Nhân* là ở tấm lòng trắc ẩn). Mạnh Tử đã làm như thế rất lâu trước khi Adam Smith lấy sự đồng tình làm nền móng cho toàn bộ triết học của ông.

Các lời răn của Võ Sĩ Đạo Nhật Bản có mối liên hệ khăng khít như vậy với triết học truyền thống của Trung Quốc láng giềng, hiện tượng này làm cho người ta ngạc nhiên. Nói cách khác, toàn bộ phương Đông đều có một thứ triết học giống nhau. Ở châu Âu cũng có những câu cách ngôn tương tự như vậy. Thí dụ câu thơ nổi tiếng dưới đây của thi sĩ người Ý Virgin:

*"Chức trách của bạn chẳng qua là,
An ủi kẻ thua, bắt kẻ thắng kiêu ngạo phải cúi đầu. "*

Xem ra, dường như câu thơ này bắt chước một cách vụng về mấy câu thơ cách ngôn của Nhật Bản thời cổ.

Lòng nhân của võ sĩ thường ban phát cho kẻ yếu hoặc kẻ bại trong chiến trận. Những người có experien cứu qua về hội họa Nhật

Bản đều biết bức tranh nổi tiếng vẽ một nhà sư ngồi quay lưng về phía trước trên một con bò. Nhà sư có pháp danh Liên Sinh này trước đây từng là một võ sĩ chiến công hiển hách; tên thật của ông là Kumagayé, kẻ địch chỉ mới nghe uy danh ông là đã kinh hồn bạt vía. Trong trận chiến Sumano-ura khủng khiếp (năm 1184) - một trong những trận đánh có tính chất quyết định nhất trong lịch sử nước chúng tôi, ông đuổi theo và quật ngã một địch thủ. Theo luật thời bấy giờ, kẻ thắng trận chỉ giết những đối thủ có võ công tương đương, hoặc đối thủ là một võ sĩ nổi danh; nếu không thì không cần giết. Vì vậy Kumagayé bèn hỏi tên họ của đối thủ, nhưng người ấy không nói. Khi lật chiếc mũ giáp của địch thủ ra xem, ông rất đỗi kinh ngạc thấy bên trong mũ là một khuôn mặt trẻ măng khôi ngô tuấn tú. Kumagayé bèn đỡ chàng thiếu niên đứng dậy, bảo cậu bé bằng giọng của người cha: "Hãy đi đi con! Chàng Hoàng tử trẻ này, hãy về với mẹ con đi. Thanh đao của Kumagayé quyết không bao giờ nhuốm máu con. Ta xin con hãy cao chạy xa bay ngay cho." Nhưng người thiếu niên từ chối đề nghị ấy, và vì để giữ danh dự, chàng trai cầu xin ông chặt đầu mình. Kumagayé lòng đau như cắt, trước mắt ông như hiện lên cảnh đứa con trai của mình đang xung trận. Thanh đao của ông tuy từng lấy đầu hàng trăm, hàng nghìn địch thủ, nhưng lần này ông khó lòng có thể dùng đến nó. Lúc ấy bỗng vang lên tiếng chân rầm rập của truy binh bên phía Kumagayé đuổi sát đến nơi; thấy thế ông bèn thét lớn: "Bây giờ người không kịp chạy nữa rồi! Chết bởi tay một võ sĩ vô danh thì không bằng để cho lão phu kết liễu đời người! Lão phu cầu chúc người được mãi mãi hưởng phúc dưới suối vàng!" Nói đoạn, ông niệm Phật, rồi hạ đao. Thế là đầu rơi máu chảy, lưỡi đao sắc nhuốm đầy máu đỏ. Xong chiến trận, Kumagayé thắng lợi trở về, nhưng trong lòng ông đâu còn niềm vui chiến thắng, khát vọng công danh cũng biến đâu mất. Ông từ giã cuộc đời võ sĩ, bỏ đi chu du bốn phương rồi trở thành nhà sư từ đây.

Có lẽ có nhà phê bình sẽ vạch ra chỗ không thật của câu chuyện trên. Dù nó chứa đựng một vài chi tiết không ăn nhập với thực tế nhưng lòng nhân từ của người võ sĩ thể hiện trong câu chuyện này là hoàn toàn chân thực. Người võ sĩ sử dụng vũ lực tàn khốc nhất, song lòng họ lại tràn đầy tình nhân ái và thương cảm; tình cảm ấy làm nhẹ bớt không khí chém giết nặng nề. Người xưa nói: người đi săn không giết con chim cùng đường sa vào tay mình. Trên cái nền

ấy, chúng ta có thể hiểu tại sao phong trào Chữ Thập Đỏ của Ki Tô giáo lại dễ dàng phát triển rộng rãi ở Nhật Bản thế. Vài chục năm trước ngày Công ước Hội Chữ Thập Đỏ Quốc tế được ký tại Geneva, nhà văn Nhật Bản nổi tiếng Bakin từng viết một cuốn tiểu thuyết về đề tài nhân đạo, trong đó ông nêu ra việc cứu chữa thương binh đối phương. Cuốn tiểu thuyết của ông được người Nhật khen ngợi. Satsuma là một địa phương nổi tiếng nước chúng tôi về tinh thần thượng võ, thế nhưng rất nhiều thanh thiếu niên vùng này lại đặc biệt yêu thích âm nhạc. Thứ âm nhạc họ say mê không phải là tiếng kèn hoặc tiếng trống xung trận sặc mùi máu me chết chóc như khi mãnh hổ xuống núi, mà là tiếng đàn tỳ bà (tiếng Nhật: *biwa*, một loại đàn giống như đàn guitar) sàu cảm uỷ mị réo rắt; nhờ đó mà lòng hung hãn dữ tợn được thư thái khuấy khoả, đầu óc được tạm thời xa lánh cảnh chém giết, nội tâm trở nên bình thản tĩnh lặng. Qua khảo sát nghiên cứu, nhà sử học Polybius nhận thấy tại vùng Arcadia giàu tinh thần thượng võ nhất, luật lệ của địa phương này yêu cầu thanh niên dưới 30 tuổi đều phải học âm nhạc, với mục đích dùng loại nghệ thuật êm dịu đó để làm cho tính cách dữ dằn hung tợn của người dân vùng này trở nên mềm dịu hơn. Nhờ tác dụng của âm nhạc tuy vùng rừng núi này rất hoang vắng nhưng không thấy người dân nào có tính cách tàn nhẫn cả.

Không riêng vùng Satsuma mới thế, mà nhìn chung tầng lớp võ sĩ Nhật Bản xưa nay vẫn có truyền thống nho nhã. Bút ký của một hoàng tử vùng Shirakawa có viết những câu như *"Đêm khuya bên gối hoa thơm ngát, xa xa vẳng lại tiếng chuông chùa, gió đưa trong trẻo lời giun dệt - u tịch niềm riêng gọi ý thơ."* Và đây nữa: *"Gió lay hoa rụng, mây che; chinh phu có kẻ gấm ghè nhân gian; cả ba đều đáng phàn nàn; nhưng ta có thể dễ dàng tha cho."*

Xưa nay, người ta đều khuyến khích các võ sĩ làm thơ để thể hiện những tình cảm tốt đẹp ấy. Nhiều người biết giai thoại sau đây về một võ sĩ vùng thôn quê : khi lần đầu tiên được người khác khuyên nên học làm thơ về đề tài tiếng hót của chim họa mi (hoặc dạ mi, dạ anh, tiếng Nhật là *uguisu*), mới đầu võ sĩ đó làm câu thơ:

*Dũng sĩ vừa quay lưng,
Chim đã hót vang lưng.*

Dù thấy câu thơ thô kệch, nhưng ông thầy của võ sĩ ấy vẫn khuyến khích học trò mình làm thơ. Cuối cùng, một ngày nọ, tình

cảm tế nhị trong lòng người võ sĩ được thức tỉnh; khi nghe tiếng hoạ mi hát, người ấy đã viết nên câu thơ như sau:

Đứng lâu võ sĩ lắng nghe

Véo von tiếng hát hoạ mi vọng về.

Thi sĩ trẻ người Đức Korner bị trọng thương trên chiến trường, trong lúc hấp hối đã kịp ứng khẩu sáng tác bài thơ nổi tiếng "Vĩnh biệt cuộc sống". Cuộc đời oanh liệt ngắn ngủi của Korner thật đáng để chúng ta vô cùng hâm mộ. Nên biết rằng ở Nhật Bản cũng có những chiến sĩ làm thơ ngay trên sa trường. Thi ca Nhật có cách ghép vần đơn giản và có khả năng kéo dài triền miên, thích hợp nhất để nắm bắt các tình cảm ngẫu hứng nảy ra trong phút chốc. Những người Nhật Bản có học đều biết làm thơ ca hoặc hát đối. Trên chiến trường thường hay xảy ra chuyện người võ sĩ tựa lưng ngựa mà làm thơ rồi tử trận, khi người khác lục túi áo giáp tìm được bản nháp các bài thơ đó, ai nấy đều xúc động rơi lệ.

Phải có sức mạnh tinh thần như thế nào thì người chiến sĩ mới tìm được giây phút xúc cảm và làm thơ trong khung cảnh khủng khiếp đáng sợ trên chiến trường. Ở phương Tây, sức mạnh ấy là do Ki Tô giáo đem lại. Còn tại Nhật Bản, đó là sức mạnh kết hợp giữa âm nhạc với văn học. Nhờ đó tình cảm ôn hoà nhu mì ấy được chăm bón, nó sinh ra lòng đồng tình và thương xót. Xuất phát từ tình cảm ấy, người võ sĩ luôn có thái độ ứng xử khiêm nhường và sẵn sàng giúp kẻ khác, đây chính là cốt lõi của Lễ - đạo đức của người võ sĩ.

CHƯƠNG 6 : BÀN VỀ LỄ

Người Nhật Bản hiểu Lễ, nghi lễ phiền phức ân cần mà chu đáo, thường hay làm người nước ngoài ngạc nhiên. Đúng vậy, nếu ý nghĩa của Lễ chỉ là để tránh các cử chỉ bất lịch sự hoặc chỉ để có phong độ lễ phép, thế thì Lễ không đáng gọi là một đức hạnh gì. Nhưng ý nghĩa chân chính của Lễ không phải như vậy. Nó là hình thức bên ngoài của sự đồng tình và quan tâm, quý mến đối với người khác, đồng thời còn thể hiện sự tôn trọng chính đáng đối với sự vật và sự khẳng định địa vị xã hội của sự vật đó. Khác với tiền bạc và quyền thế, địa vị xã hội là sự thể hiện giá trị xã hội thực tế của một con người.

Tốt điểm của Lễ thì tương tự lòng yêu thương, Chúng ta nên có lòng cung kính đối với Lễ, cho rằng “Tốt điểm của Lễ là bụng dạ khoan dung, từ bi. Không ghen tỵ, không khoe khoang, không tự cho mình là giỏi, không làm những việc vô lễ, không tham cái lợi riêng, không tức giận, không nghĩ xấu về người khác.” Cho nên, khi đề ra 6 tính cách tốt đẹp của con người. giáo sư Dean cho rằng Lễ có địa vị cao nhất và được coi là sản phẩm tối ưu của xã giao. Không có gì lạ khi ông đưa ra kết luận như vậy.

Tuy rất coi trọng địa vị của Lễ, nhưng tôi không cho nó là thứ đức hạnh hàng đầu. Có những thứ đức hạnh cao hơn nếu phân tích, ta sẽ phát hiện quan hệ tế nhị giữa Lễ với chúng. Thật ra, các loại đức hạnh đều liên quan với nhau, chúng không thể tồn tại lẻ loi đơn độc. Nếu không có những đức hạnh khác giá trị hơn mà chỉ có Lễ thôi, thì đó chẳng qua chỉ là Lễ giả tạo. Từ xưa đến nay, Lễ là đức hạnh được võ sĩ tôn sùng nhất, nó có địa vị quá cao, được tôn sùng quá cao, do đó đã xuất hiện Lễ giả tạo, chỉ có hình thức. Khổng Tử cũng có lời bàn về vấn đề này. Ông nói, lễ giả tạo không phải là lễ, chẳng khác gì chỉ có tiếng động thôi thì không làm nên âm nhạc.

Sau khi Lễ đã trở thành *sine qua non* (điều kiện tất yếu) để tiện cho lớp thanh thiếu niên học xã giao bèn xuất hiện một loạt quy tắc lễ mạo chi tiết và chuẩn tắc hành vi. Tại Nhật Bản, người ta rất chú ý đến cung cách cúi mình trước người khác, cách đi đứng, tư thế

ngồi. Cử chỉ ăn uống là cả một ngành học vấn chuyên môn: cách gấp thức ăn và uống trà lại càng là một nghi thức. Người có giáo dục thì phải hiểu kỹ mọi lễ tiết. Bởi thế, Veblen(45) trong cuốn sách thú vị của mình "Bàn về tầng lớp nhàn hạ" (*Theory of the Leisure Class*, New York, 1899, trang 46) có viết, lễ nghi là "sản phẩm và tượng trưng của đời sống tầng lớp nhàn hạ".

Tôi thường nghe thấy người châu Âu phê bình một cách khó chịu về lễ nghi rắc rối của người Nhật Bản. Họ nói, ở Nhật Bản, lễ nghi chiếm mất quá nhiều tinh thần và sức lực của con người, khiến người ta không còn rảnh rang để suy nghĩ, và nghiêm ngặt tuân theo các quy tắc phiền toái ấy thì không thể không nói là quá nực cười. Tôi thừa nhận là vấn nạn ấy có tồn tại, nhưng so với những cử chỉ thời thượng mà người phương Tây cố sức theo đuổi, thì chưa chắc nó đã nực cười hơn. Vấn đề này đâu có đơn giản như vậy. Động cơ theo đuổi thời thượng chưa chắc là do thói hư vinh, mà ngược lại, nó xuất phát từ lòng yêu cái đẹp không giới hạn của loài người; điều đó đáng được tôn trọng. Cũng vậy, lễ nghi rắc rối và chặt chẽ cũng có giá trị của nó. Lâu nay, người Nhật Bản dùng cách ấy để đạt được hiệu quả họ muốn có. Khi định làm việc gì, chúng tôi đã có sẵn phương thức ước định để làm nó, và đó là phương thức hoàn tất việc ấy một cách duyên dáng nhất, tiết kiệm nhất. Ông Spencer(46) định nghĩa duyên dáng là cách thức tiết kiệm nhất để hoàn thành một động tác. Trong trà đạo có một loạt đồ dùng như bát uống trà, gáo múc trà, khăn uống trà; ai chưa quen thì cho rằng nắm được cách dùng các dụng cụ ấy là quá ư rắc rối; nhưng khi đã quen rồi thì họ sẽ thấy dùng các dụng cụ này sẽ tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức, cũng tức là kinh tế nhất, và theo cách nói của Spencer - là duyên dáng nhất.

Bởi vậy, ý nghĩa của lễ nghi thì lớn hơn rất nhiều so với những gì ta biết. Trong cuốn "Triết lý của trang phục" (*Philosophy of Clothes*) có viết: Lễ nghi là chiếc áo ngoài của các phép tắc tinh thần. Đúng là chúng ta có thể làm như ông Spencer, nghiên cứu lễ nghi để tìm ra những động cơ đạo đức và động cơ của sự hợp lý hoá đằng sau lễ nghi. Song đó không phải là nội dung cần bàn trong sách này. Tại đây, tôi cần làm rõ và nhấn mạnh về các nghi thức nghiêm ngặt và sự rèn luyện đạo đức mà lễ nghi đòi hỏi mọi người phải thực hiện.

Như trên đã nói, lễ tiết của Nhật Bản phiên toái đến mức quy định tất cả các chi tiết hành động. Trên cơ sở đó, đã có nhiều hệ thống và trường phái lễ nghi khác nhau. Tuy các chi tiết của những hệ thống và trường phái này không giống nhau, nhưng tinh thần bên trong đều nhất trí. Lý thuyết lễ pháp của phái Ogasawara cho rằng *"Bí quyết quan trọng để tuân theo Lễ, trước nhất là ở sự tăng cường tu dưỡng. Người tu dưỡng sâu sắc khi đang ngồi theo lễ pháp mà có kẻ còn đồ cầm kiếm xông đến thì người đó vẫn có thể ngồi trơ trơ bất động."* Nói cách khác, nhờ không ngừng rèn luyện theo lễ pháp, người ta có thể hoàn thiện tư thế của thân mình, điều tiết cơ năng thân thể, đạt tới cõi nội tâm và ngoại giới hoà làm một, thể xác hoàn toàn do tinh thần cao thượng chi phối. Như thế, chúng ta có thể liên tưởng đến ý "ngồi nghiêm chỉnh" của từ tiếng Pháp *bienséance*. Qua đây có thể thấy, lễ nghi có ý nghĩa tinh thần khác với ý nghĩa bình thường.

Nếu cách nói *cử chỉ duyên dáng nhất chính là cử chỉ tiết kiệm công sức nhất* của Spencer là đúng, thì khi suy diễn tiếp theo cách nói ấy, ta sẽ thấy một loạt cử chỉ duyên dáng tất sẽ tích tụ và gìn giữ được sức mạnh. Cho nên, sự duyên dáng làm theo lễ tiết tất nhiên sẽ làm cho sức mạnh toàn thân ở vào trạng thái được tích lũy, khi đó người ta trở nên có sức mạnh. Theo truyền thuyết, khi bộ lạc dã man Gauls (47) tấn công La Mã tiến vào nơi Viện Nguyên Lão đang họp, họ xông đến túm lấy râu của các vị nguyên lão nghị viên - chúng tôi nghĩ rằng, các vị quý phái cao tuổi ấy sẽ rất xấu hổ vì họ thích sự trang nghiêm và sức mạnh của lễ tiết; nếu các vị đều tinh thông lễ tiết thì chuyện ấy đã không thể xảy ra. Lễ nghi làm cho con người tu luyện được tới cõi tinh thần cao thượng, và có thể dùng các phương thức khác để đạt tới cõi ấy. Tại sao lại không nhỉ? Mọi nẻo đường đều dẫn đến La Mã kia mà !

Tôi vẫn nêu thí dụ về *Cha-no-yu* tức trà đạo - nghi thức uống trà. Nó tuy đơn giản nhưng đáng gọi là một nghệ thuật , và nó có thể nâng cao sự tu dưỡng tư tưởng của con người. Người nước ngoài sẽ ngạc nhiên, cũng có thể sẽ chê cười : người Nhật Bản coi uống trà là một nghệ thuật ! Sao lại không thể nhỉ? Ai bảo trong những đứa trẻ vẽ trên cát hoặc những người cổ đại man dã chạm hình vẽ bông hoa trên đá lại không có bản năng nghệ thuật trời phú cho như Raphael hoặc Michael Angelo (48) ? Khởi thủy của trà đạo là sự suy

ngắm và tĩnh tọa của các vị cao tăng Ấn Độ, cho nên nó có ý nghĩa tinh thần to lớn, đáng được chúng ta coi là sản phẩm kèm theo của tôn giáo và đạo đức. Khi uống trà, lòng người thanh tịnh, tình cảm trong sáng, cử chỉ siêu. thoát mà tĩnh lặng. Trong trạng thái như vậy, tâm hồn im lặng và tình cảm cương trực sẽ xuất hiện. Trà thất - căn phòng nhỏ dùng để thực hành trà đạo - yên tĩnh sạch sẽ, gây không khí xa cách bụi trần, đưa đầu óc con người tới cõi lảng lảng. Trong phòng trà thanh tịnh cũng không treo những bức tranh hoặc cổ vật làm người ta hoa mắt như trong nhà thờ hoặc phòng khách ở phương Tây, nhiều nhất chỉ có một bức tranh cuộn (tiếng Nhật: *kakémono*, có thể là bức họa hoặc bức thư pháp, dùng để trang trí), nét vẽ trang nhã không sắc sỡ. Trong tình trạng ấy, người uống trà theo đuổi một tâm hồn thanh tịnh vui vẻ chứ không phải nỗi sợ hãi đượm màu sắc tôn giáo. Trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt, tuy có nhiều tin đồn tùm lum, nhưng một ẩn sĩ đã nêu ra ý tưởng hoà bình đầy thi vị chứng minh sự áp dụng lễ pháp trong thế gian. Ông nói, những người mang chiến đao nên cùng nhau ngồi vào phòng trà, trong không khí tĩnh lặng vứt bỏ hết mọi sự tàn bạo và lo lắng, trừ khử mọi nghiệp chướng, chỉ còn hoà bình và tình bạn là được tồn tại.

Cha-no-yu không những chỉ là một nghi lễ, nó đồng thời còn là một nghệ thuật. Khi thực hành trà đạo động tác của người ta nhịp nhàng như vần điệu của câu thơ: trà đạo là một *modus operandi* (biện pháp) thể hiện tâm hồn con người, đây chính là giá trị tinh túy nhất của môn nghệ thuật này. Các môn đồ học trà đạo thường hay đề ý đến các thao tác chi tiết của nghi thức này, song về bản chất, trà đạo là một hành vi vì tinh thần.

Vứt bỏ những cái nói trên, chỉ xem xét riêng về một điểm cử chỉ duyên dáng thôi, thì lễ nghi tự nó cũng có một giá trị vô biên. Song công dụng của lễ nghi vượt xa điều đó. Lễ nghi có động cơ là lòng nhân từ và đức khiêm nhường, giai điệu êm ái của nó thường bắt nguồn từ sự đồng tình và lòng thương xót. Trong các hành vi mà Lễ yêu cầu chúng ta cùng cười với người vui mừng, cùng khóc với kẻ đau xót. Thói quen ấy sẽ tiếp tục duy trì trong các chi tiết nếp sống hàng ngày không ai để ý đến. Trong một số trường hợp đặc biệt khác thường, đặc điểm đó của Lễ lại càng thể hiện rõ. Chẳng hạn một nữ tu sĩ truyền

giáo người nước ngoài từng sống 20 năm ở Nhật Bản có kể cho tôi nghe một chuyện mà người ngoại quốc không thể nào hiểu nổi. Hôm ấy đang giữa mùa hè, bà trông thấy một người đi đường không mang ô, khi ông này gặp một người khác và cả hai đứng lại trò chuyện với nhau, người kia vội bỏ mũ ra. Họ cứ đứng như thế dưới ánh nắng gay gắt, dù sau đó người nhà của ông kia mang ô đến, nhưng ông ta cũng không mở ô. Theo con mắt người nước ngoài, chuyện ấy xem ra có vẻ ngớ ngẩn. Nhưng động cơ của người Nhật Bản chẳng qua chỉ là "Bạn đứng dưới ánh nắng gay gắt, tôi tuy không có ô để bạn cùng che nắng thì chí ít tôi phải chia sẻ nỗi khổ của bạn." Những cử chỉ như vậy có rất nhiều ở Nhật Bản, nhưng các chuyện vụn vặt hàng ngày ấy nói chung không làm người ta chú ý. Đó không chỉ là một thói quen hoặc phong thái, mà là lễ nghi đã thấm sâu vào nếp sống thường ngày. Sự quan tâm đến người khác xuất phát từ tình cảm suy nghĩ sâu sắc đã trở thành hành vi tự giác, tự chủ.

Xin nêu thêm một thí dụ "khó hiểu" khác về các tập tục *Lễ* của chúng tôi. Một số tác giả hiểu biết nông cạn nhìn nếp sống của người dân Nhật Bản một cách quá đơn giản. Các vị ấy võ đoán nói rằng khi làm việc gì, bao giờ người Nhật Bản cũng làm ngược lại. Một người nước ngoài thẳng thắn nói ra sự khó hiểu của mình đối với cách làm việc của người Nhật Bản, cách đó làm cho họ không biết nên ứng xử thế nào. Chẳng hạn ở Mỹ, khi tặng quà cho nhau, người ta sẽ cố gắng nói với người được tặng là món quà này tốt ra sao; còn ở Nhật Bản thì người ta lại nói rằng món quà này không có giá trị gì. Chẳng cần nói ra, ta cũng biết logic của người Mỹ: "Đây là một món quà rất tốt, là tấm lòng của tôi đối với bạn; tất nhiên tôi phải tặng bạn thứ quà tốt, nếu không thì tức là không tôn trọng bạn." Nhưng logic của người Nhật Bản lại là: "Chẳng có thứ tặng phẩm nào xứng đáng với bạn cả, nếu trong món quà này không có tấm lòng của tôi thì chắc bạn sẽ không nhận bất cứ thứ gì, dù tôi đặt nó trước mặt bạn. Món quà đơn giản này chẳng có giá trị mấy, chỉ vì nó chứa đựng tấm lòng của tôi đối với bạn nên bạn mới nhận nó. Cho dù món quà ấy rất quý giá đi nữa thì nó vẫn không thể so sánh được với giá trị đáng kính của bạn và với tấm lòng của tôi." Nếu so sánh hai thứ logic, này ta thấy thực chất chúng không có gì khác nhau mà đều là sự tôn trọng đối phương. Người Mỹ coi trọng ý nghĩa vật chất

của món quà còn người Nhật Bản coi trọng tấm lòng của cả hai phía cho và nhận, mà món quà ấy đại diện.

Hệ thống lễ pháp của nước chúng tôi rất phức tạp, cho nên không thể nào từ đó lấy ra một chi tiết coi là điển hình để thảo luận, nhằm phân tích tính cách quốc dân của cả nước Nhật Bản. Làm như vậy sẽ đi ngược lại nguyên tắc suy luận. Với người Nhật Bản, hoàn toàn có thể thảo luận song song hai vấn đề: tôn trọng lễ pháp ăn uống và tính chất quan trọng của ăn uống. Mạnh Tử của Trung Quốc cổ đại từng nói: *"Việc ăn là quan trọng hay việc tuân theo lễ phép ăn mới là quan trọng?"* Hai chuyện đó có vẻ giống như sự khác nhau giữa kim loại với lông: *"Kim loại nặng hơn lông, nhưng không thể nói một mẫu*

kim loại bằng chiếc cúc áo lại nặng hơn một cỗ xe chứa

đầy lông." (Hai câu này lấy từ "Mạnh Tử - Cáo Tử, hạ", nguyên văn: "Kim trọng ư vũ giả, khởi vị nhất câu kim dữ nhất dư vũ chi vị tai? Thủ thực chi trọng giả dữ lễ chi khinh giả nhi tỷ chi, hề xí thực trọng?" *Tạm dịch:* Ta nói kim loại nặng hơn lông vũ, lẽ nào có thể nói một mẫu kim loại to bằng cái cúc áo lại nặng hơn một cái xe đầy lông ư? Lấy mặt quan trọng của việc ăn uống đem so sánh với các chi tiết lễ nghi, sao có thể bảo là ăn uống quan trọng hơn?)

Nếu đặt một khúc gỗ lên chỗ cao nhất của toà nhà cũng không thể bảo gỗ cao hơn toà nhà. (Phương thốn chỉ một thước cao vu sầm lâu: một khúc gỗ vuông một tấc có thể đặt cao hơn trên nóc nhà. Ý nói sự nguy biến. Tại đây, Mạnh Tử muốn nói: khi so sánh hai đối tượng, phải đặt cả hai trên cùng một mặt bằng, một tiêu chuẩn cơ bản, chứ không nên đẩy một đối tượng này tới cực đoan, rồi so sánh với chi tiết nhỏ nhất của đối tượng kia.)

Bởi vậy có người sẽ nói: "Tuân thủ lễ pháp chẳng bao giờ quan trọng hơn nói thật sao?" Người Nhật Bản không nghĩ vấn đề theo cách đó, họ không cho rằng tuân thủ lễ pháp là sự giả dối. Người Mỹ thì ngược lại - nhưng ở đây tôi xin tránh bất cứ lời bình phẩm nào trước khi nói về sự thành thật và chân tình.

CHƯƠNG 7 : THÀNH THẬT VÀ CHÂN TÌNH

Nếu trong lễ nghi mà không có sự thành thật và chân tình thì lễ nghi chẳng qua chỉ là một màn kịch vui. Lãnh chúa - võ sĩ Masamuné từng nói: *"Lễ quá nặng thì có gì khác với giả dối nịnh nọt"*. Một nhà thơ cổ đại cũng viết: *"Người chân thành cũng như đi giữa đường lớn, không cần cầu phúc thì phúc cũng tự đến."* Nhận thức này mạnh hơn người cổ Hy Lạp. Trong "Trung Dung", Khổng Tử cũng đề cao "Chân thành", nâng nó lên vị trí vô cùng cao, gần như thần linh. *"Chân thành là bắt đầu và kết thúc của muôn vật, không chân thành thì không có gì hết"* ("Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật." Câu này lấy từ sách Trung Dung). Sau đó, ông lại luận bàn về cơ sở tư tưởng vững chắc của ý nghĩa của sự thành thật và chân tình, và tính chất đã có lâu đời của chân thành. Chân thành có thể không hành động mà hành động, không biến đổi mà biến đổi (thành khả dĩ vô vi nhi vi, bất biến nhi biến). Trong Hán tự, chữ "Thành" là do chữ "Ngôn" trong "Ngôn thuyết" (nói) ghép với chữ "Thành" trong "Thành công"(49); điều đó khiến người ta bất giác nghĩ đến từ *Logos* - danh từ của trường phái Plato mới, có nghĩa là ngôn ngữ, tư tưởng, ý nghĩa, khái niệm v.v... Với sự bay bổng thần bí về tư tưởng, Khổng Tử đã vượt qua các suy diễn của phái Plato, vạch rõ ý nghĩa thực sự của "chân thành".

Giả dối và cách nói mập mờ nước đôi đều là biểu hiện của sự hèn nhát. Người võ sĩ Nhật Bản có địa vị cao trong xã hội, những người thị dân và nông dân đều không thể so sánh với họ được, cho nên yêu cầu đạo đức đối với tầng lớp võ sĩ cũng cao hơn. Cái gọi là *Bushi no ichi-gon* tức "Lời của võ sĩ" - nghĩa tương ứng của từ này chỉ có thể tìm được ở từ *ein Ritterwort* trong tiếng Đức, là sự bảo đảm tính chất xác thực của lời nói. Người võ sĩ trọng lời hứa, lời hứa ấy không viết ra trên giấy mà là hứa miệng. Viết cam kết để bảo đảm thực hiện lời hứa chỉ là sự sỉ nhục tư cách võ sĩ. Tại Nhật Bản từ xưa đã lưu truyền nhiều câu chuyện chỉ vì *ni-gon* - tức "nuốt lời

hứa", mà phải lấy cái chết của mình để chuộc lỗi, do cái gọi là "lời hứa" ấy cũng chẳng qua là nói suông mà thôi.

Vì trọng lời hứa đến mức như thế, nên không riêng việc viết cam kết, mà cả đến thề thốt cũng trở thành việc làm tổn thương tư cách võ sĩ. Điều này khác với quy định "không được thề" trong giáo lý của đạo Ki Tô, các tín đồ đạo này thường hay vi phạm quy định đó. Có khi người võ sĩ đeo kiếm để thề, hoặc gọi tên chư thần; nếu đã như thế thì lời hứa trở nên quan trọng đến mức phải dùng tính mạng và máu của mình để thực hiện lời hứa. Kiểu thề như vậy quyết không có thể trở thành trò đùa trên miệng. Bạn đọc có thể đọc tác phẩm Faust của nhà thơ Goethe(50), trong đó có chương viết về sự thề thốt.

Gần đây, nhà văn người Mỹ Peery có viết trong một cuốn sách của ông rằng: *"Nên để một người Nhật Bản bình thường lựa chọn giữa giả tạo và thất lễ, thì người ấy sẽ không do dự chọn giả tạo."* (xem: Peery, "Chân tướng Nhật Bản", *The Gist of Japan*, trang 86).

Câu nói của tiến sĩ Peery chỉ đúng một phần. Không riêng gì người Nhật Bản bình thường, mà cả đến người võ sĩ cũng lựa chọn như vậy, điểm này ông Peery nói không sai. Nhưng tiến sĩ chưa hiểu đầy đủ tiếng Nhật Bản. Trong tiếng Nhật, từ *uso* ("giả tạo" hoặc "nói dối", mà Peery dịch là falsehood, tức giả dối) chỉ biểu thị ý *không phải là sự thật* mà thôi, chứ không có nghĩa là không thành thật. Người Nhật Bản bình thường không phân biệt được hai ý nói trên thì cũng như nhà thơ người Anh Wordsworth(51) không thể phân biệt giữa *truth* (sự thật; tiếng Nhật: *makoto*) với *fact* (thực tế, tiếng Nhật: *honto*). Điển tích này lấy từ sách "Tinh thần Viễn Đông" của nhà thiên văn học Mỹ Lowell (52). Chẳng hạn, khi trả lời câu hỏi "Bạn có thích tôi không?" hoặc "Bạn có bị bệnh đau dạ dày không?", người Nhật Bản có thể không do dự mà trả lời một cách giả tạo là "Tôi rất mến bạn." hoặc "Tôi rất khoẻ mạnh, xin cảm ơn." Người Mỹ có văn hoá cũng sẽ làm như vậy. Có lẽ điều đó sẽ bị gọi là hy sinh sự thật vì lễ nghi, bị coi là "giả tạo" (tiếng Nhật: *kyorei*), hoặc "dùng lời nói sai sự thật để dối người khác".

Sách này bàn về quan niệm đạo đức của võ sĩ, song nếu tôi nói vài câu về vấn đề đại loại như đạo đức trong buôn bán của người Nhật Bản thì có lẽ cũng chẳng sao. Đó là do tôi đã nghe được không ít lời oán trách của báo chí nước ngoài trên vấn đề này. Quả là các

khuyết điểm về đạo đức thương mại có ảnh hưởng xấu đến thanh danh của người dân nước chúng tôi. Có điều, mắng nhiếc khiếm khuyết ấy, hoặc trách cứ người Nhật Bản thì không bằng hãy bình tĩnh phân tích vấn đề này. Nếu làm như thế thì có lẽ ta có thể đưa ra chút kiến nghị cho tương lai.

So với các ngành nghề khác trong xã hội, thương mại là nghề nghiệp cách người võ sĩ xa nhất. Trong 4 tầng lớp sĩ nông, công, thương, thì thương nhân bị xếp dưới cùng. Người võ sĩ có ruộng đất của mình, và nếu họ muốn thì thậm chí họ có thể cày cấy trên mảnh đất ấy, làm một nông dân không chuyên nghiệp. Nhưng võ sĩ không thể đi kinh doanh thương mại, không thể động chạm vào các thứ như bàn tính. Quy ước xã hội này có tầm nhìn xa. Montesquieu (53) từng nói, nên để giới quý tộc cách xa nghề buôn, như thế mới ngăn chặn được tình trạng tài sản xã hội tập trung vào trong tay kẻ cầm quyền. Quyền phải tách khỏi tiền, thì tài sản mới được phân phối hợp lý. Trong cuốn "Xã hội La Mã trong thế kỷ cuối cùng của Đế chế Tây La Mã" (*Roman Society in the Last Century of the West Empire*), giáo sư Dill đã phân tích nguyên nhân diệt vong của đế chế Tây La Mã. Một trong các nguyên nhân đó là do giới quý tộc làm thương mại, cho nên một số ít nguyên lão nghị viên đã độc quyền chiếm hữu tài sản, khiến cho quyền lực và tiền tài gắn với nhau. Sự phân tích đó làm chúng ta ngày nay giật mình.

Bởi vậy, chế độ phong kiến đã ngăn cản sự tự do phát triển thương mại của Nhật Bản. Do hoạt động buôn bán bị khinh thường, trong xã hội có một số người không cần chú ý đến thanh danh bèn nhảy vào lĩnh vực này. "*Gọi người ta là kẻ trộm thì có thể bức người đó làm trộm cắp*" - nếu một ngành nghề bị coi là không chính đáng thì người làm nghề ấy sẽ dùng tiêu chuẩn phẩm chất đạo đức thấp để yêu cầu bản thân. Như Hugh Black nói: "*Lương tâm của người bình thường thì rất dễ nâng lên tới một yêu cầu cao hơn và cũng có thể rất dễ sa sút xuống một tầng nấc thấp.*" Sự thay đổi yêu cầu đạo đức là vô cùng tự nhiên. Dù là thương nghiệp hoặc ngành nghề khác đều cần có các chuẩn mực đạo đức để gìn giữ. Thương nhân Nhật Bản ở thời phong kiến cũng có một quy ước đạo đức nếu không thì các thể chế như hợp tác xã thương nghiệp, ngân hàng, thị trường chứng khoán, sở giao dịch, bảo hiểm, đổi tiền v.v... đã không phát triển nhanh như vậy ở Nhật Bản, tuy còn ở trạng thái ban đầu.

Thế nhưng trừ các hoạt động thương mại có liên quan đến lợi ích ra, khi giao tiếp với những người thuộc ngành nghề khác, hành vi của các nhà buôn thường hay khiến người ta nhớ đến những lời phê phán mức độ đạo đức của giới thương nhân.

Chính vì thế mà khi Nhật Bản mới bắt đầu buôn bán với nước ngoài, chỉ những người dám mạo hiểm nhất và không kiêng kỵ gì hết mới dám đến các bến cảng để tiến hành hoạt động thương mại. Trong khi đó, các nhà buôn có danh tiếng lại trì hoãn mở rộng quy mô kinh doanh mặc dù chính quyền yêu cầu họ phát triển hoạt động thương mại. Hành vi mở rộng hoạt động thương mại càng ngày càng trở nên không đẹp mắt. Võ Sĩ Đạo không có cách nào ngăn cản tình hình nói trên ư? Chúng ta hãy phân tích vấn đề này.

Những người hiểu lịch sử Nhật Bản đều biết, chỉ vài năm sau khi nước chúng tôi bắt đầu mở cửa thông thương thì chế độ phong kiến ở Nhật Bản đã bị xóa sổ. Đồng thời chế độ cấp lương bổng cho võ sĩ cũng bị huỷ bỏ; Nhà nước cấp phát một số công trái cho các võ sĩ và khuyến khích họ tự do đầu tư trong lĩnh vực thương mại. Có người sẽ hỏi: "Tầng lớp võ sĩ nhảy vào ngành thương mại, như thế chẳng phải là họ sẽ mang vào ngành này lòng thành thật mà họ vốn tự hào? Phải chăng vì thế các hoạt động đầu cơ và không trung thực trong thương mại Nhật Bản sẽ được chấn chỉnh?" Trên thực tế, tình hình lại không như vậy. Nhiều võ sĩ cao thượng và chính trực hoàn toàn không biết nên tiến hành hoạt động thương mại ra sao, dùng cách nào để cạnh tranh và mặc cả với các đối thủ bình dân khôn ngoan. Vì vậy họ rơi vào kết cục vô cùng bi đát, mất hết vốn liếng, bị người khác cướp mất miếng ăn. Nghe nói ngay ở Mỹ, cũng có tới 80% các nhà đầu tư bị lỗ vốn, nói gì đến tầng lớp võ sĩ vừa mới lao vào lĩnh vực kinh doanh. Giới võ sĩ làm kinh doanh mà không kiếm được tiền; trong 100 người thì chưa chắc có nổi một người kinh doanh thành công. Không thể áp dụng Võ Sĩ Đạo vào thương mại được. Các thử nghiệm thất bại ấy đã làm tiêu tán rất nhiều tài sản, nhiều tới mức không thể thống kê rõ ràng. Nhưng mọi người đều biết, làm giàu và danh dự đạo đức là hai thứ hoàn toàn khác nhau. Vậy khác biệt là ở đâu?

Lecky (54) từng vạch rõ, có 3 điều kiện tất yếu để tạo dựng sự trung thực trong thương mại, đó là các nhân tố trên 3 mặt kinh tế, chính trị và triết học. Võ Sĩ Đạo thiếu mất nhân tố thứ nhất. Dưới

chế độ phong kiến, nhân tố thứ hai cũng không thể được phát triển đầy đủ. Sở dĩ người dân Nhật Bản vẫn có quan niệm về trung thực thương mại, chủ yếu là do nhân tố triết học phát huy tác dụng. Trung thực nói ở tầng nấc này chính là thể hiện cao nhất của từ ngữ đó. Dân tộc Anglo- Sacxon có trình độ đạo đức thương mại rất cao, thế nhưng khi được hỏi về các yếu tố của đạo đức ấy, người ta sẽ trả lời: "Có tôn trọng đạo đức thương mại thì mới có thể thu được lợi nhuận lớn nhất." - cũng tức là nói, việc xây dựng đạo đức thương mại thì xuất phát từ lý do kinh tế. Thế nhưng, với người Nhật Bản thì thù lao duy nhất trả cho đức hạnh lại chính là bản thân đức hạnh. Giả thử vì để kiếm được nhiều tiền mà tuân theo quy phạm đạo đức, giả thử nói thật thì có lợi hơn nói dối và giả thử vì nguyên nhân đó mà nói thật, thì tôi e rằng tất cả các võ sĩ chính trực sẽ đều tình nguyện nói dối.

Tuy Võ Sĩ Đạo không muốn tiếp thu chủ nghĩa kiếm lời *quit pro quo* "có đi có lại", song các thương nhân say mê lợi nhuận lại dễ dàng tiếp nhận chủ nghĩa đó. Bởi vậy, kết luận của Lecky - quan niệm trung thực thương mại phát triển được là nhờ đã tạo dựng được quan niệm giữ chữ tín trong thương mại - là vô cùng chính xác. Như Nietzsche nói: "Trung thực là thứ đức hạnh nhỏ tuổi nhất trong các loại đức hạnh"; nói cách khác, nó là đứa con nuôi của công nghiệp hoặc của công nghiệp hiện đại. Không có bà mẹ công nghiệp hiện đại thì trung thực thương mại dường như là một đứa trẻ mồ côi xuất thân quý phái mang dòng máu cao quý nhất. Nhiều người trong tầng lớp võ sĩ có tâm hồn cao quý như vậy, chẳng khác đứa con nuôi quý phái nói trên. Thế nhưng, nếu không có bà mẹ

bình dân là nền công nghiệp, thì đứa con nuôi ấy sẽ không được nuôi dưỡng chu đáo. Cùng với sự phát triển công nghiệp hiện đại, người ta dần dần phát hiện thấy, giữ chữ tín không phải là một việc khó, vì qua đó có thể kiếm lời. Ta hãy tham khảo một thí dụ thực tế sau đây. Hồi tháng 11 năm 1880, Bismarck từng gửi một công văn cho các viên lãnh sự Đức ở nước ngoài cảnh báo rằng chất lượng hàng hoá chở trên các tàu thuyền Đức rất xấu và không đủ trọng lượng. Ngày nay, các tàu buôn của nước Đức không còn làm như vậy nữa; cuối cùng thì người Đức đã hiểu được rằng trong buôn bán phải giữ chữ tín, vì làm như thế thì có lợi hơn. Các thương gia Nhật bản cũng phát hiện quy luật này. Tôi xin giới thiệu với bạn đọc hai

cuốn sách có liên quan tới vấn đề trên: "Nước Nhật Bản phong kiến và hiện đại" và "Nhật Bản trong thời kỳ biến đổi" (Knapp, *Feudal and Modern Japan*, tập I, chương IV; Ransome, *Japan in Transition*, chương VIII). Đọc hai cuốn sách này, bạn sẽ hiểu hơn về quan niệm tín nhiệm thương mại của các thương gia Nhật Bản. Thậm chí khi vay tiền, các thương gia cũng viết giấy cam kết bảo đảm bằng danh dự của mình. Đây là một việc rất có ý nghĩa. "Nếu tôi chậm trả nợ, tôi tình nguyện để Ngài chê cười tôi trước công chúng rộng rãi mà tuyệt đối không oán trách gì", hoặc "Nếu tôi không trả tiền thì Ngài có thể gọi tôi là đồ lừa đảo" - những câu như vậy thường viết trong các cam kết vay nợ.

Tôi thường hay nghĩ về việc phải chăng sự trung thực của Võ Đạo cũng có động cơ cao thượng như *Dũng*? Trong thực tế, không có văn bản pháp luật rõ ràng nào cấm người ta làm chứng giả; nói dối không phải là phạm tội mà chỉ là một việc không trọng danh dự, bị trách là hèn nhát. Khái niệm danh dự có liên hệ khăng khít với danh dự của người võ sĩ. Trong tiếng La Tinh và tiếng Đức trung thực (*honesty*) và danh dự (*honour*) là những

từ có cùng một gốc. Bởi thế, xuất phát từ đây, chúng ta hãy khảo sát quan niệm danh dự của Võ Sĩ Đạo.

CHƯƠNG 8 : DANH TIẾT

Từ *danh tiết* (danh dự và tiết tháo) hàm chứa ý nghĩa bảo vệ sự tôn nghiêm và giá trị đặc biệt của nhân cách. Bởi vậy, danh tiết là đặc điểm của võ sĩ, vì khi ra đời họ đã có danh phận và cũng có nghĩa vụ cùng sự tôn nghiêm của mình; suốt đời họ được dạy dỗ một cách đặc biệt. Tuy rằng thời bấy giờ từ *danh dự* (honour) chưa được sử dụng rộng rãi, nhưng các từ *danh tiết*, *thể diện*, *thanh danh* (các từ này trong tiếng Nhật lần lượt là *na*, *men-koku* và *guai-bun*) đều biểu đạt cùng ý như vậy. Ba từ ấy có cùng ý nghĩa với *danh* (name) trong Kinh Thánh, *nhân cách* (personality) và *thanh danh* (fame) trong tiếng Hy Lạp. Danh tiết - "*Bộ phận bắt hủ trên con người mà thiếu nó thì con người chẳng khác gì con vật*" - lẽ tự nhiên, không thể chịu bất cứ sự bôi nhọ nào. Trong giáo dục trẻ em, trước tiên người ta dạy chúng biết quý trọng cảm giác xấu hổ (tiếng Nhật: *Ren-chi-shin*). "Làm thế sẽ bị người ta chê cười đấy", "Mất thể diện quá!", "Không thấy xấu hổ ư?" những câu nói như thế là sự trách mắng nặng nề nhất đối với các thiếu niên phạm lỗi. Động chạm vào danh dự của thiếu niên thì sẽ động chạm tới bộ phận nhạy cảm nhất trong nội tâm chúng, bởi lẽ ngay từ trong bụng mẹ, lũ trẻ đã được hun đúc, rèn rũa phải trọng danh dự. Nói như vậy không phải là quá đáng, vì danh dự thì gắn chặt với quan niệm gia đình mạnh mẽ. Balzac(55) nói: "*Trong một xã hội không có sự liên kết giữa các gia đình với nhau, thì cái sức mạnh căn bản mà Montesquieu gọi là Danh dự sẽ không còn nữa.*" Thật

vậy tôi cũng cho là như thế. Cảm giác sỉ nhục là cái không thể thiếu được khi đạo đức của loài người đạt tới mức tự giác; loài người có thể dùng nó để tự quản lý bản thân. Cho nên tôi cho rằng sự trừng phạt đầu tiên và nặng nề nhất đối với loài người do họ ăn vụng trái cấm(56) thì không phải là nỗi đau của người đàn bà khi sinh đẻ, cũng không phải là nỗi gian truân phải đi trên con đường gai góc và mất thiên đường (tức vườn Eden), mà là sự thức tỉnh cảm giác xấu hổ. Giờ phút lịch sử khiến loài người đau xót nhất đã xảy ra khi Eva- người mẹ đầu tiên của nhân loại, vừa thở hỗn hển vừa

dùng tay run rẩy đính mấy chiếc lá để che thân, còn Adam - ông bố của nhân loại, chán chường ngồi bên nhìn. Vì không vâng lời Thượng Đế nên cái quả đắng ấy cứ mãi mãi đeo bám chúng ta dai dẳng vô cùng. Ngày nay, kỹ thuật may mặc của loài người đã cực kỳ cao nhưng vẫn không thể nào may nổi vuông vải che sự xấu hổ một cách hoàn toàn kín không có chỗ hở. Võ sĩ nổi tiếng Hakuseki từng nói: *"Mất danh dự cũng giống như vết sẹo trên thân cây, nó sẽ không bao giờ mất đi mà ngược lại càng ngày càng to ra."* Lý lẽ đúng là như thế. Ngay từ thời niên thiếu, Hakuseki đã chống lại bất cứ lời xúc phạm nhẹ nhàng nào đến phẩm giá của mình.

Carlyle(57) từng nói: *"Cảm giác xấu hổ là mảnh đất gieo trồng của một thứ đạo đức, mọi cách ứng xử tốt, và mọi tinh thần tốt đẹp."* Từ nhiều thế kỷ trước đó, Mạnh Tử đã nói : *"Biết hổ thẹn với cái ác tức là sự mở đầu của việc nghĩa vậy."* (Tu ác chi tâm, nghĩa chi đoạn dã- Câu này lấy từ "Mạnh Tử -Công Tôn Sửu, thượng")

Tuy rằng trong văn học Nhật Bản không có đoạn văn kinh điển như "Vua Lear" (Lear) trong tác phẩm của Shakespeare, mượn lời của Norfolk thao thao bất tuyệt nói về ý nghĩa của cảm giác xấu hổ, nhưng văn học Nhật Bản cũng luôn thể hiện cảm giác sợ hãi to lớn đối với xấu hổ. Cảm giác mất danh dự tương tự như thanh gươm Damocles(58) treo trên đầu người võ sĩ, khiến họ run rẩy sợ hãi, thậm chí có chút bệnh hoạn. Trong các điều răn của Võ Sĩ Đạo, đôi khi có những việc không có công dụng nào cả mà làm việc đó chỉ để vì danh dự. Do một chút sự việc cực kỳ nhỏ nhặt, thậm chí chỉ là một chút sỉ nhục trong tưởng tượng, các võ sĩ nóng tính có thể tuốt gươm ra đâm chém nhau, thậm chí mất mạng một cách vô ích. Có một câu chuyện như sau: một nhà buôn không hề có ý định xấu nào khi nhắc nhở một võ sĩ là trên lưng ông ta có một con rắn, thế là võ sĩ kia lập tức rút gươm ra chém nhà buôn này làm đôi. Nguyên do chỉ vì võ sĩ cho rằng chấy rận là thứ sống ký sinh trên loài cầm thú, sao có thể nói trên thân người võ sĩ cao quý như ông ta lại có rận được Nói thế khác gì mắng ông ta là loài cầm thú? - Câu chuyện này vô cùng hoang đường và không thể tin được, nhưng lại lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Điều đó ít nhất cũng nói lên mấy điểm : (1) Có trường hợp võ sĩ dùng câu chuyện ấy để dọa dẫm dân chúng, khiến họ tin là võ sĩ thì dễ nổi nóng và trọng danh dự, bất khả xâm phạm. (2) Trên thực tế, danh dự và khí tiết của võ sĩ đã bị lạm

dụng; (3) Trong tầng lớp võ sĩ, quan niệm cực mạnh về danh tiết đang được phát triển. Dĩ nhiên, nếu dùng thí dụ không có thật kể trên để lên án khiếm khuyết của toàn bộ Võ Sĩ Đạo thì không công bằng. Trong giáo lý đạo Ki Tô cũng có các kiểu nói xằng, các phán quyết nguy thiện, nhưng không thể căn cứ vào đó mà chỉ trích sự dạy bảo của Thượng Đế. Nhưng nếu khi so sánh một tín đồ cuồng tín với một kẻ điên cuồng vì say rượu mà bạn thấy có nhiều lý do để bênh vực người tín đồ, thế thì khi nhìn vào thái độ cực kỳ nhạy cảm của võ sĩ đối với danh dự của họ, phải chăng bạn cũng có thể phát hiện thấy có bóng dáng của đức hạnh chân chính?

Những điều răn dạy về danh dự và khí tiết dễ gây ra sự nhạy cảm quá đáng, thậm chí khiến người ta rơi vào các hành động quá khích có tính bệnh hoạn. Thế nhưng, Võ Sĩ Đạo còn có những lời dạy về tinh thần khoan dung và nhẫn nại. Vì một chút kích động nhỏ mà nổi giận thì sẽ bị nhiech là "nóng tính". Nhật Bản có câu cổ ngữ *"Nhẫn điều không thể nhẫn được mới là nhẫn thật sự"*. Trong các gia huấn của dòng họ Tokugawa có câu: *"Đời người ví như đường xa vất nặng, không cần vội vàng... Chỉ có lấy chữ nhẫn làm đầu thì mới đi được lâu... Thà trách mình chứ chớ trách người."* Cuộc đời của Tokugawa Iyashu(59), người để lại gia huấn đó, là một minh họa cực hay cho câu nói trên. Một nghệ sĩ cuồng ca (60) đã dùng hình thức cuồng ca để tổng kết phong cách nói của 3 danh nhân trong lịch sử Nhật Bản. Nobunaga(61) nói: "Con chim cuốc kia, mi mà không kêu thì ta giết mi!" Hideyoshi(62) nói: "Con chim cuốc kia, mi không kêu thì ta bắt mi phải kêu!", còn Iyashu thì nói: "Chim cuốc kia, nếu mi không kêu thì ta đợi cho đến khi nào mi kêu mới thôi."

Mạnh Tử cũng cực kỳ tôn trọng sự nhẫn nại và kiên trì ông từng diễn tả ý như thế này: *"Người dùng cách trần truồng đi bên cạnh ta để làm nhục ta, dù thế đi nữa ta cũng không vì vậy mà bị tổn thương."* (Toàn bộ câu này nguyên văn như sau: "Nhĩ thị nhĩ, ngã thị ngã, tuy dẫn tích lửa trình ư ngã trắc, nhi yên năng mỗi ngã tai." Tạm dịch: Người là người, ta là ta; dầu người có trần truồng đi cạnh ta thì há có thể làm gì vấy bẩn được ta chăng? - Câu này lấy từ "Mạnh Tử - Vạn chương, hạ"). Ông còn nói, người quân tử nên cảm thấy xấu hổ khi mình nổi nóng chỉ vì chuyện nhỏ nhặt; chỉ có nổi giận vì làm trái đại nghĩa thì mới thật sự xứng đáng là nổi giận.

Bằng cách nào mà Võ Sĩ Đạo có thể đạt được sự khiêm hoà thật sự, không cần đấu tranh mà tự có uy danh? Qua lời nói của một số võ sĩ nổi tiếng, chúng ta có thể biết họ đã tu dưỡng ra sao để làm được điều đó. Chẳng hạn, võ sĩ Ogawa nói: *"Khi kẻ khác nói những lời xúc phạm ta, ta không cần xúc phạm lại, mà chỉ cần tự suy nghĩ xem ta đã làm tròn nghĩa vụ của mình hay chưa."* Còn Kumazawa thì nói: *"Khi người khác chê trách ta, ta không chê trách lại; khi kẻ khác giận ta, ta cũng chẳng giận lại họ. Không oán trách, không cău giận, không ham muốn - như thế sẽ làm cho tâm trạng mình bình yên không lo buồn."* Võ sĩ cao quý Saigo đã tu dưỡng đạt tới mức như vậy. Hai chữ xấu hổ cứ thấy ông là biến mất tăm mất tích. Saigo từng nói: *"Đạo, là con đường của Trời Đất, làm người thì phải đi theo con đường đó. Trời ban lòng nhân ái cho chúng sinh, mọi người đều được hưởng phần như nhau, cho nên ai cũng phải thương người như thể thương thân. Không nên so bì mình với kẻ khác mà nên làm theo đạo Trời, đối chiếu mình với Trời. Không bao giờ trách người mà phải tự xét mình."* Những lời lẽ cao thượng nói trên khiến chúng ta nghĩ đến đạo Ki Tô. Mức độ thâm thúy của các lời lẽ đạo này thì rất gần với các tín ngưỡng tự nhiên sinh ra để thực hành đạo đức và các tôn giáo dưới sự dẫn dắt của Chúa. Các võ sĩ kể trên không chỉ nói, mà đã dùng hành động thực tế thực hiện những điều ấy.

Tại đây cần nói thêm là, trong thực tế, có rất ít, rất ít người đạt được đạo đức cao cả như vậy, trở thành người cao thượng có lòng khoan dung, nhẫn nại và nhân ái. Nói cho đến cùng, cho tới nay vẫn rất khó định nghĩa được danh tiết là một khái niệm như thế nào. Chỉ có một số ít người tài năng và đức hạnh xuất chúng mới ý thức được rằng, trên thực tế, danh tiết không những chỉ là sản phẩm sinh ra khi gặp một cảnh ngộ nào đó, mà là điều người ta phải cố gắng làm được trong bất cứ lúc nào và nơi nào. Có kẻ khi đọc sách từng học lời Mạnh Tử: *"Dục quý giả, nhân chi đồng tâm dã. Nhân nhân hữu quý vu kỷ giả, phát tự nhĩ. Nhân chi sở quý giả, phi lương quý dã. Triệu Mạnh sở quý giả, Triệu Mạnh năng tiện chi."* (câu này lấy từ "Mạnh Tử - Cáo Tử, thượng". Trong câu này Mạnh Tử muốn nhấn mạnh: Kẻ có tự tôn (có sự tôn nghiêm của mình) thì được người khác tôn trọng, kẻ tự quý trọng mình thì được người khác quý trọng. Cái quý của con người là biết tự tôn tự quý, đừng bao giờ bắt chước kẻ thấp hèn hạ tiện, tức là đừng có "cầm bát vàng đi xin ăn".

Muốn tôn tự quý, mấu chốt là phải biết mình có cái đáng được tôn quý ("có bát vàng"). Mạnh Tử cho rằng trên thế gian có hai loại tôn quý: - loại ngoại tại, tức loại dựa vào người khác cho mà có; - loại nội tại, tức nhân nghĩa đạo đức, là thứ do mình tự tu dưỡng mà có. Nhân vật Triệu Mạnh vốn là Chính Khanh nước Tấn đời Xuân Thu tên Triệu Thuấn, tự Mạnh; con cháu đều lấy tên này. Do đó khi nói Triệu Mạnh là nói một người có quyền thế chứ không nhất định chỉ một người cụ thể nào.)

[Tạm dịch ý câu này như sau: "Tâm lý chung của mọi người là muốn được tôn quý. Thế nhưng thực ra mỗi người đều có cái đáng tôn quý của mình, chẳng qua bình thường không nghĩ tới điều đó mà thôi. Cái tôn quý người khác cho ta không phải là sự tôn quý thật sự. Triệu Mạnh có thể làm cho anh được tôn quý thì Triệu Mạnh cũng có thể hạ nhục anh (làm anh trở thành hạ tiện).] thế nhưng đến khi thực sự hành động thì lại quên mất lời dạy đó, vẫn là kẻ mê mãi theo đuổi công danh, hoặc là kẻ chỉ vì bị xúc phạm một chút mà đã rút dao đâm chém nhau, hoặc là kẻ liều chết báo thù địch thủ. Những kẻ ấy chẳng qua chỉ muốn được người đời ca ngợi mà thôi, đâu phải là kẻ biết trọng danh tiết chân chính.

Chỉ có sự chí thiện của đời người mới là danh tiết chân chính, đó mới là mục tiêu nên theo đuổi, chứ không phải sự giàu sang hoặc một chút tri thức khô khan. Nhiều thiếu niên khi đi khỏi gia đình đã thề trong lòng là nếu chưa lập công hiển hách thành danh thì quyết không về nhà. Nhiều bà mẹ trọng công danh cũng bức bách con trai bao giờ mặc áo gấm thì hãy về nhà, nếu không thì không gặp lại nữa. Để được thành danh, để được vẻ vang, các võ sĩ trẻ chịu đựng mọi thử thách tàn khốc từ tinh thần cho đến thể chất. Mọi người đều biết rằng người nào ngay từ tuổi thiếu niên mà đã thành danh thì sau này sẽ được hưởng ngày càng nhiều vinh hiển. Trong chiến dịch vây đánh thành Osaka, một người con trai nhỏ tuổi của Ieyasu bị bố trí ở quân đội hậu phương, tuy rằng cậu bé rất muốn được sung vào đội tiên phong. Sau khi chiếm được thành, cậu ta vô cùng đau khổ. Thấy thế, một người lính già bèn an ủi: "Thưa, ngài không đi đâu mà vội, đời ngài còn dài, còn nhiều trận đánh nữa ạ." Vị công tử nhà Ieyasu ấy tức giận trả lời: "Người nói gì mà ngu thế hả! Lẽ nào tuổi 14 tươi đẹp này còn trở lại với ta lần nữa được sao?"

Với người võ sĩ, nếu chưa giành được vinh quang thì cuộc sống cũng chẳng có ý nghĩa gì. Thậm chí, các võ sĩ sẵn sàng bình tĩnh đi vào chỗ chết chỉ để giành lấy vinh quang, là thứ họ coi trọng hơn cả tính mạng của mình.

Người ta có thể hy sinh tính mạng quý giá của mình vì rất nhiều lý do, trong đó lý do lớn nhất là một chữ "Trung". Nó là hòn đá tảng quan trọng nhất xây đắp nên cái vòm cửa cân đối của nền đạo đức phong kiến.

CHƯƠNG 9 : ĐẠO TRUNG

Đạo đức xã hội phong kiến có những điểm tương đồng với đạo đức của các xã hội khác hoặc các hệ thống luân lý khác, nhưng riêng đạo *Trung* lại là sản phẩm đặc hữu của xã

hội phong kiến. *Trung* là sự phục tùng và tôn kính đối với người trên. Theo tôi hiểu, trung thành là sợi dây đạo đức kết nối một tập thể lại với nhau, dù họ thuộc đẳng cấp nào, hoàn cảnh nào. Ngay cả lũ trộm cũng phải trung thành với tên trùm của chúng, chẳng hạn như tên Fagin(63) trùm băng nhóm trộm cắp trong truyện "Lũ trẻ mồ côi của thành phố sương mù". Song, chỉ có trong các lời răn của Võ Sĩ Đạo thì trung thành mới có được tính chất quan trọng tối thượng như vậy.

Trong cuốn triết học của Lịch sử " (*Philosophy of History*, bản tiếng Anh của Sibree dịch, phần II, chương II) Hegel(64) đã phê phán sự trung thành của các triều thần trong xã hội phong kiến chỉ là lòng trung thành đối với một cá nhân nào đó chứ không phải là nghĩa vụ đối với cộng đồng. Bởi vậy, trung thành chẳng qua chỉ là một mối quan hệ có tính trói buộc, được xây dựng trên các nguyên tắc bất hợp lý. Tuy thế, người đồng bào vĩ đại của Hegel là Bismarck lại ra sức khoe khoang phẩm chất trung thành của người Đức. Bismarck làm thế không phải vì *Treue* (trung thành) là một mỹ đức của đất nước ông, mà là do có sự ràng buộc của lòng trung thành mà Hiệp Sĩ Đạo trở nên sống dai dẳng nhất trong xã hội Đức, một nước có chế độ phong kiến kéo dài lâu nhất. Tại nước Mỹ, quan niệm bình đẳng đã ăn sâu vào lòng người, "ai cũng tốt như nhau cả", và tại Ireland, người ta bổ sung thêm: tất cả "đều tốt hơn". Người Nhật Bản thì trung thành với vua chúa; quan niệm này tuy có thể coi là tốt đẹp trong một giới hạn xác định, nhưng không nên khuyến khích quá mức trong dân chúng Nhật Bản. Rất lâu về trước, Montesquieu từng cảm khái nhận xét rằng, điều mà người bên này dãy núi Pyrenees (65) cho là đúng thì người bên kia dãy núi ấy lại cho là sai. Vụ Dreyfus(66) mới xảy ra thời gian gần đây đã chứng minh sự đúng đắn của nhận xét đó. Chính nghĩa của người Pháp khi

vượt qua dãy Pyrenees sang đến đất Tây Ban Nha thì không nhận được sự hưởng ứng nữa. Cũng như vậy lòng trung thành mà người Nhật Bản cho là đúng thì lại ít được các nước khác ca ngợi. Đó không phải vì quan điểm của chúng tôi sai, mà vì, tôi e rằng, người ta không coi trọng nó, và do chúng tôi đề cao lòng trung thành lên tới mức không nước nào đạt được. Trong cuốn "Tôn giáo ở Nhật Bản" (*Religions of Japan*), nhà tôn giáo học người Mỹ Griffis nói rất đúng rằng Nho giáo ở Trung Quốc coi sự hiếu thảo của con đối với cha mẹ là nghĩa vụ cao nhất, còn ở Nhật Bản thì sự trung thành đối với vua chúa là mỹ đức số một. Tại đây, tôi xin nêu một câu chuyện làm thí dụ. Nhân vật chính trong chuyện này cùng chung hoạn nạn với chúa của mình, và do đó tên tuổi của ông được lưu truyền muôn thuở, tình tiết câu chuyện tương tự một vở kịch của Shakespeare.

Nhân vật chính của câu chuyện này là Michizané, một trong các danh nhân vĩ đại nhất của lịch sử Nhật Bản. Do người khác ghen ghét, ông bị vu khống và bị đuổi ra khỏi kinh thành. Kẻ thù tàn ác không dừng lại ở đấy, mà còn tiếp tục "nhỏ cỏ nhỏ cả rễ", đi khắp nơi truy tìm đứa con trai nhỏ của Michizané hòng trừ hậu họa. Khi kẻ thù biết đứa bé ấy còn sống và được một cựu thần của Michizané là Genzo giấu ở một trường tư thục trong một ngôi đền, chúng ra lệnh cho Genzo đứng hẹn phải giao nộp thủ cấp đứa con trai của Michizané. Thế là Genzo nghĩ cách tìm một kẻ thế mạng cho ấu chúa của mình. Ông đi đi lại lại trong ngôi đền kín đáo dùng ánh mắt sâu sắc quan sát lũ trẻ đang học trong trường, xem có đứa bé nào giống khuôn mặt của ấu chúa không. Nhưng lũ trẻ ở đây đều là trẻ em nông thôn, không đứa nào có chút khí chất của ấu chúa cả. Ông bất giác tuyệt vọng. Đúng lúc ấy thì chúa cứu thế của ông bỗng xuất hiện. Đó là một người đàn bà đáng điệu quý phái đang đi vào ngôi đền, tay dắt một đứa bé khôi ngô trạc tuổi với ấu chúa.

Thiếu niên nọ có khuôn mặt giống hệt ấu chúa, hơn thế nữa, bà mẹ và cậu con trai cũng đã từ lâu biết chuyện ấu chúa đang bị săn lùng. Và chính là vì thế mà hai mẹ con đã tuyên thệ ngay trong phòng kín ở nhà họ: chàng thiếu niên chuẩn bị dâng tính mạng mình cho ấu chúa, còn bà mẹ thề quên đi nỗi thương tiếc con trai trong quãng đời còn lại của bà. Tình cảm ấy hai mẹ con không hề để lộ ra ngoài. Genzo không biết gì về chuyện đó, nhưng khi vừa nhìn thấy cậu bé có khuôn mặt giống hệt ấu chúa, ông đã có chủ ý của mình.

Bây giờ, con dê thế tội đã được đưa lên đàn tế thần...

Hãy để tôi kể cho bạn nghe kết cục của câu chuyện. - Đúng ngày đã định, viên quan phụ trách việc giám định và tiếp nhận thủ cấp của con trai Michizané đến chỗ ngôi đền. Lúc ấy, Genzo đáng thương tay cầm dao, tim đập thình thịch như muốn nhảy ra ngoài lồng ngực. Cái thủ cấp thế thân này liệu có qua nổi lần nhận dạng này hay không? Nếu không, thì ta phải đâm cho viên quan kia một nhát rồi sau đó tự sát, ông nghĩ. Viên quan giám định cầm chiếc thủ cấp của đứa bé, xem đi xem lại khuôn mặt, ngắm nghía rất lâu, cuối cùng mới lạnh lùng tuyên bố: "Đúng là nó đây rồi."

Tối hôm ấy, trong căn nhà yên tĩnh, bà mẹ mà ta đã thấy ở trường học hồi hộp lo lắng ngồi chờ kết quả việc nhận dạng thủ cấp. Bà đã biết số phận của con trai mình. Bây giờ con bà đã không còn trên cõi đời này nữa. Bà nóng lòng nhìn ra cổng, ngóng chờ chồng về. Bao năm qua, bố chồng bà được Michizané quan tâm giúp đỡ, nay Michizané đang bị lưu đày. Do tình thế bắt buộc, chồng bà lại phải phục dịch kẻ thù của ân nhân gia đình mình. Tuy trong lòng không muốn thế, nhưng ông buộc phải trung thành với chủ mới của mình. Giờ đây, con trai ông đã thay mặt ông phụng sự cho ân nhân của đại gia đình. Còn ông lại chính là kẻ được giao nhiệm vụ nhận dạng thủ cấp ấu chúa, vì kẻ thù biết là ông quen biết gia đình Michizané và biết mặt đứa con của Michizané. Hôm ấy, ông đã làm xong nhiệm vụ khó khăn nhất trong đời mình. Khi vừa về tới nhà, chưa bước qua bậc cửa, ông đã nước mắt ròng ròng bảo vợ: "Bà hãy vui lên! Con trai yêu quý của chúng ta đã phụng sự chúa của nó rồi!"

"Một câu chuyện thảm khốc tàn bạo !" - tôi nghe thấy bạn đọc của mình hét lên. "Cha mẹ chủ tâm hy sinh đứa con thơ ngây của mình để cứu tính mạng kẻ khác!" Nhưng đứa trẻ ấy hoàn toàn tự giác và tình nguyện hy sinh thân mình cơ mà! Câu chuyện cái chết thế mạng này cũng nổi tiếng như chuyện Abraham(67) dâng tính mạng con trai mình là Isaac cho Chúa Trời trong "Sáng Thế kỷ", nhưng không chứa đựng lắm tình tiết khiến người ta cảm thấy khó chịu như chuyện của Abraham. Cả hai trường hợp này đều là sự tuân theo tiếng gọi của nghĩa vụ, sự tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của tiếng nói cao cả từ thiên thần, dù là thiên thần có thật hoặc thiên thần trong nội tâm, hoặc sứ mệnh đó có thể nghe thấy bằng tai hay bằng

trái tim - nhưng ở đây, tôi xin tránh nói tiếp phần này mà tiếp tục trở lại phần trước.

Người phương Tây theo chủ nghĩa cá nhân; dù là cha con, vợ chồng với nhau cũng phân chia lợi ích của mỗi người một cách rõ ràng, do đó từng người không có nhiều nghĩa vụ với nhau. Nhưng trong Võ Sĩ Đạo thì mỗi thành viên gia đình và gia tộc đều là một khối thống nhất không thể chia cắt. Sự thống nhất ấy được gìn giữ không phải bằng lợi ích mà là bằng tình yêu - một tình yêu tự nhiên, bản năng, không thể chống lại. Võ Sĩ Đạo thống nhất nghĩa vụ với tình yêu làm một, đây chính là điểm cao thượng của Võ Sĩ Đạo. Nếu ta chết vì người mà ta yêu bằng tình yêu bản năng (ngay cả loài vật cũng làm thế), thì đó là cái gì? "Bạn sẽ nhận được gì nếu bạn yêu họ như họ yêu bạn? Ngay cả những người thu thuế cũng không làm như vậy chẳng?"

Trong cuốn *Nhật Bản Ngoại sử*, Sanyo có kể lại câu chuyện của võ tướng Shigemori cuối thời Heian. Do cha mình phản nghịch chống lại triều đình nên trong lòng Shigemon diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt, "Muốn trung với chúa thì không thể hiếu với cha, mà muốn hiếu thì lại không thể toàn trung được." Sanyo vô cùng thương hại Shigemori, con người ấy cuối cùng chỉ đành cầu Trời cho mình chết nhằm giải thoát khỏi nghịch cảnh hai đạo trung và hiếu không thể song toàn.

Trong thực tế, nhiều người như Shigemori từng ở trong hoàn cảnh trở trêu tình cảm và nghĩa vụ xung khắc với nhau, đều phải trải nghiệm những nỗi đau khổ dữ dội. Tại phương Tây, dù là trong các tác phẩm của Shakespeare hoặc trong Cựu Ước đều không thấy nêu ra khái niệm nào tương đương với khái niệm *ko*, tức *Hiếu* của chúng tôi. Trong trường hợp gặp tình trạng mâu thuẫn như trên, người võ sĩ Nhật Bản sẽ dứt khoát chọn "Trung" với vua chúa của mình. Các bà mẹ cũng sẽ khuyến khích con mình hy sinh hết thảy vì vua chúa. Thời vua Charles I nước Anh, bà quả phụ Windham có ba con trai đều chết trong các trận chiến đấu bảo vệ vua Anh, khi có người đến an ủi, bà nói: "Tôi không hối hận vì đã dâng ba đứa con của mình cho nhà vua. Nếu tôi còn đứa con nào nữa thì tôi vẫn cứ cho nó đi chiến đấu hy sinh vì đức vua." Các bà mẹ và bà vợ Nhật Bản hoàn toàn không thua kém bà Winham. Họ sẽ kiên quyết lựa

chọn "Trung", giúp con mình, chồng mình dâng tính mạng cho sự trung nghĩa.

Theo quan niệm của Võ Sĩ Đạo, quốc gia được đặt lên trên cá nhân; cá nhân chỉ là một bộ phận của quốc gia, người ta sinh ra là để phụng sự quốc gia, bởi vậy mọi cá nhân đều nên không ngại hy sinh thân mình vì sự hưng vong của quốc gia. Trên thực tế, chính kẻ nắm chính quyền hợp pháp của quốc gia lại là kẻ thay thế khái niệm quốc gia. Tại phương Tây cũng có những người giữ quan điểm như vậy, chẳng hạn Aristotle(68) và một số nhà xã hội học cận đại. Socrates cũng nêu ra vấn đề đó trong tác phẩm của mình. Khi đang bị giam trong ngục thất và có cơ hội trốn ra ngoài, Socrates đã đứng trên lập trường của quốc gia mà nói với chính mình: *"Mi vốn do ta sinh ra, ta đã nuôi nấng và dạy dỗ mi. Mi và tổ tiên của mi chẳng qua đều là con cháu hoặc đầy tớ của ta cả!"*, chính vì lý do ấy mà ông đã không bỏ trốn. Câu nói này của Socrates không có gì lạ đối với người dân Nhật Bản, vì nó thể hiện dụng ý của Võ Sĩ Đạo. Chỉ có điều là tại Nhật Bản, nhà nước và pháp luật được thể hiện bằng một cá nhân cụ thể. Đạo Trung là nền tảng luân lý sinh ra từ nhân tố chính trị ấy.

Trong cuốn "Nguyên lý Luân lý học" (*Principles of Ethics*, tập I, phần II, chương X), Spencer định nghĩa "Trung" là sự phục tùng chính trị và cho rằng nó chỉ có chức năng hạn chế, nghĩa là chỉ hạn chế trong một triều vua mà thôi, chứ không thể mãi mãi tận trung được. Song "một triều vua" cũng là một thời gian rất dài, hướng chỉ trong quốc ca Nhật Bản có câu "khi những hòn đá nhỏ biến thành vách đá đầy rêu". Nghĩa là tuy triều đại khác nhau, nhưng toàn bộ vương triều phong kiến đều có một nền tảng thiêng liêng.

Chúng ta có thể nhớ lại là vào thời đó ngay cả trong một nước dân chủ như nước Anh, "tình cảm trung thành cá nhân đối với một người và hậu duệ người đó mà tổ tiên người Đức của họ nuôi dưỡng đối với các nhà lãnh đạo của mình," như ông Boutmy gần đây nói, "ít hoặc nhiều đã chuyển thành lòng trung thành sâu sắc đối với chủng tộc và dòng dõi các hoàng thân của họ; như thể hiện trong lòng ái mộ đặc biệt của họ đối với vương triều."

Từ đó, Spencer dự đoán, sự phục tùng chính trị sẽ bị thay thế bằng mệnh lệnh của lương tâm. Nếu suy luận của Spencer là đúng, thì phải chăng phẩm chất của "Trung" sẽ biến mất? Thực ra, chúng

ta đổi từ chủ này sang chủ khác, từ nhà thống trị nắm quyền bính chuyển sang đức vua thiêng liêng trong nội tâm ta. Bởi lẽ lòng trung và sự tôn sùng thật ra đều là bản năng của lòng người. Cách đây vài năm, các đệ tử của Spencer đã tranh luận về vấn đề này, và cuộc tranh cãi đó đã làm cho giới trí thức Nhật Bản lo ngại. Các môn đệ của Spencer chưa hiểu toàn diện về lý thuyết của Spencer. Họ nhiệt tâm giữ lòng trung thành với Hoàng gia mà trách cứ các tín đồ đạo Kì Tô thề trung thành với Thượng Đế, cách làm như vậy có vẻ chưa triệt để. Thật ra, họ thiếu tài tranh biện mà chỉ phơi bày tư thế của các nhà nguy biện, logic cũ rích, thiếu chọn lọc, nâng cao. Thật ra, người Nhật Bản có thể làm được "Cái gì của Caesar thì trả lại cho Caesar, cái gì của Thượng Đế thì trả lại cho Thượng Đế", "Thờ cả hai chúa mà không giữ chúa này, bỏ chúa khác". Socrates đã làm được như vậy, ông tuyệt đối không cải chính bất cứ "ý nghĩ bậy bạ" nào của mình, vì tôn trọng pháp luật mà ông đã ung dung đi đến chỗ chết. Sinh thời, Socrates hoàn toàn hành động theo mệnh lệnh của trái tim mình; cái chết của ông là kết quả sự phục tùng mệnh lệnh của quốc gia. Nhà nước ngang nhiên cướp mất quyền chỉ huy (của lương tâm) đối với một công dân. Đây chính là chỗ đáng buồn của câu chuyện Socrates.

Nhưng Võ Sĩ Đạo thì không đòi hỏi người Nhật Bản bắt lương tâm mình phải làm nô lệ cho bất cứ một vị chúa hoặc vua nào. Mấy câu thơ dưới đây của Thomas Mowbray đã diễn tả cùng một tư tưởng như vậy :

"Bầm Đức vua của tôi!

Tôi xin quỳ phục dưới chân Người.

Dâng tính mạng nhưng không dâng danh dự,

Trách nhiệm của tôi là chết! Là tận trung với Người,

Nhưng dù tôi có chết chẳng nữa,

Cũng không thể để tên tuổi bị mờ trên bia."

Những kẻ bề tôi có hành vi xu nịnh làm theo ý định ngông cuồng của vua chúa và những kẻ thờ chúa trái với lương tâm mình đều bị Võ Sĩ Đạo khinh bỉ, gọi là *nei-shin* (tiếng Nhật, tức nịnh thần), hoặc là *chô-shin* (sùng thần), dùng cách hạ mình phục tùng của kẻ đầy tớ để giành được sự sùng ái của chúa. Hai loại bầy tôi đó tương ứng chính xác với câu nói của Iago(69) trong vở kịch Othello của Shakespeare: Có một bọn nô tài vào luôn ra cúi, chỉ biết vâng lệnh

trên, cam tâm đeo gông xiềng trên người, bán cả cuộc đời mình, sống như con lừa của chủ nhân... ngoài ra còn có một hạng người ngoài mặt tỏ ra trung thành nhưng trong bụng thì luôn luôn tính toán cho bản thân ...

Đúng là có hai loại bề tôi như vậy. Một loại thật thà như con lừa, trên cổ buộc sợi dây xích và không để tâm đến chuyện sống hoài phí cuộc đời, đi đâu cũng khúm núm luôn cúi. Một loại khác, ngoài mặt tỏ ra trung thành vô hạn. Người bề tôi chân chính có thái độ phục tùng khác hẳn về chất với sự "Trung" của hai loại nịnh thần nói trên. Họ dùng biện pháp của mình để giúp vua chúa sửa chữa các sai lầm, như Kent từng làm với vua Lear. Khi lời can ngăn không được vua chúa tiếp thu thì nên có hành động tiếp theo. Trong trường hợp đó, thông thường các võ sĩ dùng cái chết của mình để đưa ra lời can gián, bày tỏ lòng trung thành và qua đó thức tỉnh lương tri của bậc quân vương.

Tính mạng là bảo đảm cuối cùng của sự trung thành, và sự trung thành lý tưởng được xây dựng trên nền tảng danh dự. Đây chính là thành phần cốt lõi của toàn bộ sự giáo dục và huấn luyện võ sĩ.

CHƯƠNG 10 : GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÕ SĨ

Trong giáo dục đào tạo võ sĩ, điều quan trọng nhất không phải là dạy võ thuật mà là dạy dỗ tính cách. Tạo dựng được khí chất của người võ sĩ còn quan trọng hơn sự học được kiến thức, tài ăn nói, năng lực suy nghĩ. Mỹ dục nói ở phần trên là thứ không thể thiếu được đối với người võ sĩ song vẫn chưa phải là thứ quan trọng nhất. Tri thức cũng quan trọng, nhưng khi nói đến chữ "tri" thì cần biết là trong toàn bộ sự giáo dục, "tri" chỉ có địa vị phụ thuộc. Cái kiềng ba chân nâng đỡ bộ khung của Võ Sĩ Đạo là "Trí", "Nhân", "Dũng" - tiếng Nhật là *Chi, Jin, Yu*. Bản chất con người võ sĩ là hành động, còn về tri thức thì chỉ cần nắm được các hiểu biết có liên quan trong phạm vi chức trách của võ sĩ là được. Thí dụ, thần học là nội dung học tập của giới tăng lữ, nhưng đối với võ sĩ thì chỉ khi nào cần sử dụng tín ngưỡng để tăng dũng khí của mình, thì họ mới cần học môn này. Một nhà thơ người Anh viết "Bản thân đức tin không thể cứu vớt được con người; nhưng con người thì lại làm cho đức tin có sức mạnh"; các samurai cũng tin như vậy. Nội dung chính trong giáo dục tri thức cho người võ sĩ là triết học và văn học, thế nhưng, võ sĩ học những thứ đó không nhằm mục đích tìm chân lý mà là nhằm vào công dụng rõ ràng: học văn học để tu thân dưỡng tính và để giải trí, học triết học để giải quyết các vấn đề về quân sự và chính trị, hoặc để trau dồi phẩm chất kiên định.

Trong các chương ở trên, chúng ta đã biết rằng các môn học trong giáo dục Võ Sĩ Đạo gồm có: kiếm thuật, bắn cung, nhu thuật (70) hoặc *yawara* (trong tiếng Nhật, nhu thuật là *jiujutsu*; trong cách nói tiếng Anh thông dụng thường đọc nhầm từ này là *jiu-jitsu* . Đây

là một nghệ thuật quý phái "không dùng vũ khí", thuật cưỡi ngựa, thuật dùng giáo dài, binh pháp, thư pháp, luân lý học, văn học, và lịch sử. Hầu hết các môn học này chúng ta đều đã biết, riêng về nhu thuật *jiujutsu* và thư pháp, ở đây cần nói thêm vài câu. Tại sao Võ Sĩ Đạo coi trọng thư pháp như vậy? Có lẽ vì chữ viết Nhật Bản có vẻ

đẹp của hội họa, cho nên thư pháp có giá trị nghệ thuật rất lớn; đồng thời, nét chữ của một người như thế nào thường phản ánh tính cách của người đó. Còn nói về *jiujutsu*, sử dụng quan điểm hiện đại để định nghĩa thì có thể nói nó là kết quả sử dụng tri thức giải phẫu học dùng vào tấn công và phòng ngự. Nhu thuật khác với vật ở chỗ không dùng sức mạnh cơ bắp để thắng đối phương; ngoài ra, nó cũng không giống các kiểu tỉ thí võ nghệ khác ở chỗ không dùng bất cứ thứ vũ khí nào cả, hoàn toàn dùng tay không. Bí quyết của nhu thuật là nắm bắt hoặc công kích vào một điểm yếu nào đó trên người kẻ địch, khiến địch thủ không thể chống đỡ được. Do đó, cách này không dùng để giết chết kẻ địch mà là để khống chế không cho kẻ địch hoạt động được.

Trong giáo dục Võ Sĩ Đạo hoàn toàn không có một số môn học của giáo dục quân sự hiện đại, thí dụ toán học. Trong thời kỳ phong kiến, khi tiến hành chiến tranh, người ta không dùng cách tính toán chính xác để giành chiến thắng, hơn nữa, toàn bộ nội dung giáo dục của Võ Sĩ Đạo rất khó dung nạp khái niệm số học.

Võ Sĩ Đạo cũng không có khái niệm kinh tế, ngược lại thanh bần chính là điều Võ Sĩ Đạo lấy làm tự hào. Trong vở kịch "Taiman của Athen" của Shakespeare, nhân vật chính là Ventidius nói: *"Hiệp sĩ coi trọng danh dự, nếu có vàng bạc mà bị ô danh thì thà vứt vàng bạc cam chịu thiệt thòi còn hơn."* Tương tự, Don Quixote (71) tuy coi khinh vàng bạc và đất đai, song lại vô cùng quý chiếc mũ sắt đã gỉ sét và con chiến mã gầy guộc chỉ còn da bọc xương của mình. Về điểm này, người samurai có thái độ hết như người đồng liêu của vị La Mancha ấy. Người võ sĩ coi khinh vàng bạc tiền nong, càng không cần nói đến việc họ kiếm chác hoặc giữ những thứ ấy. Họ cho rằng bản thân tiền bạc là thứ bất nghĩa. Có một câu nói: *"Quan văn thích tiền, quan võ quý mạng."* Người đời coi khinh thậm tệ những kẻ quý trọng tiền bạc và tính mạng của mình, còn những ai có thái độ ngược lại thì được ca ngợi. Ngạn ngữ Nhật Bản có câu: *"Chớ nên tham lam quý trọng tiền bạc, lắm tiền thì trí óc bị tổn hại."* Bởi vậy, trẻ em nước chúng tôi được lớn lên trong hoàn cảnh hoàn toàn không biết tiền bạc là gì, ai bàn chuyện tiền nong bị coi là tầm thường ti tiện. Tiêu chí trẻ em được dạy tốt là em đó hoàn toàn không biết đến tiền bạc. Kiến thức số học dạy cho võ sĩ chỉ hạn chế trong việc dùng để tập hợp binh lực, hoặc khi phân phong đất đai

thái ấp; còn những việc liên quan đến tính toán tiền nong là việc của các quan lại cấp dưới. Phần lớn các chư hầu trong nước Nhật Bản cổ đại đều giao công việc tài chính cho các samurai cấp thấp hoặc tầng lớp thực hiện. Các võ sĩ có đầu óc đều biết tiền bạc là thứ rất quan trọng trong chiến tranh; thế nhưng trong đời sống hàng ngày họ vẫn không thể bận tâm chút nào đến tiền bạc. Ý thức tiết kiệm mà Võ Sĩ Đạo dạy dỗ cũng không phải xuất phát từ nguyên nhân về kinh tế, mà từ nhu cầu rèn luyện tinh thần tự kiềm chế ham muốn cho các võ sĩ. Bệnh xa xỉ bị coi là kẻ địch lớn nhất của loài người, vì tầng lớp võ sĩ được yêu cầu phải sống giản dị; nhiều chư hầu đều nghiêm cấm bất cứ hành vi xa xỉ nào.

Trong lịch sử La Mã cổ đại, địa vị của các quan thu thuế và của những người nắm tài chính ngày càng được nâng cao, cuối cùng họ được đưa lên hàng ngũ hiệp sĩ và được Nhà nước thừa nhận. Sự thật lịch sử đó chứng tỏ tác phong xa xỉ và lòng tham của người La Mã. Nhưng Võ Sĩ Đạo thì khác, luôn coi các chức vụ tài chính là công việc thấp hèn, kẻ tráng sĩ không bao giờ thêm làm - vì các chức trách ấy không thể nào so sánh được với các chức trách về đạo đức và tri thức. Do cực lực khinh thường tiền bạc, bài trừ lòng tham, cho nên trong một thời gian dài, trong Võ Sĩ Đạo hoàn toàn không có các tệ nạn do tiền bạc sinh ra. Trong thực tế, giới quan chức Nhật Bản xưa nay không có khuynh hướng tham ô đòi hỏi, đây là do tác dụng giáo dục của Võ Sĩ Đạo. Thế nhưng chao ôi ! Trên thế giới hiện nay, chủ nghĩa sùng bái tiền bạc đang lan tràn nhanh chóng biết bao!

Ngày nay, việc đào tạo trí năng chủ yếu được thực hiện bằng cách học toán học và khoa học tự nhiên; còn ngày xưa, nhiệm vụ đó được giao cho văn học và luân lý học. Như tôi đã nói ở trên, nhiệm vụ của giáo dục ngày xưa là bồi dưỡng phẩm chất, cho nên thanh thiếu niên rất ít quan tâm đến các vấn đề trừu tượng. Ngày ấy, học sâu biết rộng không chứng tỏ sự ưu việt. Trong ba mặt công hiệu của học vấn mà Bacon (72) đề xuất - niềm vui, trang sức và khả năng ứng dụng - Võ Sĩ Đạo chỉ coi trọng điểm cuối cùng, và loại ứng dụng ấy chủ yếu là ở chỗ phán đoán chính xác và xử lý công việc. Dù là giải quyết việc công hoặc tự kiềm chế trong hành động hàng ngày, sự giáo dục của Võ Sĩ Đạo đều chú trọng đào tạo kỹ năng thực tế. Đúng như trong Luận Ngữ, Khổng Tử giải thích về học tập

như sau: *"Học mà không suy nghĩ thì sẽ mơ hồ, chỉ suy nghĩ không tưởng mà chẳng học thì nguy."* (học nhi bất tư tắc vãng, tư nhi bất học tắc đãi).

Khi nội dung giáo dục là phẩm chất chứ không phải là tri thức, khi dùng tâm hồn chứ không phải dùng đầu óc để tiếp thu sự gợi mở, thì chức trách của người thầy sẽ trở nên vô cùng thiêng liêng. *Cha mẹ sinh ra ta, thầy dạy ta nên người* - với nếp suy nghĩ như thế, nghề dạy học được vô cùng kính trọng. Người nào có thể thức tỉnh được niềm tin trong giới thanh thiếu niên tất nhiên đều phải là những người phi phạm về mặt nhân cách và học thức. Người đó là cha của đứa trẻ đã mất lòng tin ở bố đẻ của mình, lại là người dẫn đường cho kẻ lạc lối. Trong Thực Ngữ Giáo có chép câu cách ngôn: *Cha mẹ như trời đất thầy học như mặt trời, mặt trăng*. (phụ mẫu như thiên địa, sư quân như nhật nguyệt).

Trong xã hội hiện đại, bất kỳ công việc nào đều có thù lao tương ứng. Nhưng trong thế giới võ sĩ thì hoàn toàn không như vậy. Công việc mà Võ Sĩ Đạo nhằm vào đều là những việc vừa không có thu lợi vừa không thể dùng tiền bạc để đánh giá, tương tự như nhà tu hành, như thầy giáo. Lao động tâm hồn là thứ lao động thiêng liêng, không thể đo đếm bằng vàng bạc tiền nong. Về điểm này, trong Võ Sĩ Đạo có những kinh nghiệm trội hơn môn kinh tế chính trị học hiện đại, vì cảm giác danh dự của nó là thứ không thể đánh giá được. Phần vĩ đại nhất trong công việc của người thầy giáo thì giống như công việc của nhà tu hành, tức sự gợi mở tâm hồn. Nó là một công việc không cụ thể, không thể tính toán và đo đếm được. Chính vì nó không thể đánh giá được, cho nên nó thoát ra khỏi mối quan hệ với đồng tiền. Tuy rằng theo lệ thường, các đệ tử phải dâng lễ vật tặng thầy vào một ngày nào đó trong năm, nhưng lễ vật ấy dù quý trọng đến đâu cũng không thuộc vào phạm trù thù lao trả công, mà là lễ vật hiến dâng. Bởi vậy, người có phẩm chất đứng đắn đều không xấu hổ vì sự thanh bần của mình mà ngược lại, lấy đó làm vinh hạnh. Người thầy bỏ công sức lao động là xuất phát từ lòng tự tôn mãnh liệt, họ không đòi hỏi mà rất vui vẻ nhận lễ vật của học trò. Họ đại diện cho phẩm chất cao thượng, không khuất phục trước các khó khăn gian khổ trong đời sống, có chí thú nghiêm túc. Họ là hoá thân của mọi học vấn, là tấm gương sống động về tinh thần tự kiểm chế - một yêu cầu phổ biến đối với người võ sĩ.

CHƯƠNG 11 : TỰ KIỂM CHẾ

Trong Võ Sĩ Đạo, điều răn *Dũng* đòi hỏi người võ sĩ không được kêu một tiếng nào khi gặp bất kỳ hoàn cảnh khó chịu đựng nổi, điều răn *Lễ* lại yêu cầu họ không được để lộ nổi buồn hoặc đau khổ nhằm chiếu cố niềm vui hoặc sự yên tĩnh của người khác. Hai lời dạy đó kết hợp với nhau khiến người võ sĩ có phẩm tính của chủ nghĩa khắc kỷ bề ngoài, và cuối cùng đã hình thành tính cách quốc dân Nhật Bản thể hiện ra bên ngoài là theo chủ nghĩa khắc kỷ. Sở dĩ tôi nói chủ nghĩa khắc kỷ (73) bề ngoài, vì tôi tin rằng chủ nghĩa khắc kỷ thật sự thì không thể nào trở thành tính chất của cả một dân tộc, và sự việc cũng đúng là như vậy. Dân chúng nước chúng tôi chú trọng lễ tiết, người nước ngoài thoát nhìn cảm thấy có vẻ là thiếu tình cảm chân thật, nhưng trong thực tế, tình cảm của người Nhật Bản không kém bất cứ một dân tộc nào trên thế giới.

Theo tôi hiểu, xét về góc độ nào đó, mức độ đa sầu đa cảm của người Nhật Bản vượt xa các dân tộc khác. Bản thân sự kiềm chế tình cảm sẽ làm tăng cường độ của tình cảm. Thử nghĩ xem, các thiếu niên - và thiếu nữ cũng vậy - tiếp thu sự dạy dỗ không được vì đau khổ mà kêu rên hoặc nhỏ nước mắt, thì cảm giác của họ sẽ càng nhạy bén hay càng cùn trơ ? Chỉ cần phân tích về sinh lý học là đã tìm được giải đáp.

Võ sĩ nào để lộ tình cảm của mình ra mặt thì bị coi là thiếu tu dưỡng. "*Không thất sắc khi thái sơn sụp đổ ngay trước mắt*" là câu nói thường dùng để ca ngợi các nhân vật vĩ đại. Ngay cả tình cảm tự nhiên cũng phải kiềm chế, cha không được ôm con trai, chồng không được hôn vợ - trong nhà thì có thể được, nhưng trước mặt người khác thì tuyệt đối không được. Có người pha trò: "Người Mỹ hôn vợ ngay trước mặt người khác, nhưng ở nhà thì đánh vợ ; người Nhật Bản đánh vợ trước mặt người khác nhưng lại hôn vợ khi ở nhà." Câu này có lẽ có phần đúng.

Khi đã đạt đến mức cử chỉ điềm đạm, tâm hồn tĩnh lặng như mặt vũng nước đọng thì con người sẽ không bị chi phối bởi xúc cảm nữa. Tôi nhớ lại một chuyện xảy ra trong cuộc Chiến tranh Giáp Ngọ

(74) giữa Trung Quốc với Nhật Bản. Hôm ấy, một đơn vị quân đội Nhật Bản lên đường ra mặt trận, đông đảo dân chúng kéo đến nhà ga để tiễn đưa. Một người Mỹ nghe tin bèn tới đó để xem người Nhật Bản tiễn biệt nhau như thế nào. Hồi bấy giờ, tinh thần chiến tranh của toàn dân Nhật Bản đang lên rất cao. Trong đám đông người đi tiễn có cha mẹ, vợ con, bạn gái của các binh sĩ. Một điều khiến người Mỹ kia cảm thấy kỳ lạ là khi còi tàu vang lên, xe lửa bắt đầu chuyển bánh, trong đám đông hàng nghìn người đi tiễn không một ai khóc thành tiếng, cũng không nghe thấy tiếng dặn dò nhủ nhau khi tạm biệt, không ai vẫy khăn tay. Họ chỉ im lặng bỏ mũ, cúi đầu chia tay. Trong sự im lặng sâu sắc ấy, phải lắng tai để ý lắm mới nghe thấy một vài tiếng thút thít. Trong đời sống gia đình của người Nhật Bản cũng vậy. Tôi biết chuyện nhà nọ có con nhỏ ốm, ông bố suốt đêm đứng bên ngoài phòng lắng nghe con thở hít mà không vào, vì ông không muốn để con nhìn thấy nỗi lòng mềm yếu của người cha! Tôi cũng biết chuyện một bà mẹ ốm nặng, đến lúc hấp hối mà vẫn không báo tin cho con biết, chỉ vì bà không muốn ảnh hưởng tới việc học tập của con. Dù là trong lịch sử hoặc trong đời sống hàng ngày, nước chúng tôi có rất nhiều bà mẹ anh hùng có thể sánh với các câu chuyện xúc động nhất trong các trang sách của Plutarch (75), và Ian Maclaren có thể tìm được ở nông thôn Nhật Bản rất nhiều Marget Howe (nhân vật trong tác phẩm của Ian Maclaren, tiêu biểu cho tám gương mặt người vợ hiền mẹ thảo).

Trong Giáo hội Kì Tô ở Nhật Bản rất ít khi thấy có các tín đồ sùng tín đến cuồng nhiệt; điều này có thể giải thích bằng bản tính tự kiểm chế của người dân nước chúng tôi. Dù là đàn ông hay đàn bà, khi bị xúc động, phản ứng đầu tiên của người Nhật Bản là lặng lẽ kìm nén tình cảm đó. Rất ít khi xảy ra trường hợp có người do xúc động mà gào thét hoặc nói huyên thuyên thao thao bất tuyệt. Ai khinh suất bàn luận về các trải nghiệm tâm hồn tức -là phạm vào điều răn thứ 3 của Chúa Kì Tô: "Chớ có lấy danh nghĩa Đức Chúa Trời Jehovah mà nói xằng." Trước mặt người lạ mà oang oang về các điều bí ẩn nhất trong tâm hồn, là chuyện không thể tưởng tượng được với người Nhật Bản. Một samurai trẻ tuổi từng viết trong nhật ký như sau: "Bạn có cảm thấy một ý tưởng thâm kín đang lặng lẽ đâm chồi mọc rễ tại chỗ sâu kín nhất trong tâm hồn mình không? Đó chính là

hạt giống trong nội tâm đang nảy mầm. Chớ nên động đến nó, hãy để nó nảy nở một cách lặng lẽ, kín đáo."

Người Nhật Bản cho rằng việc trình bày dài dòng các suy nghĩ và cảm giác của mình - nhất là về các vấn đề liên quan đến tôn giáo - là một việc vừa thiếu thành kính lại vừa nông cạn. Ngạn ngữ nói: *"Hắn ta chỉ là một quả lựu (76), vừa mở miệng là đã thấy hết bụng dạ."*

Khi bị xúc động thì mím chặt môi, chôn chặt niềm xúc động ấy vào thật sâu trong lòng, - đây không phải là một thói quen kỳ lạ của người phương Đông. Một triết gia Pháp từng nói: *"Lời nói không thể hiện suy nghĩ mà ngược lại, nó che đậy tư tưởng"*, dường như từ lâu người Nhật Bản đã hiểu câu nói này.

Khi đến thăm một người Nhật Bản đang có nỗi đau lớn bạn sẽ thấy anh ta ra đón bạn với nụ cười trên môi như mọi khi, tuy mắt đỏ ngầu, nét mặt hốc hác tiều tụy. Tai họa xảy ra khiến bạn cảm thấy người đó nhất định đang vô cùng đau khổ, thế nhưng khi bạn an ủi thì anh ta sẽ đáp lại bằng những câu khách sáo, đại loại như: "Đời người thường hay có chuyện buồn", "Có hợp thì có ly", hoặc "Có sống thì có chết", hoặc "Thật là ngu ngốc nếu tính toán tuổi của đứa bé vừa chết, nhưng mẹ nó vẫn cứ say mê làm chuyện ấy" (Thằng bé chết trẻ quá, mẹ nó sao tránh được đau thương) và những câu tương tự. Rất lâu trước khi Hohenzollem (77) đáng kính nói *"Lerne zu leiden ohne Klagen"* tức *Cần phải biết im lặng chịu đựng*, đã có vô số người Nhật Bản làm như vậy.

Trong thực tế, người Nhật Bản có khuynh hướng cố gượng cười khi gặp phải những thử thách nghiêm trọng. Theo tôi nghĩ, thói quen hay cười của người Nhật Bản thì khác với thói quen thích cười của người Hy Lạp thời cổ do chịu ảnh hưởng từ hài kịch Hy Lạp - vì người Nhật Bản thường cười khi gặp khó khăn, dùng nụ cười để làm cái bình phong che giấu tình cảm thực sự trong lòng. Nụ cười đó cân bằng với nỗi tức giận hoặc đau thương. Do tình cảm thì bị thói quen kiềm chế, nên thi ca trở thành nơi an toàn để thổ lộ tình cảm ra ngoài. Một nhà thơ Nhật Bản thế kỷ X từng nói: *"Có lẽ thói quen làm thơ của người Nhật Bản không xuất phát từ lòng yêu thơ, mà họ coi làm thơ là một biện pháp giải sầu. Về điểm này, họ giống người Trung Quốc."* Một bà mẹ đã viết những vần thơ như sau để tự an ủi mình sau khi bà bị mất đứa con trai yêu quý:

Hôm nào còn đi bắt chuồn chuồn

Nay chỉ còn gặp con trong mộng.

Chẳng cần nêu thêm nhiều thí dụ, vả lại, nếu dịch ra tiếng nước ngoài những câu thơ chứa đựng tình cảm sâu sắc mỗi chữ đều thấm đẫm máu và nước mắt ấy thì khác gì sẽ làm hồng chuối ngọc trai, vì chỉ có văn tự Nhật Bản mới diễn tả nổi những tình cảm như vậy: bề ngoài lạnh như băng, nụ cười gượng gạo trên mặt che giấu nỗi niềm buồn thương cực độ và tình cảm nội tâm có chút bệnh hoạn mất trí.

Có người nói người Nhật Bản không sợ chết, có thể chịu đựng nỗi đau khổ cực độ, là do họ không nhạy cảm. Có thể là như vậy. Song tôi cần hỏi lại: "Tại sao nhiều người Nhật Bản vẫn có sự căng thẳng nội tâm?" Có thể đó là do khí hậu Nhật Bản ôn hoà hơn nước Mỹ. Có thể đó là do chính thể quân chủ của nước chúng tôi chặt chẽ hơn chế độ cộng hoà của nước Pháp. Có thể là do dân chúng Nhật Bản cũng không giống người Anh giàu tinh thần làm phản thích đọc loại sách như "áo cũ vá lại" (*Sartor Resartus*). Cá nhân tôi cho rằng: sở dĩ người Nhật Bản phải luôn luôn tự giác kiềm chế bản thân, chính là vì họ quá đa cảm đa sầu và nhạy cảm. Tóm lại, lý do khiến người Nhật Bản không sợ chết và có khả năng chịu đựng gian khổ chỉ có thể giải thích bằng việc họ có sức mạnh tự kiềm chế bản thân, chứ không có cách giải thích nào khác.

Kỷ luật tự kiềm chế có thể dễ dàng được thực hiện đến mức quá đà. Khi đó, nó bóp chết những ý nghĩ hoạt bát, có sức sống; nó bóp cong các thiện tính hồn nhiên, chất phác. Đồng thời, trên cơ sở đó, có thể nảy sinh các phẩm chất xấu như ngoan cố, đạo đức giả, trì độn. Bất luận một tình cảm cao thượng đến đâu đi nữa cũng đều có mặt trái của nó. Cho nên người Nhật Bản chúng tôi đều theo đuổi hiệu quả chính diện của mỗi một loại đức hạnh, nhận thức đặc điểm chính diện của nó. Thói quen tự kiềm chế được thể hiện hoàn mỹ nhất trên con người Nhật Bản là ở chỗ nó làm cho chúng tôi luôn có tâm trạng yên bình, hoặc theo cách nói của nhà hiền triết Hy Lạp Democritus (78), đây là biểu hiện *euthymia* tức "chí thiện chí mỹ" của đức hạnh đó.

Sau đây chúng ta sẽ khảo sát hai tập tục tự sát và trả thù của Nhật Bản. Tự sát là biểu hiện sự tự kiềm chế lên đến cực điểm, và nó thể hiện cực điểm đó một cách hoàn mỹ nhất.

CHƯƠNG 12 : TẬP TỤC TRẢ THÙ VÀ TỰ SÁT

Hai tập tục tự sát và trả thù của Võ Sĩ Đạo - tiếng Nhật ban đầu là *hara-kiri* và sau này

là *kataki-uchi* - thường được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài nhắc đến.

Trước tiên nói về tự sát. Tôi xin chỉ giới hạn nói về mổ bụng - *seppuku* hoặc *kappuku*, thường gọi là *hara-kiri*, - nghĩa là dùng dao tự phanh bụng mình. Khi người nước ngoài nghe thấy từ này, họ sẽ có phản ứng đầu tiên là kêu lên: "Mổ bụng ư? Sao mà tàn khốc! Sao mà ngu xuẩn thế !" Họ cho rằng đây là hành động kỳ quái. Nhưng ai đã quen với Shakespeare thì sẽ nghĩ khác. Trong một vở kịch của Shakespeare, nhân vật Brutus có một câu đài từ: "*Cầu xin linh hồn của Caesar sống lại, giúp tôi đâm thanh kiếm này vào bụng mình !*" Ngày nay cũng có một thi sĩ người Anh viết trong bài thơ "Ánh sáng châu Á" (*Light of Asia*) một đoạn về vụ đâm kiếm xuyên bụng nữ hoàng - nhưng không ai chê trách nhà thơ này đã vi phạm lễ nghĩa hoặc dùng từ thô tục. Hoặc xin nêu một thí dụ khác: hãy xem bức tranh của nhà danh họa Guercino vẽ cái chết của Cato(79), bức họa này treo trong cung điện Rossa ở Genoa(80). Bạn nào đọc "Bài ca tuyệt mệnh" của Addison(81) sáng tác cho Cato hát, chắc không chê cười cảnh Cato tự sát bằng cách đâm thanh kiếm vào bụng mình. Trong suy nghĩ của người Nhật Bản, mổ bụng là cách chết cao thượng nhất; vì vậy họ không cảm thấy khó chịu về việc mổ bụng, tuyệt nhiên không ai chê cười hoặc chán ghét cách chết ấy. Tuy hình thức chết trông khó coi thật, nhưng nó chứa đựng tính duyên dáng, sự dễ thương, tinh thần hài hoà vĩ đại bình tĩnh; tinh thần ấy đem lại ý nghĩa cao thượng cho cái chết, khiến nó trở thành tượng trưng cho một cuộc sống mới. Cũng với lý lẽ như vậy, cái chết của Jesus trên giá chữ thập trở thành tiêu chí chinh phục cả thế giới!

Mổ bụng là phương thức chết được người Nhật Bản chấp nhận, không những chỉ vì nó chứa đựng tinh thần Võ Sĩ Đạo cao quý khi

người ta lựa chọn cách chết, mà còn liên quan đến quan niệm giải phẫu học cổ đại. Người xưa cho rằng bụng là nơi chứa tình yêu và linh hồn con người. Trong "Sáng Thế kỷ " có một câu của Moses(82): "Mỗi khi nghĩ đến em mình, Joseph(83) đều như có lửa trong bụng". Cũng vậy, trong "Bài thơ", David(84)cầu nguyện Chúa Trời đừng quên bụng dạ của David. Hoặc khi Isaiah, Jeremiah(85) và các thầy phù thủy cổ đại nói về "tiếng kêu" hoặc về "sự phiền muộn" của ruột gan, tất cả họ đều xác nhận niềm tin rằng bụng là nơi chứa linh hồn con người. Quan niệm ấy hết như quan niệm thịnh hành trong dân chúng Nhật Bản từ thời cổ xưa. Người Do Thái thường nói gan, thận và lớp mỡ bao bọc xung quanh là nơi chứa linh hồn và sự sống của con người. Về sinh lý, từ *hara* (bụng) trong tiếng Nhật Bản hàm chứa nội dung rộng hơn nhiều so với từ *phren* và *thumos* của người Hy Lạp. Nhưng về quan niệm cho rằng linh hồn con người chứa ở đâu đó trong vùng bụng, thì người Nhật Bản cũng như người Hy Lạp. Cách nghĩ này rất thường thấy trong dân chúng thời cổ. Tuy triết gia Pháp xuất sắc nhất là Descartes(86) nói "*Linh hồn nằm ở tuyến tùng(87)*", nhưng người Pháp thì vẫn kiên trì dùng thuật ngữ *ventre* với ý nghĩa không rõ ràng về giải phẫu học, dấu sao vẫn có nhiều ý nghĩa về sinh lý học. Tương tự, thuật ngữ *entrailles* trong tiếng Pháp ("phần bụng") có ý nghĩa tình yêu và lòng từ bi. So với ý tưởng coi trái tim là trung tâm của tình cảm con người thì niềm tin coi bụng là nơi chứa linh hồn có tính khoa học hơn. Romeo phải hỏi tu sĩ rồi mới biết "Tên của một người thì nằm ở bộ phận nào trong cái túi da thối (tức bụng)", còn người Nhật Bản thì từ xưa đã biết điều đó. Thuyết thần kinh học hiện đại nêu rõ, sau khi tuỷ sống phần bụng và tuỷ sống phần lưng giao cảm với nhau, có thể sinh ra sự kích thích mạnh đối với trung ương thần kinh của não bộ. Hiểu rõ cái nền sinh lý học tinh thần đó thì sẽ chứng minh được tính hợp lý của việc *seppuku* (mổ bụng). "Tôi sẽ khai mở nơi trú ngụ của linh hồn tôi để cho mọi người xem nó như thế nào. Mọi người hãy tự xem, linh hồn tôi vẫn đục hay trong sạch."

Xin đừng hiểu lầm cho rằng tôi xuất phát từ quan điểm tôn giáo hoặc đạo đức mà tán thành hành vi tự sát; nhưng đúng là xuất phát từ tinh thần trọng danh dự mãnh liệt mà nhiều người đã tự kết liễu sinh mạng của mình.

"Khi danh dự đã mất, chỉ có chết thì mới được giải thoát"

Cái chết sẽ cứu người ta ra khỏi nỗi nhục nhã."

Biết bao người mang theo suy nghĩ như câu thơ này của Garth rồi mỉm cười nhẹ nhàng từ bỏ cuộc sống! Khi cái chết có liên quan đến danh dự, Võ Sĩ Đạo dùng cái chết làm biện pháp duy nhất để giải quyết nhiều vấn đề phức tạp. Cho nên nhiều võ sĩ có lòng trọng danh dự mãnh liệt đều cho rằng chết tự nhiên là cái chết tầm thường, không có chí khí, không thể sánh được với cái chết có được do người ta nhiệt tâm theo đuổi. Tôi dám nói rằng rất nhiều tín đồ Ki Tô giáo lương thiện sẽ ca ngợi những người đã có thái độ cao thượng kết thúc cuộc sống của mình trên Trái Đất như Cato, Brutus, Petronius(88) và nhiều vị thánh thời xưa. Nếu các tín đồ ấy có đủ lòng thành thật thì nhất định họ sẽ thừa nhận sức quyến rũ họ cảm nhận được trước cái chết của các vị nói trên. Nói rằng trong cái chết của vị tổ sư triết học Socrates có một nửa là tự sát thì cũng không phải là sai. Các đệ tử của ông có ghi chép lại quang cảnh lúc ấy, Socrates hoàn toàn có thể trốn đi được nhưng ông đã chọn con đường ở lại, phục tùng mệnh lệnh của Nhà nước - hơn nữa, ông hiểu rất rõ mệnh lệnh đó là sai về mặt đạo đức - trước khi chết, Socrates còn cầm cốc thuốc độc rót ra vài giọt để an ủi các thần linh. Lẽ nào từ thái độ ấy, chúng ta không nhận rõ ý đồ tự tử của Socrates hay sao? Lúc đó không hề có biện pháp cưỡng chế nào bắt ông phải chấp hành phán quyết, tuy rằng phán quyết của viên chánh án rất kiên quyết: "Người phải chết, hơn nữa, người phải tự mình chấp hành án tử hình." Nếu nói rằng, khái niệm tự tử thuần túy là tự tay mình giết chết mình, thì không còn nghi ngờ gì nữa, rõ ràng là Socrates đã tự tử. Nhưng không ai trách ông đã phạm tội tự tử. Plato- người học trò của Socrates, vốn rất ghét chuyện tự tử - quyết không thừa nhận thầy mình đã tự tử.

Bây giờ thì bạn đọc đã rõ, mổ bụng (*seppuku*) không đơn thuần chỉ là biện pháp tự sát, mà còn là một tập tục về luật pháp và nghi thức lễ pháp. Là sản phẩm của thời đại phong kiến, nó là phương cách người võ sĩ dùng để nhận tội, hối lỗi, miễn bị xỉ nhục, chuộc lại tình bạn, hoặc tự chứng minh bản thân ngay thẳng. Khi mổ bụng được dùng làm phương pháp trừng phạt về pháp luật, cách thức tiến hành cũng rất trang nghiêm. Trừ những người có thái độ cực kỳ bình tĩnh và kiên định tự kiểm chế ra, không ai có thể thực thi được

phương thức tự sát vô cùng tàn khốc này. Bởi thế, mổ bụng là phương thức tự sát đặc biệt thích hợp với người võ sĩ.

Xuất phát từ tính hiếu kỳ của khảo cổ học, tôi muốn thuật lại nghi thức mổ bụng đã bị bãi bỏ này. Nhưng một nhà văn tài năng là Mitford đã làm việc đó trước tôi. Vì sách của ông hiện nay ít người đọc, nên ở đây tôi xin phép trích dẫn hơi dài một chút. Trong "Chuyện Nhật Bản ngày xưa" (*Tales of Old Japan*), sau khi đưa ra một đoạn văn dịch từ một tài liệu Nhật Bản hiếm hoi nào đó, Mitford đã tả lại quang cảnh một vụ *seppuku* chính ông được chứng kiến như sau :

"7 đại biểu người nước ngoài chúng tôi được các quan chức Nhật Bản chứng kiến vụ hành quyết dẫn vào *hondo* tức chính điện một ngôi chùa sắp sửa tiến hành nghi thức hành quyết. Khung cảnh ngôi chùa vô cùng trang nghiêm. Một gian phòng rộng, mái cao đỡ bằng các cột gỗ màu sẫm. Trần nhà treo đầy những chiếc đèn lồng lớn màu vàng và những vật trang hoàng độc đáo của một ngôi chùa thờ Phật. Phần sàn nhà trước bàn thờ Phật được kê cao khoảng 3-4 tấc làm thành một cái bục, có trải những chiếc chiếu trắng rất đẹp, chính giữa phủ một vuông thảm dạ màu đỏ. Nhiều ngọn nến đặt trên cao gần đây tỏa ra một thứ ánh sáng huyền ảo, nhờ đó có thể nhìn rõ quá trình hành hình. 7 người Nhật Bản yên vị ở bên trái bục cao, 7 người nước ngoài chúng tôi ngồi bên phải, Ngoài ra không có ai khác.

"Không khí đợi chờ hồi hộp. Vài phút sau, một người đàn ông vạm vỡ khoảng 32 tuổi, dáng điệu quý phái mặc lễ phục vải gai đi vào chính điện. Người này tên là Taki Zenzaburo. Đi kèm theo người đó có một *kaishaku* (còn gọi là "người chặt đầu", giúp việc cho người mổ bụng tự sát rồi sau đấy chặt đầu người tự sát) cùng 3 quan chức mặc *jimbaori* - loại áo thụng bằng gấm thêu màu vàng kim không tay. Ở đây cần nói rõ một điều: *kaishaku* không phải là đao phủ, *kaishaku* thực hiện một công việc nghĩa vụ cao thượng, thông thường họ là người thân hoặc bạn bè của tội nhân. Mỗi quan hệ giữa hai người này không phải là quan hệ giữa đao phủ với phạm nhân mà là giữa người giúp việc với đương sự. Lần này, *kaishaku* là đệ tử của Taki Zenzaburo, được các bạn bè của tử tù lựa chọn, từ trong số mấy kiếm sĩ võ nghệ cao cường của Taki Zenzaburo.

"Với *kaishaku* đi kèm ở bên trái, Taki Zenzaburo khoan thai bước tới trước mặt các chứng nhân người Nhật Bản và cúi rạp người chào; tiếp đấy họ lại đến cúi chào 7 người nước ngoài chúng tôi với dáng điệu dường như trịnh trọng hơn. Trong cả hai lần chào, họ cũng được đáp lễ với thái độ cung kính như vậy. Taki Zenzaburo chậm rãi và cực kỳ trang nghiêm bước lên chỗ bực cao, quỳ xuống lạy Phật, sau đó quay lưng lại bàn thờ, quỳ nghiêm chỉnh trên tấm thảm đỏ. *Kaishaku* thu mình ngồi bên trái. Một trong 3 quan chức tháp tùng họ đặt chiếc *wakizashi* bọc giấy trắng lên tam bảo. *Wakizashi* là một loại đoản đao người Nhật Bản hay dùng, dài 9,5 inch (hơn 24 cm), lưỡi và mũi đao sắc như nước. Sau khi hành lễ xong, vị quan chức trao *wakizashi* cho tội nhân. Người này tiếp nhận với thái độ vô cùng cung kính, dùng hai tay giơ cao chiếc *wakizashi* lên trên đầu rồi đặt xuống trước mặt.

"Sau một lần hành lễ nữa, Taki Zenzaburo bắt đầu nói với một giọng rụt rè, có lẽ do cảm thấy mình đã phạm sai lầm, nhưng nét mặt và âm điệu không thay đổi: *"Tội lỗi là tại một mình tôi. Khi thấy những người ngoại quốc ở Kobe định tháo chạy, tôi đã vô có ra lệnh bắn vào họ. Vì phạm tội đó nên bây giờ tôi sẽ tự mổ bụng mình. Tôi xin tất cả các vị có mặt tại đây làm chứng cho hành động này."*

"Sau khi trịnh trọng hành lễ một lần nữa, Taki Zenzaburo cởi áo, để hở đến lưng và cẩn thận buộc hai tay áo vào hai bắp chân - đây là một thông lệ, để sau khi mổ bụng người không bị ngã ngửa ra phía sau. Đó là vì tư thế chết của một võ sĩ Nhật Bản cao quý phải là gục người về phía trước. Sau một phút trầm tư, Taki Zenzaburo cả quyết cầm lấy thanh đoản đao ở trước mặt, dường như tập trung toàn bộ tình yêu vào con dao. Xem ra Taki Zenzaburo đang tập trung tư tưởng, rồi loáng một cái, người tử tù đã thọc sâu con dao vào phía trái bụng mình rồi từ từ kéo ra phía bên phải, sau đó kéo trở lại rồi rạch lên trên. Trong quá trình vô cùng đau khổ đó nét mặt anh ta không hề thay đổi. Cuối cùng, sau khi rút dao ra khỏi bụng, Taki Zenzaburo đổ người về phía trước, chìa gáy ra. Cho tới lúc này nét mặt kẻ tử tội mới thoáng hiện lên vẻ đau khổ, nhưng không hề kêu một tiếng nào. Người *kaishaku* suốt thời gian vừa rồi quỳ bên cạnh tội nhân và im lặng theo dõi toàn bộ quá trình, bấy giờ mới từ từ đứng lên, giơ cao thanh đại đao. Cùng với ánh đao loang loáng

chém xuống, một tiếng xoạch vang lên, kẻ tử tội đầu một nơi thân một nẻo.

"Bầu không khí im lặng như tờ trùm lên toàn bộ ngôi chùa, chỉ còn nghe thấy tiếng máu ông ộc phun ra từ cổ xác chết. Cảnh tượng thật khủng khiếp khi nghĩ tới chủ nhân của cái đầu lâu ấy vừa rồi còn là một trang nam nhi dũng mãnh cương nghị.

"Người *kaishaku* phủ phục hành lễ, rồi lấy giấy trắng đã chuẩn bị sẵn ra lau vết máu trên thanh đại đao của mình, sau đó bước xuống dưới bậc. Thanh đoản đao *wakizashi* vấy máu được một vị quan chức trịnh trọng cầm lấy mang đi, đó là chứng vật bằng máu của vụ hành quyết.

"Lúc ấy, hai viên quan đại diện cho *Mikado* tức Thiên Hoàng Nhật Bản, bước đến trước mặt các chứng nhân người nước ngoài và tuyên bố phán quyết xử tử hình Taki Zenzaburo đã được thi hành đúng luật. Nghi thức hành quyết đến đây kết thúc. Chúng tôi rời khỏi ngôi chùa ra về."

Lẽ ra tôi có thể trích dẫn rất nhiều đoạn tả lại cảnh *seppuku* từ các tác phẩm văn học hiện đại; song có lẽ chỉ cần nêu thêm một thí dụ nữa là đủ.

Hai anh em Sakon 24 tuổi và Naiki 17 tuổi, quyết định ám sát tướng Iyéyasu để trả mối thù cha họ bị viên tướng này giết; nhưng khi chưa lọt vào được doanh trại quân đội của gia tộc Iyéyasu thì họ đã bị bắt. Lão tướng Iyéyasu cảm phục trước dũng khí của hai anh em dám mưu sát ông, bèn ra lệnh để cho họ được hưởng cái chết danh dự. Những người bị xử tử gồm toàn bộ đàn ông trong gia đình hai anh em, kể cả cậu em út Hachimaro mới 8 tuổi. Ba người này bị dẫn vào một ngôi đền dùng làm pháp trường. Một thầy thuốc có mặt tại cuộc hành quyết đã cho chúng tôi đọc cuốn nhật ký trong đó ông ghi lại quang cảnh như sau:

"Khi ba anh em ngồi cạnh nhau chờ hành quyết, anh cả Sakon bảo cậu em út: "*Hachimaro, em làm seppuku trước đi, để anh xem em mổ bụng có đúng cách hay không.*" Hachimaro trả lời là cậu chưa bao giờ nhìn thấy cảnh *seppuku*, nên cậu muốn được xem anh mình mổ bụng như thế nào để bắt chước cho thật giống. Người anh cười trong nước mắt trả lời: "*Em nói hay lắm, chú bé kiên cường, thật không hổ thẹn là con của cha chúng ta!*" Thế là Hachimaro được thu xếp ngồi vào giữa hai người anh. Sakon đâm con dao vào

bên trái bụng mình rồi bảo em: *“Em nhìn đây! Bây giờ đã hiểu chưa? Đừng thọc dao sâu quá, vì như vậy sẽ ngã về phía sau. Phải hơi ngả người về đằng trước và quỳ hai chân cho thật chắc.”* Naiki cũng làm như thế, vừa tự rạch bụng vừa bảo em: *“Khi thọc dao vào, hai mắt phải mở to, nếu không người ta nhìn vào khó coi, trông cứ như đàn bà chết ấy. Dù có hết hơi sức rồi cũng phải can đảm kéo dao trở ra phía trước.”*

Hachimaro chăm chú nhìn hai người anh làm mẫu. Sau khi họ đã tắt thở, cậu bé điềm tĩnh cởi áo đến lưng rồi hoàn thành thao tác tự mổ bụng hết như hai người anh của mình."

Lẽ tự nhiên, quan niệm cho rằng mổ bụng là một hành động quang vinh đã dẫn tới hậu quả là người ta lạm dụng cách chết này. Chỉ vì nguyên nhân hoàn toàn do không hợp nhau hoặc những lý do không đáng chết, một số thanh niên bốc đồng đã tự mình tìm đến cái chết như con thiêu thân lao vào lửa. Số võ sĩ mổ bụng tự sát vì rối trí và vì các động cơ không rõ ràng thì nhiều hơn cả số phụ nữ do kích động nhất thời mà đi tu. Theo quan điểm phổ biến trọng danh dự, thì tính mệnh không còn đáng được trân trọng nữa. Song, điều đáng buồn là, thời vàng thuần khiết danh dự ấy lại thường lẫn tạp chất. Trong "Thần khúc - địa ngục" (*The Inferno*) của thi hào Dante, không một tầng nào trong địa ngục có mật độ số dân cao hơn Nhật Bản so với tầng thứ 7 mà Dante(89) dành cho tất cả các nạn nhân tự tử !

Thế nhưng người samurai chân chính coi việc vội vã chết và dùng cái chết để nhỉnh hót kẻ khác là một việc hèn nhát. Một chiến sĩ kiểu mẫu khi thua hết trận này đến trận khác và bị rượt đuổi từ đồng bằng lên núi sâu, từ rừng rậm vào hang hốc, đói khát, một thân một mình ẩn trốn trong hốc cây tối tăm, thanh gươm cùn trơ không dùng được, cung gãy, tên hết - có tự đâm gươm vào cổ mình như nhà đại quý tộc La Mã Brutus (trong vở kịch Philippi) từng làm trong hoàn cảnh tương tự hay không? Họ cho rằng chết như vậy là hèn nhát. Nhưng, với tinh thần nhẫn nại của một vị thánh tử vì đạo Ki Tô, họ sẽ tự an ủi mình bằng một câu thơ như sau:

Mọi nỗi buồn đau hãy giết ta đi!

Mi sẽ biết ta còn bao nhiêu sức mạnh!

Đó chính là lời răn dạy của Võ Sĩ Đạo - dùng chí bền bỉ nhẫn nại và lương tâm trong sạch để chịu đựng và đương đầu với mọi tai hoạ

và gian khó. Như Mạnh Tử đã dạy: *"Cho nên, khi Trời giao một sứ mệnh lớn cho người nào thì nhất định trước tiên phải làm cho ý chí của người đó được tôi luyện, làm cho gân cốt người đó bị nhọc mệt, làm cho thân thể người đó bị đói khát, làm cho người đó chịu nổi khổ sở nghèo túng làm việc gì cũng không được thuận lợi. Như thế là để lay động tâm trí người ấy, để tính tình người ấy trở nên nhẫn nại, tài năng của người ấy được tăng lên* (cổ thiên tương giáng đại nhiệm vụ thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngạ kỳ thể phu, không phạm kỳ thân, hành phát loạn kỳ sở vi, sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng - câu này lấy trong "Mạnh Tử - Cáo Tử, hạ). Ở đây tôi sử dụng nguyên văn lời của tiến sĩ Legge dịch đoạn văn này, nghĩa là: cái chết chấp hành số Trời là một việc danh dự, mà cái chết trốn thiên mệnh thì thật sự không danh dự! Trong cuốn sách ngộ nghĩnh "Tôn giáo Y học". (*Religio Medici*) của Nam tước Thomas Browne có một đoạn hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của Võ Sĩ Đạo, xin trích như sau: *Coi khinh cái chết là biểu hiện dũng cảm, nhưng trong trường hợp sống còn đáng sợ hơn chết thì dũng cảm thật sự nhất là ở chỗ dám sống.*

Một nhà sư nổi tiếng ở thế kỷ XVII từng châm biếm nói: *"Xưa nay, những samurai bình thường giỏi ăn nói thì chẳng bao giờ muốn chết thật sự, khi đến giờ phút nguy cấp thì họ trốn mất tằm mất tích!"* – và đây nữa *"Khi samurai đã có dũng khí dám chết thật sự, thì ngọn giáo của Sanada hay tất cả các mũi tên của Tametomo đều không thể xuyên nổi vào họ."*

Những câu nói trên cho thấy người Nhật Bản rất gần gũi với câu châm ngôn của người dựng đền thờ Jesus Christ - *"Kẻ nào hy sinh vì ta thì sẽ được cứu."* Dù có một số người cố gắng mở rộng sự khác biệt giữa tín đồ đạo Ki Tô với tín đồ dị giáo, nhưng từ mấy thí dụ trên ta có thể thấy tính nhất trí về đạo đức của nhân loại.

Như vậy ta thấy tập tục tự sát của Võ Sĩ Đạo không phải đã bị lạm dụng đến mức bất hợp lý và dã man, như nhiều người tưởng tượng. Sau đây chúng ta sẽ xem xét tục đòi đền mạng (đòi bồi thường mạng) - hoặc gọi là tục trả thù, nếu bạn muốn - sinh ra từ truyền thống tự sát; phải chăng tục này có điểm nào đáng gọi là "đạo". Tôi sẽ trình bày sơ qua vấn đề này.

Trong quá khứ, tất cả các dân tộc đều từng sử dụng phổ biến quy chế hoặc tập tục trả thù tương tự sự trả thù của người Nhật

Bản, và cho đến nay tục này vẫn còn tồn tại, chẳng hạn tục quyết đấu tay đôi hoặc gia hình (*Quyết đấu tay đôi* trong tiếng Anh là duelling. *Gia hình*, tiếng lynch, là hình phạt dùng trong gia tộc). Trong vụ án Dreyfus mới đây, chẳng phải đã có một viên đại úy người Mỹ đòi quyết đấu với Esterhazy để trả thù cho Dreyfus đấy ư? Trong các tộc người dã man chưa có chế độ hôn nhân, việc đàn ông đàn bà thông dâm với nhau không bị coi là tội lỗi; sự trinh tiết của phụ nữ chỉ được bảo vệ bằng tính ghen tuông của người tình của họ. Cũng như vậy, ở thời đại chưa có toà án hình sự thì giết người không phải là tội lỗi, trật tự xã hội được bảo đảm bằng hành động trả thù của người thân nạn nhân. "Trên thế giới này việc nào là đẹp nhất?", Orisis hỏi Horus(90). Câu trả lời là "Trả thù cho cha mình." - Người Nhật Bản sẽ bổ sung thêm một câu. "Trả thù cho vua chúa của mình."

Hành động trả thù chứa đựng cảm giác chính nghĩa. Người trả thù có lập luận như sau: "Cha ta là người lương thiện, không đáng chết còn kẻ giết cha ta thì đã phạm tội ác tày trời. Cha ta nếu còn sống cũng quyết không thể bỏ qua tội ác này; ý chí của cha ta là phải làm cho kẻ xấu không thể tiếp tục gây tội ác nữa, đây cũng là ý Trời. Kẻ sát nhân đã làm cha ta đổ máu thì ta cũng nhất quyết làm cho nó phải đổ máu, vì ta là cốt nhục của cha ta, ta có mối thù không đội trời chung với nó." Đây là một logic đơn giản, hồn nhiên. Lập luận của Hamlet cũng không sâu sắc hơn. Dù thế nào đi nữa, trong logic này vẫn chứa đựng cảm giác thiên bẩm về công bằng và chính nghĩa. "Máu rơi đòi máu, đầu rơi trả đầu." Tình cảm trả thù của chúng ta cũng như một bài tính toán chính xác, phải tính sao cho hai đầu cán cân cân bằng nhau, hoặc hai vế của phương trình bằng nhau.

Trong đạo Do Thái có Chúa chủ quản tính ghen tỵ, trong thần thoại Hy Lạp cũng có nữ thần phục thù Nemesis; hành động trả thù có thể được các thần linh bên vực. Trong Võ Sĩ Đạo, chế độ phục thù hình thành một toà án luân lý về sự công bằng. Nơi đây sẽ xét xử một cách công bằng những vụ việc mà pháp luật thông thường không thể nào xét xử được. Lãnh chúa của 47 *Ronin* (võ sĩ lang thang mất nhà cửa ruộng đất được ban) bị xử tội chết mà không có toà án cấp cao hơn để lãnh chúa khiếu tố. Thế là các gia thần trung thành của lãnh chúa đưa việc tố tụng này lên Toà án Tối cao và duy

nhất lúc đó - là trả thù. Cuối cùng pháp luật công cộng định tội của họ, nhưng dân chúng lại có một tiêu chuẩn phán quyết khác có tính bản năng. 47 võ sĩ trở thành những người anh hùng bất hủ(91). Cho tới nay, dân chúng Nhật bản vẫn đến thăm mộ của họ tại nghĩa trang chùa Sengakuji.

Lão Tử của Trung Quốc dạy người ta lấy đức trả oán. Khổng Tử thì đề xướng “Trực Đạo”(92), cũng tức là chính nghĩa, có ảnh hưởng lớn hơn Lão Tử. Song trả thù cho ân nhân hoặc người trên thì được coi là chính nghĩa; còn mối thù của bản thân hoặc của vợ con thì không được trả thù mà phải nuốt giận chịu đựng và quên đi. Cho nên người samurai Nhật Bản hoàn toàn đồng tình với lời thề của Hannibal(93) trả thù cho tổ quốc, nhưng lại khinh miệt hành vi trả thù cho vợ của James Hamilton - kẻ luôn mang theo nắm đất lấy từ mộ vợ để kích động mình đi giết quan nhiếp chính Marray.

Kể từ ngày Nhật Bản ban hành bộ Luật Hình sự hoàn thiện, cả hai hành động mổ bụng và trả thù đều mất *raison d'être* (giá trị tồn tại) của chúng. Từ đó trở đi, người ta không còn nghe thấy những chuyện ly kỳ lãng mạn như cô gái xinh đẹp nọ giả làm con trai để đi báo thù cho cha mẹ, hoặc câu chuyện bi thảm truy sát kẻ thù của gia tộc. Sự tích hiệp sĩ phiêu bạt Miyamoto Musashi đã trở thành chuyện của ngày xưa. Chỉ còn lại những viên cảnh sát kỷ luật nghiêm minh sẵn lòng bọ tội phạm và bàn tay pháp luật chính nghĩa đang phát huy tác dụng. Cả nước và cả xã hội đều đề cao chính nghĩa, do đó không cần tới hành động *kataki-uchi* (trả thù) nữa. Theo mô tả của một vị linh mục New England thì trả thù chẳng qua là “*khát vọng của trái tim được nuôi dưỡng bằng ham muốn dùng máu của nạn nhân để thỏa mãn bản thân.*” Nếu cách nói này là đúng, thì một số điều khoản về trừng phạt kẻ sát nhân trong bộ Luật Hình sự của Nhật Bản sẽ chưa hoàn toàn diệt trừ hết nạn trả thù.

Ngày nay, tuy *seppuku* đã không còn là một *dejure* tức tập tục về luật pháp nữa, nhưng nó vẫn tiếp tục xảy ra không ngừng; tôi e rằng sau này cũng khó tránh còn tiếp tục xảy ra. Ngày nay đang thịnh hành nhiều phương thức tự tử ít đau đớn và ít tốn thời gian, do đó trong thực tế số người sùng tín tự tử đang tăng lên với tốc độ ngạc nhiên trên phạm vi toàn thế giới. Dù sao chuyên gia về lĩnh vực tự tử học, giáo sư Morselli phải thừa nhận *seppuku* là một trong các phương thức tự tử quý tộc. Ông nhấn mạnh: “*Khi tự tử được thực*

hiện bằng các biện pháp rất đau khổ hoặc đòi hỏi thời gian dài chịu đựng sự hành hạ, thì 99% ca tự tử là do cuồng tín, mất trí hoặc do hưng phấn bệnh hoạn." (xem *Suicide* của Morselli, trang 314). Nhưng *seppuku* chính quy thì không xuất phát từ các nguyên nhân đó, vì điều cần thiết để tiến hành mổ bụng là phải có sự bình tĩnh cực độ. Trong tác phẩm "Tự tử và bệnh điên" (*Suicide and Insanity*), tiến sĩ Strahan chia tự tử ra làm hai loại: tự tử hợp lý hoặc tương tự, và tự tử không hợp lý hoặc thật sự. Rõ ràng, *seppuku* là đại diện tốt nhất của loại tự tử hợp lý.

Từ các tập tục tàn khốc nói trên và từ khuynh hướng của toàn bộ Võ Sĩ Đạo, có thể thấy gươm kiếm có vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống và kỷ luật của người võ sĩ. Một câu ngạn ngữ Nhật Bản gọi thanh gươm là linh hồn của samurai.

CHƯƠNG 13 : THANH GƯƠM - LINH HỒN CỦA VÕ SĨ

Võ Sĩ Đạo coi thanh gươm là tượng trưng cho sức mạnh và lòng can đảm. Khi Mahomet (94) tuyên bố “*Thanh gươm là chiếc chìa khoá mở cửa thiên đường và địa ngục*”, thì ông đã nói lên tình cảm của người Nhật Bản. Ngay từ thuở nhỏ, các võ sĩ đã bắt đầu học cách dùng gươm kiếm. Khi các bé trai tròn 5 tuổi, chúng được mặc bộ trang phục của samurai, đứng lên trên một cái bàn cờ *go* (trò chơi cờ *go*, còn gọi là cờ ô Nhật Bản, phức tạp hơn cờ Anh. Bàn cờ *go* có 361 ô) để nhận lễ đeo gươm thật, thay cho thanh gươm đồ chơi trước đây chúng thường chơi. Lúc đó, chúng đã được thừa nhận có tư cách võ sĩ, bắt đầu bước vào một thời kỳ quan trọng. Kể từ sau nghi lễ *adoptio per arma* (nhận vũ khí) đầu

tiên ấy trở đi, nếu không đeo gươm - vật tượng trưng cho địa vị của mình, thì đứa trẻ không bao giờ bước ra khỏi nhà của cha mình. Mới đầu, võ sĩ thiếu niên được đeo thanh gươm giả làm bằng gỗ sơn màu bạc. Sau vài năm, thanh gươm ấy sẽ bị bỏ đi, thay bằng thanh gươm thép nhưng cùn. Mỗi khi ra khỏi nhà chúng đều phải đeo thứ vũ khí giả này, và chủ nhân của nó sung sướng dùng thanh gươm ấy để thử chém vào đất đá cây cối. Khi đến tuổi trưởng thành, tức 15 tuổi, là tuổi được phép độc lập hành động, thiếu niên sẽ được nhận một thanh gươm thật, sắc nhọn, có thể dùng làm bất cứ việc gì. Việc được sở hữu thứ vũ khí nguy hiểm này truyền cho thiếu niên một cảm giác và khí thế tự tôn, chịu trách nhiệm: “Đeo gươm đâu phải là để khoe khoang.” Thanh gươm đeo bên hông tựa như đeo trong trái tim. Nó là tượng trưng của lòng trung nghĩa và danh dự. Hai thanh gươm, một dài một ngắn, - lần lượt gọi là *daito* và *shoto*, hoặc *katana* và *wakizashi* -

không bao giờ rời khỏi người samurai. Khi ở nhà, chúng được treo tại vị trí dễ thấy nhất trong thư phòng hoặc phòng khách; ban đêm, chúng được đặt bên gối, cùng người võ sĩ đi vào giấc ngủ. Bất cứ lúc ntruyo, người võ sĩ chỉ cần với tay ra là có thể lấy được

chúng. Là bạn luôn bên mình, thanh gươm được chủ nhân vô cùng yêu quý và thường được đặt cho những cái tên đặc biệt. Sử gia Herodotus (95), còn được gọi là "Người cha của sử học", từng ghi chép chi tiết chuyện những người Scythia (96) hy sinh thân mình chỉ vì một thanh mã tấu. Trong nhiều miếu đền và gia đình người Nhật Bản cũng trân trọng lưu giữ những thanh gươm thần, được coi là vật thờ. Ngay cả con dao găm bình thường nhất cũng được trân trọng. Bất cứ sự sỉ nhục nào đối với gươm kiếm cũng bị coi là tương đương như sỉ nhục chủ nhân của chúng. Ai không để ý mà bước qua thanh gươm đặt trên sàn nhà thì sẽ có nguy cơ bị mất mạng. (Người Nhật ngủ ngay trên sàn nhà, có trải chiếu hoặc nệm.)

Gươm đao có ý nghĩa sâu sắc như thế, thì nhất định chúng phải được các nghệ sĩ làm gươm đao cũng như chủ nhân giàu lòng huy vinh của chúng đặc biệt quán tâm; nhất là trong thời bình, khi thanh gươm chẳng có công dụng gì khác ngoài việc dùng làm đồ trang sức, tương tự như cây gậy phép của giáo chủ hoặc cây quyền trượng của đức vua. Chuôi gươm được bọc bằng da cá mập và lụa tốt, đốc gươm mạ vàng bạc, bao gươm sơn màu sắc đẹp; cách trang trí như vậy đã làm cho loại vũ khí đáng sợ ấy trở nên giống như một thứ đồ chơi, do đó làm mất đi một nửa uy lực đáng gờm của nó.

Người rèn gươm kiếm không còn là người thợ thủ công đơn thuần nữa, mà là những nghệ sĩ đầy cảm hứng nghệ thuật. Xưởng rèn gươm của họ tôn nghiêm như một ngôi điện thờ. Hàng ngày họ phải cầu kinh, tắm gội sạch sẽ và trai giới rồi mới bắt đầu làm việc. Có một câu nói: "Họ hoà tâm hồn và tinh thần của mình vào việc rèn và tôi chất thép làm gươm." Mọi công đoạn dập, tôi, mài v.v... đều nghiêm trang như các nghi thức tôn giáo. Phải chăng tâm hồn của người thợ rèn gươm, hoặc vị thần hộ mệnh của họ đã làm nên câu thần chú ghê gớm xuyên suốt trong thanh gươm của người Nhật Bản? Những thanh gươm ấy là các tác phẩm nghệ thuật hoàn mỹ, có thể sánh với các loại gươm kiếm tương đương được chế tạo tại Toledo và Damascus (97). Gươm kiếm Nhật Bản không những chỉ là kết tinh của nghệ thuật, mà còn vượt lên trên nghệ thuật. Thanh gươm lạnh như băng, khi rút ra khỏi bao trông nó như có một luồng khí lạnh chiếu vào lạnh đến mức làm cho không khí đọng thành giọt nước. Đường cong lưỡi gươm kết hợp vẻ duyên dáng tuyệt mỹ với

sức mạnh tốt đỉnh. Lưỡi gươm cấu tạo hoàn hảo không một vết gợn, lấp lánh ánh sáng xanh. Mũi gươm ghi lại các chiến công trong lịch sử và tương lai. Tất cả những cái đó gây cho ta một cảm giác hoà quyện của sức mạnh và vẻ đẹp, lòng kính nể và nỗi sợ hãi. Nếu thanh gươm chỉ còn lại là một vật của cái đẹp và niềm vui thì nó vô hại ! Thế nhưng, vì nó được đặt ở vị trí sờ tay là cầm được nên việc tùy tiện dùng gươm quả thật rất hấp dẫn. Người ta thường xuyên rút thanh gươm ra khỏi cái vỏ bao yên bình của nó. Đôi khi việc sử dụng gươm bừa bãi đến mức có kẻ chém người vô tội chỉ để thử xem gươm của mình có sắc hay không.

Nhưng vấn đề ta quan tâm nhất là Võ Sĩ Đạo có cho phép tùy tiện sử dụng gươm hay không? Câu trả lời là: tuyệt đối không ! Võ Sĩ Đạo vô cùng coi trọng thanh gươm, do đó tuyệt đối không cho phép dùng gươm một cách bừa bãi và cực kỳ căm ghét hành vi ấy. Những kẻ tùy tiện dùng gươm, những kẻ vung gươm lên trong trường hợp không thích đáng thì chẳng phải là dũng sĩ, mà là kẻ hèn nhát, đồ anh hùng rơm. Một võ sĩ giỏi tự kiềm chế thì biết khi nào mới được dùng đến gươm, và thừa hiểu cơ hội ấy rất hiếm. Chúng ta hãy nghe lời kể của Katsu, một bậc hiền giả từng trải qua thời kỳ loạn lạc nhất trong lịch sử Nhật Bản. Thời ấy các hành động ám sát, tự sát và chém giết lẫn nhau xảy ra như cơm bữa, nhưng Katsu chưa bao giờ giết một ai cả. Ông từng là người nắm quyền bính lớn, là một trong các nhà độc tài thời đó, cho nên rất nhiều kẻ muốn ám sát ông, tuy thế ông vẫn kiên trì không giết người. Theo ghi chép, ông từng nói với một người bạn như sau: *"Tôi vô cùng căm ghét việc giết người, bởi vậy cả đời tôi chưa bao giờ giết ai cả. Khi kẻ đáng giết bị bắt, tôi tha cho họ về nhà. Có lần một người bạn bảo tôi: "Ông không thích giết người, như thế sao có thể được! Dù là bí đồ hay cà tím, đều phải ngắt xuống mà chém hết. Bọn người ấy chẳng qua chỉ là loại bí đồ, cà tím mà thôi." Vâng, có những kẻ chẳng tốt hơn! Ông bạn ấy quả là một tay ghê gớm, nhưng bây giờ ông ấy thế nào? Bị người ta giết chết rồi. Cho đến bây giờ tôi vẫn bảo toàn được tính mạng mình là nhờ tôi không giết ai cả. Tôi luôn giữ chặt bao gươm, không nhẹ dạ rút gươm ra khỏi bao. Dù người ta có đâm chém tôi thì tôi cũng không giết người ta. Một số người đáng là loài ruồi muỗi, bị lũ bọ ấy đốt mấy cái thì cũng chẳng có gì ghê gớm đến nỗi mất mạng."* Đó là lời nói của một samurai từng bao lần vào sinh

ra tử và vẫn trung thành với lời dạy của Võ Sĩ Đạo. Có một câu ngôn ngữ ai cũng biết: *"Kẻ bị đánh là kẻ chiến thắng"*, có nghĩa chiến thắng thật sự là ở chỗ không chống lại kẻ đánh ta, và câu *"Chiến thắng mà không có đổ máu là chiến thắng hay nhất "* và các câu ngôn ngữ khác tương tự - đều nói lên một điều: lý tưởng cuối cùng của Võ Sĩ Đạo là hoà bình.

Rất tiếc là lý tưởng cao quý ấy thường thường phải nhường chỗ cho các nhà tu hành và truyền giáo, trong khi giới samurai thì hăng say luyện tập võ nghệ. Thậm chí Võ Sĩ Đạo còn đào tạo người phụ nữ lý tưởng của samurai trở thành kiểu phụ nữ có tính cách Amazon (98). Trong chương sau, chúng ta sẽ bàn về vấn đề địa vị của phụ nữ và việc giáo dục đào tạo họ.

CHƯƠNG 14 : PHỤ NỮ - SỰ GIÁO DỤC VÀ ĐỊA VỊ

Phụ nữ chiếm một nửa nhân loại. Cơ thể người đàn bà chứa đựng những điều trái ngược kỳ diệu. Nội tâm phụ nữ giàu sức cảm thụ, vượt xa khả năng phán đoán mà nam giới có thể đạt được qua sự phân tích. Trong Hán Ngữ, chữ "Diệu" (99) với hàm nghĩa là thần bí, tốt đẹp, chính là ghép bởi chữ "Thiếu" trong "Niên Thiếu" (tuổi trẻ) với chữ "Nữ" trong "Nữ Tử" (con gái). Người đàn bà có vẻ đẹp của cơ thể và sự bí ẩn của tâm hồn - những thứ người đàn ông không có.

Trong quan niệm của Võ Sĩ Đạo, người phụ nữ lý tưởng không phải là hoá thân của sự thần bí mà chỉ là một nghịch lý bề ngoài. Cách nhìn của Võ Sĩ Đạo về người phụ nữ rất hời hợt; song nói rằng Võ Sĩ Đạo sùng bái người phụ nữ dũng cảm, thì mới chỉ là một phần của sự thật. Trong Hán ngữ, "Phụ" (100) có nghĩa là người vợ, tự hình của chữ này là người đàn bà tay cầm cái chổi. Cái chổi ấy không phải để dùng làm vũ khí, hoặc để mụ phù thuỷ cưỡi bay lên trời, mà là để thực hiện công dụng vô hại phổ biến nhất là quét nhà - bởi vậy, "Phụ" tức là người đàn bà làm công việc nội trợ. Điều ấy cũng tương tự như trong Anh ngữ, chữ "Người Vợ" (*Wife*) diễn biến từ chữ "Người Dệt Vải" (*Weaver*) mà ra; và chữ "Người Con Gái" (*Daughter*) thì có xuất xứ từ chữ "Người Vắt Sữa" (*Duhtar*) phát triển thành; nghĩa là bắt nguồn từ gia đình. Đường kim Hoàng đế nước Đức từng nói, phạm vi hoạt động của người phụ nữ không ngoài 3 chữ K - trong tiếng Đức *Küche* là bếp, *Kirche* là nhà thờ; *Kinder* là con cái. Tương tự, tuy Võ Sĩ Đạo không hoạch định như thế về phạm vi hoạt động của nữ giới, nhưng rõ ràng người đàn bà được Võ Sĩ Đạo thừa nhận cũng là người làm công việc gia đình. Thoạt nhìn, dường như lòng dũng cảm không hoà hợp với tính gia đình, nhưng trên thực tế hai khái niệm đó được thống nhất trong Võ Sĩ Đạo, như ta sẽ thấy dưới đây.

Võ Sĩ Đạo là tín điều của nam giới, không thích hợp với nữ giới. Lẽ tự nhiên, nó nhìn người đàn bà với con mắt có phần thiên lệch. Winckelmann (101) từng nói: *"Thành tựu cao nhất của nghệ thuật Hy Lạp không liên quan gì đến nữ giới, mà hoàn toàn chỉ liên quan đến nam giới."* Nhà nghiên cứu lịch sử đạo đức Lecky bổ sung: không riêng gì nghệ thuật, mà trong quan niệm đạo đức của người Hy Lạp cũng vậy. Tương tự Võ Sĩ Đạo cũng ca ngợi những phụ nữ *"giải thoát ra khỏi sự yếu đuối của giới tính, và tỏ ra cương nghị anh hùng sánh ngang với người đàn ông mạnh mẽ nhất, can đảm nhất."* (xem: Lecky, "Lịch sử đạo đức châu Âu", *History of European Morals*, tập II, trang 383). Cho nên, Võ Sĩ Đạo vẫn rèn dạy người phụ nữ phải biết kiềm chế tình cảm, có tinh thần cứng rắn mạnh mẽ, biết sử dụng vũ khí - đặc biệt là thanh gươm có chuôi dài gọi là *nagi-nata* - để có thể tự bảo vệ mình khi gặp hiểm nguy. Có điều, cho các thiếu nữ tập võ không phải là để họ ra chiến trường đánh nhau. mà mục đích là để tự vệ và bảo vệ gia đình mình. Phụ nữ không cần trung với vua chúa; nhiệm vụ quan trọng nhất của họ là bảo vệ tiết tháo của họ. Họ dùng vũ khí để bảo vệ sự trinh tiết của mình với lòng hăng say như chồng họ khi bảo vệ vua chúa. Xét về mặt gia đình, phụ nữ tập võ là để dạy võ cho con mình, như ta sẽ thấy sau đây.

Do đó trong thực tế, phụ nữ rất ít khi phải dùng đến kiếm thuật và các võ nghệ khác; các thứ ấy chỉ có tác dụng tăng cường sức khỏe cho họ, vốn là những người có thói quen ngồi theo kiểu quỳ chân. Song le rốt cuộc phụ nữ vẫn có lúc cần dùng đến võ nghệ. Các em gái khi vừa đến tuổi thành niên là được ban một con dao găm (tiếng Nhật *kai-ken*, dao bỏ túi) để khi gặp nguy biến thì dùng để đâm vào ngực kẻ địch hoặc ngực mình. Trong thực tế, trường hợp tự sát thường xảy ra nhiều hơn; và tôi sẽ không nghiêm khắc lên án hành động tự sát này của họ. Thật ra, ngay cả các tín đồ đạo Ki Tô rất ghét tự sát cũng vẫn phong thánh cho hai phụ nữ tự sát là Pelagia và Dominina do sự trinh khiết và lòng kính Chúa của họ. Trong truyền thuyết cổ La Mã, cha của trinh nữ Virginia đã dùng gươm giết Virginia nhằm bảo vệ sự trinh tiết cho con gái. Nhưng khi gặp trường hợp bị đe dọa xâm phạm trinh tiết thì các thiếu nữ Nhật Bản sẽ không đợi cha mình rút gươm như vậy, mà họ sẽ sử dụng ngay vũ khí đeo bên mình để tự sát - trong trường hợp ấy, tự sát không phải là sự sỉ nhục. Tuy không hiểu về giải phẫu học, nhưng từ bé họ đã

được dạy cách đâm dao trúng vào cổ họng mình. Cách chết này vô cùng đau khổ, cho nên họ còn phải học được cách dùng dây buộc chặt đùi gối mình để giữ đúng tư thế sau khi chết người không bị ngã ngửa ra. Cách tự sát thận trọng vì để bảo vệ trinh tiết ấy có vẻ đẹp kém gì nữ thánh Ki Tô giáo Perpetua hoặc Vestal Comelis, một trong 6 nữ đồng trinh La Mã.

Tôi nêu ra vấn đề này là có nguyên nhân của nó. Trong một thời gian dài, tập tục nam nữ tắm chung - trong cuốn "Thời hưởng lạc ở Nhật Bản" (*Lotos Time in Japan*, các trang 286-297) của Finck, có đoạn giải thích rất kích động về khoả thân và tắm chung nam nữ - và một số tập tục khác của Nhật Bản bị người nước ngoài hiểu lầm, cho là chúng tôi không có quan niệm trinh tiết. Thật ra, ngược lại với hiểu biết của họ, trinh tiết là đức hạnh cao nhất của phụ nữ Nhật Bản thời kỳ Võ Sĩ Đạo, trinh tiết quan trọng hơn cả tính mạng. Một thiếu nữ bị địch bắt được, khi biết mình có nguy cơ bị binh lính địch làm nhục, cô bèn xin phép viết thư về nhà với lời hứa nếu được thể thì sẽ đồng ý để kẻ địch muốn làm gì cô thì làm. Nhưng khi viết xong thư, cô gái đã gieo mình xuống giếng tự vẫn. Bức thư đó là một bài thơ tuyệt mệnh:

*Đường đời gian khó gập ghềnh,
Sợ mây che khuất trời xanh tối sầm,
Trăng treo đỉnh núi âm thầm
Sao không chiếu sáng xa gần trăng ơi.*

Sẽ là không công bằng nếu để lại cho bạn đọc ấn tượng cho rằng lý tưởng sống cao nhất của phụ nữ Nhật Bản là hy sinh vì đại sự của đàn ông. Thực tế không phải như vậy. Đời sống đòi hỏi người phụ nữ Nhật Bản phải có các kỹ năng và sự duyên dáng dịu dàng. Họ phải học âm nhạc, múa và văn học. Một số tác phẩm thơ văn hay nhất của nước chúng tôi là nói về tình cảm của người phụ nữ. Trong thực tế, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong *belles-lettres* (lịch sử văn chương) Nhật Bản. Người võ sĩ dạy con gái mình học múa là để cử chỉ của chúng trở nên duyên dáng và hài hoà (ở đây tôi nói về con gái của võ sĩ chứ không nói về *geisha* (102); dạy chúng học âm nhạc là để chúng có thể dùng đàn hát để an ủi cha hoặc chồng mình khi họ có điều gì không vừa lòng. Bởi vậy, việc giáo dục nghệ thuật cho phụ nữ Nhật Bản không có mục đích thực dụng cầu danh lợi, mà hoàn toàn nhằm dùng nghệ thuật để di

dưỡng tâm hồn cho trong sạch. Trong phần trên tôi đã nói, người Nhật Bản khi dạy dỗ thanh niên đều cho rằng, so với đạo đức thì nghệ thuật chỉ có tính quan trọng thứ yếu phụ thuộc; họ cũng có quan niệm như vậy trong việc giáo dục phụ nữ. Âm nhạc và vũ đạo nhằm để bồi dưỡng hứng thú với cuộc sống chứ không có mục đích khác. Khi được mời dự vũ hội ở Luân-đôn, nhà vua Ba Tư thẳng thừng nói: ở nước ông chỉ có những phụ nữ chuyên môn biểu diễn cho người khác xem thì mới nhảy múa như thế này. Theo tôi nhà vua thật đáng được đồng tình.

Phụ nữ Nhật Bản trau dồi tài năng nghệ thuật không phải để biểu diễn cho người khác xem, cũng không phải để được khen ngợi, mà hoàn toàn vì sự giải trí trong gia đình họ. Ngay cả trường hợp biểu diễn nhảy múa xã giao thì việc đó cũng chỉ là một phần nội dung bà chủ nhà chiêu đãi khách trong bữa ăn .

Toàn bộ sự giáo dục phụ nữ đều bao quanh chủ đề gia đình, dù là học võ công hoặc học nghệ thuật. Không bao giờ họ quên trách nhiệm của mình trong việc bếp núc. Họ sống là để giữ gìn danh dự, thể diện của gia đình, vì những cái đó mà họ cần mẫn lao động và dùng giọng hát trữ tình mà cứng cỏi của mình để hát cho cái tổ ấm của mình nghe, và trong trường hợp thích đáng, họ sẵn sàng xả thân vì gia đình mình. Con gái hy sinh vì người cha, vợ hy sinh vì người chồng; mẹ hy sinh vì con cái. Như vậy, từ nhỏ họ đã được dạy dỗ phải quên mình. Họ không sống cuộc đời độc lập một mình mà sống phụ thuộc vào việc dâng hiến cho người khác. Là người giúp việc của chồng, trong trường hợp sự có mặt của người vợ là hữu ích thì họ sẽ đứng bên cạnh chồng, nếu không thì suốt đời họ lùi lại sau tấm rèm. Tại Nhật Bản từ xưa đã xảy ra không ít trường hợp như sau: chàng trai yêu cô gái và được cô gái ấy đáp lại bằng tình yêu tương tự, nhưng khi thấy vì yêu đương mà anh ta quên công việc và trách nhiệm, thì cô gái sẽ tự huỷ nhan sắc của mình để anh ta rời bỏ cô. Nàng Adzuma - người vợ lý tưởng trong suy nghĩ của các cô con gái gia đình samurai - khi thấy địch thủ của chồng yêu mình, đã giả vờ tán thành kế hoạch

giết chồng của kẻ địch, rồi nhân đêm tối, Adzuma đổi chỗ nằm cho chồng để rồi nàng hy sinh thân mình dưới mũi kiếm của thích khách. Bạn đọc có thể bình luận về bức thư tuyệt mệnh sau đây của vợ một samurai trẻ viết trước khi tự sát:

"Thiếp nghe nói, cùng núp dưới một bóng cây, cùng uống chung nước một dòng sông là cái duyên phận kiếp trước của đôi ta. Từ năm kia, thiếp được cùng chàng kết lời thề trăm năm bên nhau, thiếp đã nguyện luôn ở bên chàng như hình với bóng. Nay chàng ra chiến trường quyết tử trong trận chiến cuối cùng, chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ phải biệt ly. Thiếp nghe nói Hạng Võ (103) là một anh hùng cái thế ở Trung Quốc, vậy mà khi từ biệt nàng Ngu Cơ để ra trận cũng bùi ngùi lưu luyến mãi không dứt. Ngày xưa, lãnh chúa dũng sĩ Yoshinaka khi từ biệt vợ ra chiến trường cũng nhiều lần ngoái đầu nhìn lại. Giờ đây, khi cả hai ta vẫn đang còn sống trên thế gian, ít nhất hãy để thiếp nói lời cuối cùng với chàng: thiếp sẽ đợi chàng ở dưới suối vàng. Xin chàng chớ quên ân tình cao như núi dài như sông của chúa Hideyori."

Người đàn bà xả thân vì chồng và vì gia đình mình, cũng như người đàn ông xả thân vì vua chúa và nước nhà - đây là cái chết đường đường chính chính, không phải là không có niềm vui. Phụ nữ tự phủ định giá trị của mình, dốc lòng giúp chồng - đó là nền tảng tồn tại của gia đình, khác chi lòng trung nghĩa của nam nhi là nền tảng của chế độ phong kiến. Song người phụ nữ không phải là nô lệ của chồng, cũng như chồng họ cũng không phải là nô lệ của vua chúa. Giá trị tồn tại của người đàn bà là ở chỗ họ cam tâm tình nguyện giúp đỡ chồng mình, được thừa nhận là *naijo* tức "người nội trợ". Bởi vậy có thể nói đây là một cái thang dăng hiên nhiều tầng nấc: đàn bà quên mình xả thân vì chồng, chồng họ quên mình xả thân vì vua chúa, còn vua chúa thì vâng ý Trời, hoàn toàn phục tùng thần linh. Lời răn ấy của Võ Sĩ Đạo có những khiếm khuyết, còn đạo Ki Tô thì có ưu điểm ở mặt ngược lại: Ki Tô giáo yêu cầu tất cả mọi người đều tự mình trực tiếp chịu trách nhiệm trước Chúa Sáng thế, sự xả thân hy sinh của họ đều nhằm phụng sự mục đích cao hơn "con người". Tuy thế, xét về mặt sự hy sinh, thì Võ Sĩ Đạo cũng có chỗ tương đồng với đạo Ki Tô. Phần thiêng liêng trong giáo lý của Ki Tô giáo là ở chỗ yêu cầu mọi người hy sinh cá nhân mình để phụng sự một sứ mệnh thiêng liêng cao hơn bản thân mình; về điểm này, Võ Sĩ Đạo cũng tương đồng với đạo Ki Tô.

Chắc bạn đọc sẽ không buộc tội tôi đã tán dương sự phục tùng quá đáng kiểu nô lệ chứ? Thật ra, tôi tiếp thu quan điểm của nhà triết học uyên bác và tư duy sâu sắc Hegel: toàn bộ quá trình lịch sử

chẳng qua là một tiến trình đi từ lúc tự do bắt đầu được coi trọng cho đến lúc cuối cùng thực hiện được tự do. Tại đây, tôi muốn nói rõ với bạn đọc rằng, toàn bộ lời răn của Võ Sĩ Đạo thấm nhuần sự hy sinh bản thân, không những nữ giới mà nam giới cũng vậy. Cho nên ngày nay, khi Võ Sĩ Đạo không còn chi phối tư tưởng nước Nhật Bản nữa, nhưng khi thấy nhà nữ quyền người Mỹ nọ kêu gọi "Toàn thể chị em Nhật Bản hãy vùng lên lật đổ các tập tục cũ !" chắc hẳn dân chúng Nhật Bản đều không tán thành. Có thể thay đổi các tập quán cũ được chẳng? Có thể qua đó cải thiện địa vị của người phụ nữ chẳng? Cái giá phải trả cho hành động như thế ắt hẳn sẽ là sự mất đi tính cách nhu mì và các cử chỉ duyên dáng giờ đây họ đang có, chứ không nâng cao được địa vị của họ. La Mã từng có kinh nghiệm thất bại như vậy: phong trào mù quáng giải phóng phụ nữ đã làm phụ nữ mất đi quan niệm gia đình, cuối cùng đem lại hậu quả là đạo đức suy đồi. Chẳng lẽ nhất thiết phải làm như lời hô hào của nhà nữ quyền người Mỹ nọ, tiến hành một cuộc lật đổ đạo đức của phụ nữ chẳng? Đây là một vấn đề lớn. Trên vấn đề phụ nữ, xã hội Nhật Bản ắt hẳn sẽ có một số biến đổi, song sự biến đổi ấy không phải là cuộc lật đổ đơn giản như thế, vũ đoán như thế. Bây giờ chúng ta hãy cùng xem xem, có phải là địa vị của phụ nữ trong chế độ samurai thật sự thấp hèn như vậy, hoàn cảnh của họ tồi tệ đến mức không thể tưởng tượng được hay không?

Chúng ta nghe nói nhiều về chuyện trong chế độ Hiệp Sĩ Đạo ở châu Âu, các hiệp sĩ đặt ngang hàng "Thượng Đế với phụ nữ" - sự giả tạo của cách đối xử ấy khiến nhà sử học Gibbon (104) đỏ mặt xấu hổ. Hallam (105) từng bàn về bản chất thô lỗ của Hiệp Sĩ Đạo: trong thái độ ân cần chiều chuộng phụ nữ của người hiệp sĩ có ẩn chứa tình yêu không hợp pháp với dụng ý xấu. Mỗi quan hệ ấy giữa Hiệp Sĩ Đạo với phụ nữ đúng là một kiểu nghịch lý về triết học. Guizot (106) nhận định Hiệp Sĩ Đạo và xã hội phong kiến có thái độ tốt đối với phụ nữ. Trong khi đó ông Spencer cho rằng trong xã hội quân sự (xã hội phong kiến chẳng phải là một kiểu xã hội quân sự đầy ư?) phụ nữ có địa vị thấp là điều tất nhiên; chỉ có xã hội công nghiệp hoá mới đem lại ánh bình minh cho sự giải phóng phụ nữ. Vậy lý thuyết của Guizot hay của Spencer đúng với Nhật Bản? Để trả lời tôi có thể khẳng định cả hai cách nói trên đều đúng cả. Trước kia, tầng lớp quân nhân ở Nhật Bản chỉ hạn chế trong hàng ngũ võ

sĩ (*samurai*), có khoảng 2 triệu người. Cao trên họ là lãnh chúa và công khanh (tiếng Nhật: *daimio* và *kugé*), cũng tức là giới quý tộc quân sự và quý tộc cung đình. Hai giới quý tộc này chỉ có danh nghĩa võ sĩ, thực ra họ không phải là võ sĩ theo đúng ý nghĩa. Thấp dưới võ sĩ là các tầng lớp bình dân, cũng tức là nông, công, thương; cuộc sống của các tầng lớp đó không liên quan gì đến quân sự. Bởi vậy, luận điểm của Herbert Spencer về xã hội quân sự chỉ đúng với tầng lớp võ sĩ Nhật Bản; còn các tầng lớp ở bên trên và bên dưới tầng lớp võ sĩ thì đều có tính chất của xã hội công nghiệp. Do đó, địa vị của phụ nữ Nhật Bản đều có liên quan với hai nhân tố này. Chỉ có sống giữa các võ sĩ thì phụ nữ mới có tương đối ít tự do; còn trong các tầng lớp càng thấp - như thợ thủ công - quan hệ giữa vợ với chồng càng bình đẳng hơn. Trong giới quý tộc thân phận cao quý, sự khác biệt giữa nam giới với nữ giới cũng không rõ rệt, nguyên nhân là do kiểu sinh hoạt của tầng lớp quý tộc có khuynh hướng nữ hoá, sự khác biệt về hoạt động giữa hai giới thật ra rất nhỏ. Vì thế, vấn đề địa vị phụ nữ trong xã hội Nhật Bản thời xưa chính là một chứng cứ phụ thêm cho lý luận của Spencer. Cách nói của Guizot thì thích hợp với *daimio* và *kugé* Nhật Bản, vì đối tượng ông khảo sát chính là những người nhàn hạ ở tầng lớp cao.

Những điều nói trên có thể sẽ làm bạn đọc hiểu lầm là trong xã hội Võ Sĩ Đạo, phụ nữ có địa vị thấp kém. Nếu như vậy thì tôi xin lãnh trách nhiệm đã dẫn dắt sai bạn đọc. Tôi có thể kết luận ngay là trong xã hội Võ Sĩ Đạo, phụ nữ có địa vị khác với nam giới, song điều đó không có nghĩa là địa vị của họ thấp kém; trên thực tế, khác biệt và bình đẳng là hai khái niệm khác nhau.

Bản thân khái niệm bình đẳng vốn đã không rõ ràng. Thật ra, người người bình đẳng thông thường chỉ có ý nghĩa là sự bình đẳng khi bỏ phiếu bầu cử hoặc bình đẳng tại toà án; chúng ta sẽ tự chuốc lấy rắc rối khi tranh cãi về đề tài bình đẳng nam nữ. Khi Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ tuyên bố: tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, song điều đó không nói người ta bình đẳng về tài cán hoặc về tinh thần, mà chẳng qua chỉ lặp lại câu nói Ulpian (107) từng tuyên bố từ ngày xa xưa: *tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật*. Thước đo duy nhất của cái gọi là bình đẳng trong trường hợp này là quyền lợi pháp luật. Nếu dùng thước đo ấy vào vấn đề bình đẳng nam nữ thì mọi thứ đều sẽ đầu xuôi đuôi lọt, có lẽ người ta sẽ rất dễ

dàng xác định được địa vị thực tế của phụ nữ thế nào. Nhưng vấn đề là ở chỗ - rốt cuộc đâu là tiêu chuẩn chính xác đánh giá địa vị của nam giới và nữ giới trong xã hội? Chẳng lẽ lại so sánh một cách đơn giản tình trạng của nữ giới với tình trạng của nam giới như kiểu so sánh vàng với bạc: khi thấy có khác nhau về thành phần và chất lượng thì tính đổi sự khác biệt giá trị thực tế của chúng. Làm thế có được chăng? Cách tính toán như vậy là đã loại trừ mất thứ thật sự thuộc về "con người" trong mối quan hệ của loài người, tức giá trị nội tại. Trước hết, ta phải xem xét vấn đề: đàn ông và đàn bà sống trên đời là để hoàn thành các sứ mạng của mình, có nhiều thứ tiêu chuẩn để đánh giá việc thực hiện sứ mạng của họ; như thế, không thể dùng một nhân tố để có thể đánh giá hết địa vị tương đối giữa nam với nữ, mà tất phải có một chuẩn tắc phức hợp. Xin mượn một thuật ngữ kinh tế học, là tiêu chuẩn phức hợp. Võ Sĩ Đạo có một tiêu chuẩn của mình và đó là một tiêu chuẩn kép. Tiêu chuẩn kép đánh giá địa vị người phụ nữ là chiến trường và gia đình. Người phụ nữ không có đóng góp lớn trên chiến trường, nhưng gia đình thì lại là nơi thử thách toàn bộ giá trị của họ. Do đó mà có sự đánh giá song trùng về địa vị thực tế của phụ nữ - trên mặt xã hội - chính trị, tức xét theo tiêu chuẩn thứ nhất, họ không có nhiều vinh dự, nhưng về mặt gia đình, tức theo tiêu chuẩn thứ hai, thì với tư cách là người mẹ và người vợ thật ra họ được hưởng rất nhiều vinh dự, được hưởng sự tôn trọng và yêu mến rộng rãi, sâu sắc. La Mã là một xã hội quân sự, phụ nữ La Mã có địa vị rất cao, không phải vì họ là chiến binh hoặc nhà làm luật, mà vì họ là *matrona* - mẹ của các chiến sĩ, toàn bộ thành La Mã cúi đầu trước bà mẹ vĩ đại. Tình hình Nhật Bản cũng hoàn toàn như vậy. Cha và chồng ra chiến trường, toàn bộ việc nhà và nghĩa vụ nuôi con, trách nhiệm dạy con đều giao cho mẹ và vợ. Trong phần trên tôi có nhắc đến vấn đề phụ nữ tập võ, thực ra đây cũng là nhu cầu để dạy võ nghệ cho con cái.

Với những người ngoại quốc chỉ xem xét hiện tượng bên ngoài, khi thấy người Nhật Bản gọi vợ mình là "bà vợ quê mùa của tôi" hoặc những từ tương tự, thì họ cho rằng người Nhật Bản không tôn trọng phụ nữ. Thế nhưng, nếu họ nghe thấy những cách gọi khác của người dân nước chúng tôi hiện đang sử dụng, như "ông bố đàn độn của tôi" hoặc "thằng chó con (con trai) của tôi", "ông nhà tôi vụng về" v.v..., thì họ sẽ giải thích thế nào?

Bởi vậy tôi cho rằng, thật ra, quan niệm hôn nhân của Nhật Bản tiên tiến hơn các nước Ki Tô giáo. Người Nhật Bản coi vợ chồng là một, còn dân tộc Anglo-Saxon xưa nay vẫn không thể thoát khỏi quan niệm chủ nghĩa cá nhân cực đoan; vì thế vợ chồng khi vừa cãi nhau là đã nghĩ ngay đến chuyện mỗi người đều có quyền lợi riêng rẽ; còn khi vừa làm lành với nhau thì lại dùng mọi cách xưng hô âu yếm đến phát tởm và trò vuốt ve âu yếm vô nghĩa. Cho nên người Nhật Bản không thể hiểu được người Anglo-Saxon về chuyện: khi chồng hoặc vợ khoe với người thứ ba về nửa người kia của mình - ít hoặc nhiều họ đều nói nào là đáng yêu, thông minh, tốt bụng và gì nữa. Người Nhật Bản nghĩ rằng vợ chồng là một thể thống nhất thì sao lại có thể khoe với người khác là mình đáng yêu, thông minh, tốt bụng được chứ? Hơn nữa, Nhật Bản xưa nay đều coi tự khen là một thói xấu; tôi mong các nước Ki Tô giáo cũng chấp nhận quan niệm này. Tôi nói nhiều thế chẳng qua chỉ vì, để giữ lịch sự; giới sanurai thường hay nói những câu đánh giá thấp một chút về vợ mình. Đây là một tập quán truyền thống.

Các chủng tộc Teutonic (108) thời sơ khai đã có khuynh hướng sùng bái nữ giới (nhưng khuynh hướng này đã gần như biến mất ở nước Đức). Nước Mỹ thời mới lập quốc do cực thiếu phụ nữ nên không thể không nhập thiếu nữ từ nước Anh sang và dùng thuốc lá và các thứ hàng hoá khác để đổi lấy việc cưới họ làm vợ (ngày nay số lượng phụ nữ ở Mỹ tăng lên, cho nên theo tôi, đặc quyền của phụ nữ Mỹ thời kỳ khẩn hoang đang bị mất dần). Bởi lẽ đó người Mỹ đều lớn lên trong nền văn minh sùng bái phụ nữ; nam giới tôn trọng nữ giới là tiêu chuẩn chính của đạo đức. Nhưng yếu tố đạo đức chủ yếu của Võ Sĩ Đạo thì lại tồn tại trên các mặt khác, chẳng hạn như trong *Ngũ Luân*, như trong nghĩa vụ liên kết linh hồn giữa người với thần linh. Tôi đã bàn riêng về quan niệm *Trung, Nghĩa* trong *Ngũ Luân*, vì nó có thể đại diện tốt nhất cho đạo đức Võ Sĩ Đạo là thứ riêng của nó; và kèm theo, tôi cũng đã trình bày về các mặt luân lý khác, như tình yêu tự nhiên của loài người giữa nam nữ với nhau là tình cảm chung của toàn nhân loại, cho nên nó không phải là đặc điểm của Võ Sĩ Đạo, song ở nhiều chỗ, nó có liên quan đến phẩm chất riêng của Võ Sĩ Đạo bởi vậy cần được nhấn mạnh. Cũng vậy, tình bạn giữa nam giới Nhật Bản với nhau, sự tán thưởng lẫn nhau về sức mạnh và vẻ đẹp, cách họ kết nghĩa anh em và lòng quý mến sinh ra

giữa họ với nhau được tăng cường chính là do nam nữ Nhật Bản khi ở tuổi niên thiếu thì bị cách ly với nhau. Sự cách ly đó đã tạo ra khác biệt về quan niệm tình yêu giữa nam giới Nhật Bản với nam giới châu Âu. Trong dân tộc Anglo-Saxon, do ảnh hưởng của Hiệp Sĩ Đạo, nam nữ có thể thổ lộ tình yêu trong giao tiếp tự nhiên; còn tại Nhật Bản, phương thức ấy bị ngăn trở. Cho nên tại Nhật Bản xưa nay vẫn có truyền thống kết bạn giữa các thiếu niên đẹp trai để bù đắp cho sự thiếu hụt tình cảm nam nữ nói trên. Trong lịch sử Nhật Bản có rất nhiều chuyện tương tự như tình bạn sống chết giữa Damon với Pythias, giữa Achilles với Patroclos, hoặc giữa David với Jonathan (109).

Đồng thời, đạo đức độc đáo của Võ Sĩ Đạo không chỉ tác động trong tầng lớp samurai mà còn ảnh hưởng tới nhiều tầng lớp khác, điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Bởi vậy, chúng ta cần khảo sát tình hình lưu truyền và ảnh hưởng của Võ Sĩ Đạo đối với dân tộc Nhật Bản.

CHƯƠNG 15 : ẢNH HƯỞNG CỦA VÕ SĨ ĐẠO

Đạo đức tốt đẹp của Võ Sĩ Đạo trên thực tế đã trở thành ngọn núi cao của đạo đức Nhật Bản, tại đây chúng ta sẽ chỉ khảo sát những đỉnh núi tương đối nổi bật trong dãy núi cao đó chứ không xét trình độ đạo đức của dân chúng nói chung. Khi mặt trời mọc, đỉnh núi cao nhất ắt hẳn sẽ trước tiên nhuộm ánh hồng của vầng dương, rồi sau đó tia sáng ấy mà dần dần chiếu tới những chỗ thấp, cuối cùng chiếu xuống vực sâu. Cũng như vậy, trước tiên hệ thống luân lý đạo đức Võ Sĩ Đạo truyền bá rộng rãi trong tầng lớp võ sĩ sau một thời gian phát triển, nó lan truyền vào quảng đại dân chúng và thu hút những người đi theo nó. Trong chế độ dân chủ, người ta suy tôn một bậc vương giả có tài cán lên thành lãnh tụ, và tầng lớp quý tộc đem tinh thần của bậc vương giả ấy truyền bá xuống quần chúng nhân dân. Mỹ đức có sức cảm hoá lây nhiễm không kém tội ác. Emerson từng nói: *"Một cộng đồng chỉ cần có một người thông thái thì tất cả mọi người sẽ nhanh chóng trở nên thông thái nhờ sức cảm hoá của người đó."* Không một tầng lớp xã hội hoặc tập đoàn độc quyền nào có thể ngăn cản được sức mạnh cảm hoá của đạo đức.

Tuy dân tộc Anglo-Saxon không ngừng tuyên truyền đề xướng trình độ yêu tự do của họ, nhưng quan niệm tự do còn xa mới được phổ cập trong đại chúng nhân dân. Phải chăng tại đó, tự do là sự nghiệp của tầng lớp thân sĩ nông thôn và *gentlemen* ? Taine nói rất đúng rằng: *"Cái từ 3 âm tiết ấy đã khái quát lịch sử của xã hội Anh quốc ở bên kia eo biển"*. Những người cổ súy tự do sẽ phản bác lại câu nói ấy một cách đầy tự tin rằng - "Mãi sau này mới có gentleman, chứ ở thời đại Adam và Eva thì làm gì đã có". Điều đáng tiếc nhất chính là vườn Eden không có lấy một gentleman ! Bởi vậy hai bậc cha mẹ của loài người mới bị đuổi khỏi đây vì mắc tội ăn vụng trái cấm. Nếu vườn Eden có gentleman thì chẳng những nơi đó sẽ lịch sự hơn(110), và Eva, A dam sẽ hiểu được một cách không

đau đớn rằng không vâng lời Chúa Trời Jehovah tức là không trung thành và mất danh dự, là phản bội và phản loạn.

Nước Nhật Bản thời xưa là sản phẩm của chế độ samurai. Không chỉ là tầng lớp tinh hoa của dân tộc mà samurai còn là nền tảng của dân tộc. Mọi vẻ đẹp độc đáo của Nhật Bản đều do họ sáng tạo và lưu truyền. Tuy tầng lớp samurai có địa vị xã hội cao hơn mọi người, nhưng họ lại lập ra tiêu chuẩn đạo đức cho xã hội, và dùng bản thân mình làm khuôn mẫu để dẫn dắt xã hội. Đạo đức của Võ Sĩ Đạo chia làm hai phần đối nội và đối ngoại. Đối ngoại, nó tìm kiếm sự bình yên và hạnh phúc cho xã hội; đối nội nó dùng để người võ sĩ tự tu thân.

Tại châu Âu, ngay cả khi Hiệp Sĩ Đạo thịnh hành nhất, số lượng hiệp sĩ cũng chỉ chiếm một phần nhỏ trong xã hội, thế nhưng các tác phẩm văn học tả cảnh đời sống của giới hiệp sĩ lại được tiêu thụ rộng rãi lâu dài trong dân chúng. Như Emerson nói: *"Trong văn*

học Anh, một nửa số vở kịch và toàn bộ tiểu thuyết của các tác giả kể từ Sir Philip Sydney(111) cho đến Sir Walter Scott đều minh họa hình tượng đó (gentleman)." Nhật Bản cũng có các nhà văn tương tự như Sidney và Scott, đó là các nhà văn từ Chikamatsu đến Bakin đều viết về đời sống các võ sĩ, và những tác phẩm đó làm nên đặc điểm chủ yếu của lịch sử văn học Nhật Bản.

Nhiều hình thức của văn học đại chúng và giải trí quần chúng, kể cả kịch, kể chuyện, hát nói, hề nói, đàn tam huyền, tiểu thuyết, về cơ bản đều vây quanh chủ đề võ sĩ. Trong căn nhà lợp rơm, người nông dân ngồi bên bếp lửa hồng kể sự tích của các võ sĩ như Yoshitsune và trung thần Benkéi; hoặc chuyện hai anh em dũng sĩ Soga; lũ trẻ con nghịch ngợm há hốc miệng xúm xít vây quanh mãi mê nghe cho tới khi thanh củi cuối cùng trong bếp tàn lửa mới thôi, nhưng câu chuyện thì còn ngời sáng trong lòng chúng. Trong các cửa hàng, sau một ngày bận rộn làm việc, viên thủ quỹ và lũ con trai hạ tám *amado* (tám bình phong ngoài nhà) để đóng cửa hiệu, rồi túm tụm ngồi một chỗ kể cho nhau nghe chuyện Nobunaga và Hydéyoshi cho tới khuya; khi mắt họ đã díp lại, chiến công lừng lẫy của các võ sĩ trên sa trường theo họ đi vào giấc mơ. Các em nhỏ vừa mới chập chững biết đi đã được dạy bập bẹ kể những chuyện phiêu lưu của dũng sĩ Momotaro chinh phục đảo yêu tinh. Ngay cả các cô gái cũng ái mộ lòng can trường và đạo đức của các võ sĩ; và

cũng như nàng Desdemona, họ háo hức lắng nghe những câu chuyện tình của các chàng samurai.

Người võ sĩ trở thành *nét đẹp lý tưởng* của dân tộc. Một bài ca dao có câu hát "Hoa nào đẹp bằng hoa anh đào, người nào sánh được với samurai." Vì tầng lớp võ sĩ bị cấm làm nghề buôn bán, do đó họ không có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại. Tuy thế, toàn bộ mọi hoạt động và cách suy nghĩ của người Nhật Bản đều thấm nhuần ảnh hưởng của Võ Sĩ Đạo. Tri thức và đạo đức của nước Nhật Bản đều được hình thành dưới ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của Võ Sĩ Đạo.

Trong trước tác nổi tiếng "Chế độ quý tộc và sự tiến hoá" (*Aristocracy and Evolution*), ông Mallock viết: "*Tiến hoá xã hội khác với tiến hoá sinh vật; có thể định nghĩa tiến hoá xã hội là kết quả ngoài dự định của những ý đồ của các vĩ nhân*"; thêm nữa, tiến bộ lịch sử đó là sản phẩm của cuộc đấu tranh "*không phải là đấu tranh để sinh tồn trong cộng đồng nói chung, mà là cuộc đấu tranh trong một thiểu số người nhằm lãnh đạo, chỉ huy, sử dụng đa số cộng đồng theo cách tốt nhất.*" Ta chưa cần bàn luận về chuyện luận điểm này có tiếng vang ra sao; song những tuyên bố trên quả là đã được chứng minh đầy đủ trong thời kỳ các samurai tác động đến tiến bộ xã hội của đế chế Nhật Bản xưa kia.

Tinh thần Võ Sĩ Đạo đã thấm nhuần như thế nào vào tất cả các tầng lớp xã hội? Điều đó được thể hiện ở sự ra đời và phát triển một lớp người đặc biệt, tiếng Nhật Bản gọi là *otoko-daté*, tức các thủ lĩnh của nền dân chủ. Họ cứng rắn, mạnh mẽ từ đầu đến chân tràn đầy khí phách trượng phụ nam nhi. Là người phát ngôn và người bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp bình dân, họ có đồng đảo quần chúng tình nguyện hiến dâng "tính mạng, tài sản và danh dự" cho họ, như cách các võ sĩ trung thành với lãnh chúa (*daimio*). Chính là nhờ sự hăng hái và liềm mình của quảng đại dân chúng mà phong trào dân chủ dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh sinh ra từ phong trào này đã phát triển nhánh chóng, dần dần áp đảo sự thống trị của tầng lớp võ sĩ(112).

Võ Sĩ Đạo được triển khai trong tầng lớp võ sĩ đầu tiên, nó tác động đến đồng đảo dân chúng, cung cấp tiêu chuẩn đạo đức cho toàn thể nhân dân. Mới đầu, Võ Sĩ Đạo được một số ít các *phần tử ưu tú* trong dân chúng tôn sùng, về sau nó dần dần trở thành chuẩn

tắc đạo đức của toàn dân. Tuy đông đảo người bình dân không thể đạt được tới trình độ tu dưỡng của các võ sĩ, nhưng *Yamato Damashii* tức *Linh hồn Nhật Bản*, đã trở thành tượng trưng cho *Volksgeist* (tinh thần dân tộc) của đảo quốc này. Nếu tôn giáo chẳng qua chỉ là thứ "*Đạo đức được xây dựng bởi nỗi xúc động*" như Matthew Arnold định nghĩa, thì trên ý nghĩa đó rất ít tôn giáo nào vượt qua nỗi xúc động mà Võ Sĩ Đạo từng gây ra trong lòng người Nhật Bản, rất ít hệ thống luân lý nào sánh được với Võ Sĩ Đạo. Câu thơ dưới đây của Motoori thể hiện tấm lòng người dân nước chúng tôi:

Trái tim Nhật Bản là đâu ?

Phải chăng chính đoá anh đào ban mai.

Vâng, cây *sakura* (xem: Lindley, *Cerasus pseudo cerasus*) xưa nay được dân nước chúng tôi yêu quý, là biểu tượng của tính cách người Nhật Bản. *Hoa anh đào đại trên núi nở vào buổi ban mai* là hình ảnh thích hợp để diễn tả loại cây này.

Hồn Yamato - hoa của cây anh đào sakura, không phải là loài cây yếu ớt đã được con người thuần hóa trồng trong vườn, mà là thứ cây dại mọc tự nhiên trên đất Nhật Bản từ thời xa xưa. Có thể là về một số tính chất nào đó, nó không khác gì những cây cùng loại ở nước ngoài, nhưng rõ ràng tính chất căn bản nhất của loài cây này là thuộc về Nhật Bản. Chúng tôi yêu anh đào không phải chỉ vì nó là loại cây mọc trên đất nước mình. Về đẹp duyên dáng thanh lịch của hoa anh đào rất hợp với quan niệm thẩm mỹ của chúng tôi, không loài hoa nào có thể sánh nổi. Chúng tôi không thể chia xẻ tình cảm ái mộ của người châu Âu dành cho hoa hồng, Vì so với hoa anh đào thì hoa hồng thiếu tính bình dị; hơn nữa, ẩn dấu dưới cánh hoa kiêu diễm là những cái gai nhọn hoắt, và khi khô héo, bông hoa nằm chết trên cành mà không rụng xuống thể hiện tình cảm quyến luyến sự sống và sợ hãi cái chết. Ngoài ra, hoa hồng có màu sắc rực rỡ, hương thơm ngào ngạt. Tất cả những cái đó khác hẳn hoa anh đào Nhật Bản: dưới vẻ đẹp của nó không có chất độc và gai nhọn; trong chuyện sống chết, nó thuận theo thiên nhiên, sẵn sàng từ bỏ cuộc sống mà không luyến tiếc; sắc hoa đẹp thanh lịch mà không yêu kiều, hương thơm thoang thoảng mà không làm say lòng người. Nói chung, vẻ đẹp màu sắc và hình dáng đều là thứ ở bên ngoài, hương thơm là phần hồn trôi nổi sẽ bay lên cùng hồn thiêng của sinh mệnh.

Vì thế, chúng ta có thể thấy khi mặt trời mọc, ánh hồng rọi sáng khắp các hòn đảo vùng Viễn Đông, cũng vào lúc ấy, bầu không khí ban mai thoang thoảng hương thơm của hoa anh đào; khi hít ngửi mùi thơm ấy, ta cảm nhận được cuộc sống tươi đẹp tràn đầy vẻ thanh tân và khoan khoái.

Trong "Sáng Thế kỷ" (chương VIII, 21) có ghi chép: Khi người thấy hương thơm, Đấng Sáng Thế bèn quyết định phải tạo ra các sinh vật mới. Từ đó ta có thể thấy phong tục này của người Nhật Bản không có gì lạ: khi người thấy hương thơm của hoa sakura, toàn thể dân chúng Nhật Bản ra khỏi nhà để đón một ngày mới. Chân tay họ sẽ quên hết mọi nỗi mệt mỏi cực nhọc, lòng họ sẽ quên hết mọi nỗi đau buồn. Ta không thể trách cứ họ vì chuyện ấy mà nên nhìn họ với con mắt hy vọng. Sau phút khoan khoái ngắn ngủi; họ tràn đầy sức mạnh và lòng tin đi vào cuộc sống mới, gánh lấy trách nhiệm của mình. Bởi vậy, coi hoa anh đào là hoa của đất nước chúng tôi, việc đó thực ra có ý nghĩa sâu sắc không thể nói hết ở đây được.

Nói như vậy, phải chăng là nói hàm nghĩa của hồn Yamato cũng giống như hoa anh đào, đẹp mà dễ rụng, hương thơm thoang qua rồi bay mất theo gió? Lẽ nào linh hồn Nhật Bản cũng đẹp dễ mà yếu ớt như vậy chăng?

CHƯƠNG 16 : VÕ SĨ ĐẠO CÒN HAY MẤT

Phải chăng văn minh phương Tây khi tràn vào đất nước chúng tôi đã xoá sạch mọi dấu vết ảnh hưởng của Võ Sĩ Đạo tồn tại từ thời xa xưa?

Nếu linh hồn một đất nước mà bị chết một cách dễ dàng như vậy thì thật là điều không may biết bao. Một nền văn minh dễ bị ảnh hưởng bên ngoài xoá sạch là một nền văn minh hèn yếu.

Cơ chế tạo dựng nên tâm lý tầng sâu của một dân tộc thì có đặc tính ổn định bền chắc. Nó tương tự như "cái mỏ của loài chim, cái vây của loài cá, cái răng của động vật ăn thịt, là tiêu chí đặc trưng cho tính chất của một loài sinh vật đặc biệt." Trong cuốn sách mới xuất bản "Tâm lý học dân tộc" (*The Psychology of Peoples*, trang 33) đầy những lời quả quyết nồng nặc và khái quát sáng suốt, LeBon viết: *"Các khám phá về mặt tri thức là tài sản chung của toàn thể toại người; các ưu thế hoặc điểm yếu về mặt tính cách thì lại là tài sản riêng của mỗi dân tộc; nó kiên cố như vách đá, các đợt sóng cuồn cuộn không ngừng đập vào nó trong hàng thế kỷ cũng chỉ bào mòn được những chỗ gồ ghề bên ngoài mà thôi."* Những lời này thật mạnh mẽ, và chắc là ta cần cân nhắc kỹ khi nói: các mặt.ưu và khuyết trong tính cách dân tộc *tạo dựng nên di sản riêng* của mỗi dân tộc. Luận điểm có tính hệ thống này đã được người ta đề ra từ rất lâu trước khi LeBon viết cuốn sách nói trên, và sớm bị Theodor Waitz và Hugh Murray bác bỏ. Trong quá trình nghiên cứu các mặt đạo đức của Võ Sĩ Đạo, chúng tôi đã đọc các tài liệu liên quan của châu Âu nhằm so sánh và minh họa, và chúng tôi phát hiện thấy không một điểm mạnh hoặc yếu nào của tính cách đã từng là tài sản *riêng* của một dân tộc. Dù sao, tập hợp các phẩm cách đạo đức cao quý đó thì đúng là độc nhất vô nhị. Tập hợp này được Emerson gọi là *"Hợp lực của tất cả các lực vĩ đại"*; nhưng triết gia phái Concord ấy không làm như LeBon, coi hợp lực đó là tài sản riêng của một dân tộc, mà gọi đó là *"một thành phần đoàn kết các nhân vật có*

quyền thế nhất của mỗi nước; làm cho họ hiểu nhau và nhất trí với nhau; và là cái gì đó chính xác tới mức trở nên dễ nhận ra ngay, như khi sử dụng ám hiệu của Hội Cộng tế.”(113)

Tuy rằng không thể nói dấu ấn của Võ Sĩ Đạo để lại trên người dân Nhật Bản là "tiêu chí đặc biệt của một sinh vật đặc định", song rõ ràng nó làm cho dân tộc đặc định đó giữ gìn được sức sống của mình. Dù là "lực" trên ý nghĩa vật lý, thì Võ Sĩ Đạo cũng đã duy trì được 700 năm; nó có một năng lượng to lớn, trong một thời gian ngắn, năng lượng ấy không thể mất đi được. Cho dù là chỉ truyền bá theo con đường di truyền, thì ảnh hưởng của nó cũng đã đạt tới phạm vi rộng khắp. Thử nghĩ xem, theo cách tính của nhà kinh tế Pháp Cheysson, giả thử một thế kỷ sinh ra 3 thế hệ, thế thì "trong huyết quản của mỗi một người chúng ta hiện nay có dòng máu của ít nhất 20 triệu người sống vào năm 1000 sau công nguyên." Do đó, trong huyết quản của người anh em của chúng tôi, cái người nông dân làm ruộng như con bò cày ấy "khom lưng dưới sức nặng của hàng thế kỷ", có dòng máu của nhiều thời đại.

Anh hưởng của Võ Sĩ Đạo tuy không tự giác nhưng khó mà chống lại, nó ảnh hưởng sâu rộng tới từng người. Yoshida Shoin, một trong những nhà cách mạng tiên phong lỗi lạc nhất của nước Nhật Bản hiện đại, từng ngâm mấy vần thơ sau đây trước khi lên đoạn đầu đài; đây là một bức tranh chân thực về dân tộc Nhật Bản:

"Tôi thừa biết rằng con đường mình đi sẽ dẫn đến cái chết;

Hồn Yamato thúc giục tôi tiến lên

đương đầu với bất cứ hiểm nguy nào."

Cho nên, không nghi ngờ gì nữa, Võ Sĩ Đạo đúng là một tinh thần đầy sức sống, nguồn động lực mạnh mẽ của Nhật Bản xưa kia, hiện nay và mai sau.

Ransome nói: *"Có 3 nước Nhật Bản tồn tại bên cạnh nhau hiện nay - nước Nhật Bản cũ chưa chết hẳn; nước Nhật Bản mới, hầu như chưa sinh ra, chỉ có bộ khung tinh thần mà thôi; và nước Nhật Bản trong thời kỳ chuyển mình đang trải qua cơn đau nguy hiểm nhất."* Trên nhiều mặt, nhất là trên hình thức và chế độ nhà nước hữu hình, câu nói này rõ ràng rất đúng; nhưng xét về quan niệm luân lý của Nhật Bản thì câu nói ấy cần sửa một chút. Là sản phẩm của nước Nhật Bản cũ, Võ Sĩ Đạo từng có cống hiến trong việc xây dựng tinh thần của Nhật Bản cũ và hiện nay nó vẫn là nguyên tắc

chỉ đạo nước Nhật Bản trong thời kỳ quá độ, và sau cùng, nó vẫn là lực lượng cơ bản hình thành nước Nhật Bản mới.

Trong cơn bão táp của thời kỳ khôi phục quyền lực của Nhật Hoàng và trong dòng nước xoáy của phong trào Duy Tân, những tay lái điều khiển con tàu vận mệnh Nhật Bản đều là những người chỉ biết học thuyết đạo đức duy nhất là các giới luật của Võ Sĩ Đạo. Gần đây, một số tác giả (xem: Speer, Các nhà truyền giáo và chính sách tại châu Á, *Missions*

and Politics in Asia, Bài giảng IV, trang 189-190; và Dennis, Các nhà truyền đạo Ki Tô với tiến bộ xã hội, *Christian Missions and Social Progress*, tập I trang 32 và tập II, trang 70...) muốn chứng minh là các nhà truyền giáo của đạo Ki Tô đã có đóng góp nổi bật vào việc xây dựng nước Nhật Bản mới. Tuy rằng tôi sẵn sàng vui lòng quy vinh dự cho người đáng được hưởng vinh dự, nhưng rõ ràng các nhà truyền giáo tốt bụng ấy không thuộc vào số người này. Trong Kinh Thánh có lời răn: *nên quy vinh dự cho kẻ khác*. Đường như các nhà truyền giáo ấy nên nghe theo lời răn này chứ chớ nên đưa ra những yêu cầu không có căn cứ thực tế nào. Cá nhân tôi nhìn vấn đề đó như sau: Tôi tin vào lòng yêu mến Nhật Bản của các nhà truyền giáo và tin rằng đúng là họ đang tiến hành một công việc vĩ đại trong sự nghiệp giáo dục tại Nhật Bản, nhất là lĩnh vực giáo dục đạo đức. Nhưng nói cho đến cùng, tâm linh thuộc vào lĩnh vực thần bí, các nhà truyền giáo chỉ là cái lưới của các vị thần linh, mà chưa chắc đã là cái lưới thích hợp. Hơn nữa, cho tới nay tác dụng của họ trong việc hình thành tính cách Nhật Bản mới cũng rất nhỏ bé. Bởi vậy, Võ Sĩ Đạo thuần khiết và chất phác vẫn là sức mạnh thúc đẩy sự phát triển tính cách Nhật Bản. Đọc tiểu sử của các nhân vật kiến tạo nên nước Nhật Bản hiện đại, như Sakuma, Saigo, Okubo, Kido hoặc đọc hồi ký của những người còn sống như Ito(114), Okuma, Itagaki, v.v... bạn sẽ thấy toàn bộ tư tưởng và hành động của họ đều chịu ảnh hưởng của Võ Sĩ Đạo. Henry Norman tuyên bố rằng, sau khi nghiên cứu và khảo sát vùng Viễn Đông, ông thấy giữa Nhật Bản với các nền chuyên chế phương Đông khác có một điểm khác biệt, đó là Nhật Bản "*có một hệ thống luân lý danh dự con người từng nghĩ ra, nghiêm ngặt nhất, cao cả nhất và chi tiết tỉ mỉ nhất, có ảnh hưởng thống trị trong toàn dân.*" Tác giả

quả là thực sự hiểu Nhật Bản, ông đã động chạm tới động lực cơ bản của việc xây dựng xã hội mới và thực hiện tương lai của Nhật Bản. (xem: "Vùng Viễn Đông", *The Far East*, của Henry Norman, trang 375).

Toàn thế giới đều biết nước Nhật Bản đang có những biến đổi to lớn. Sẽ có nhiều động lực tinh thần tham gia vào sự nghiệp quy mô lớn mang tính toàn xã hội này; trong đó, Võ Sĩ Đạo là nguồn động lực chủ yếu nhất. Khi chúng tôi mở cửa toàn quốc để thông thương với nước ngoài, khi chúng tôi tiến hành cải thiện đời sống mọi mặt và bắt đầu học tập chính trị và khoa học phương Tây, thì động lực dẫn dắt chúng tôi không phải là sự phát triển nguồn tài nguyên vật chất và tăng trưởng của cải, cũng không phải là sự mù quáng bắt chước phương Tây.

Townsend, một người am hiểu các chế độ chính trị phương Đông từng nói: "Người ta thường bảo chúng tôi là châu Âu đang ảnh hưởng đến Nhật Bản, mà quên rằng động lực tạo ra những thay đổi trên đảo quốc này hoàn toàn là nguồn lực tự thân của họ. Chớ nên quên rằng, người châu Âu không dạy người Nhật Bản, mà Nhật Bản tự phát học tập châu Âu, học các phương pháp tổ chức cơ chế dân sự, quân sự, và họ đã áp dụng thành công. Nhật Bản nhập khẩu thiết bị và khoa học của châu Âu, chẳng khác gì mấy năm trước, Thổ Nhĩ Kỳ mua súng đại bác của châu Âu. Nói đúng ra, đó không phải là ảnh hưởng của châu Âu," và ông Townsend nói tiếp, "trừ trường hợp nước Anh chịu ảnh hưởng bởi việc nhập khẩu chè của Trung Quốc," rồi Townsend hỏi: "Vậy đâu là các nhà truyền giáo, triết gia, chính khách hoặc nhà tuyên truyền của châu Âu đã tái tạo lại Nhật Bản?" (xem: Meredith Townsend, *Châu Á và châu Âu, Asia and Europe*, New York, 1900, trang 28).

Townsend nhận thức rõ nguồn động lực của công cuộc cải tạo Nhật Bản hoàn toàn nằm trong lòng người dân nước chúng tôi; và nếu ông tiến hành thăm dò tâm lý người Nhật Bản thì tài khảo sát nhạy bén của Townsend sẽ dễ dàng thuyết phục ông tin rằng chẳng có động lực nào khác ngoài Võ Sĩ Đạo. Ý thức trọng danh dự quyết không chịu bị coi là cường quốc hạng kém - đã trở thành động cơ mạnh mẽ nhất của người Nhật Bản. Còn chuyện phát triển công nghiệp và nhập khẩu kỹ thuật như thế nào, thì những cái đó chỉ là sách lược cụ thể trong quá trình cải cách mà thôi.

Ngày nay, Võ Sĩ Đạo vẫn còn ảnh hưởng lớn trong xã hội, chỉ cần nhìn lướt qua đời sống của người Nhật Bản là có thể thấy rõ điều đó. Đọc sách của Hearn, một nhà hùng biện và nhà người giải thích tin cậy nhất về tư duy Nhật Bản, bạn sẽ thấy hoạt động của tư duy ấy là một thí dụ về tác động của Võ Sĩ Đạo. Một vài di sản của Võ Sĩ Đạo thể hiện ở chỗ, như người Nhật Bản bất cứ địa phương nào đều vô cùng trọng lễ tiết, điều này mọi người đã biết, không cần nhắc lại. Sức chịu đựng dẻo dai, lòng kiên nhẫn và gan dạ của những anh "Nhật Lùn" đã thể hiện đầy đủ trong cuộc Chiến Tranh Giáp Ngọ giữa Nhật Bản với Trung Quốc (trong số các tác phẩm về đề tài này, xin xem thêm: "Nhật Bản anh hùng", *Heroic Japan* của Eastlake và Yamada; "Miền Viễn Đông mới", *The New Far East* của Diosy). Nhiều người hỏi: "Liệu có dân tộc nào trung quân ái quốc hơn dân tộc Nhật Bản không?", và khi tự hào trước câu trả lời "Không", chúng tôi cần cảm ơn những lời răn của Võ Sĩ Đạo.

Mặt khác, công bằng mà nói, phải thừa nhận là Võ Sĩ Đạo lãnh trách nhiệm lớn về nhiều sai lầm và khiếm khuyết trong tính cách của người dân Nhật Bản. Chúng tôi thiếu một nền tảng triết học uyên thâm - trong khi nhiều người trẻ tuổi Nhật Bản có những cống hiến xuất sắc trong lĩnh vực khoa học, giành được uy tín trên thế giới, thì chúng tôi lại chưa đạt được thành tựu nào trên lĩnh vực triết học - có thể quy kết nguyên nhân của tình trạng này là do chế độ giáo dục của Võ Sĩ Đạo đã coi nhẹ sự huấn luyện siêu hình. Võ Sĩ Đạo dạy dỗ người Nhật Bản có các đặc tính trọng tình cảm, dễ xúc động, trọng danh dự. Người nước ngoài thường phê phán chúng tôi mù quáng tự tôn tự đại, có lẽ đây chính là kết quả của sự phát triển tâm lý trọng danh dự tới mức bệnh hoạn của chúng tôi.

Du khách nước ngoài đến Nhật Bản thường thấy ngoài đường có nhiều thanh niên đầu bù tóc rối, quần áo lôi thôi lếch thếch, tay ôm chông sách cao ngất, ngơ ngẩn đi trên phố như không biết có ai. Đó là các chàng *shoséi* (thư sinh) luôn nghĩ rằng thế giới này dường như quá bé nhỏ đối với họ; không dung nổi tài chí của mình. Họ có vũ trụ quan và nhân sinh quan riêng. Họ sống trong những mơ ước hão huyền và nuôi dưỡng mình bằng những từ ngữ siêu phàm về sự thông thái. Mắt họ cháy bỏng ngọn lửa tham vọng, lòng họ khao khát kiến thức. Sự nghèo túng chỉ kích thích họ tiến lên; họ coi sự giàu có vật chất là gông cùm ngăn cản sự phát triển tính cách. Tâm

hồn họ tràn đầy tinh thần trung quân ái quốc, họ tự nguyện làm người bảo vệ danh dự của đất nước. Với tất cả các mỹ đức và khiếm khuyết của mình, họ là hậu duệ cuối cùng của Võ Sĩ Đạo.

Võ Sĩ Đạo hiện nay vẫn có ảnh hưởng thâm căn cố đế như tôi đã nói ở trên, ảnh hưởng ấy không ai nhận thấy, tuy thâm lặng nhưng sâu xa. Một khi được những ý tưởng từ lâu đã thấm sâu trong lòng mình kêu gọi, không một người Nhật Bản nào không hưởng ứng mà chẳng cần biết vì lý do gì. Cùng một khái niệm đạo đức nếu diễn đạt bằng một từ ngữ mới dịch từ tiếng nước ngoài, thì hiệu quả không bằng cứ dùng từ ngữ cũ của Võ Sĩ Đạo, vì nó có thể thấm sâu vào lòng người. Một con chiên lạc lối của Ki Tô giáo, dù đã được đức cha khuyên nhủ hết lời mà vẫn không thể thoát ra khỏi vực sâu tội ác; thì lúc đó chỉ có những lời người đó từng thề trước Chúa mới có thể thức tỉnh được con chiên ấy, để cho ánh sáng của Chúa lại chiếu rọi lên họ. Từ "trung nghĩa" có thể thức tỉnh mọi tình cảm cao thượng. Tại trường đại học nọ, vì bất mãn với một vị giáo sư mà một nhóm sinh viên bãi khoá dài hạn, ông hiệu trưởng chỉ cần hỏi họ hai câu hỏi đơn giản là đủ để khiến họ chấm dứt bãi khoá. Vấn đề hiệu trưởng hỏi là: "Nếu giáo sư là một người có giá trị, các em có nên kính trọng ông ấy không? Nếu giáo sư là người không có giá trị mà các em đánh đổ một người sắp đổ, việc làm của các em có phải là hành động của trang nam nhi hảo hán hay không?" Mới đầu, các sinh viên bãi khoá vì không hài lòng với trình độ khoa học non yếu của vị giáo sư nọ, nhưng câu hỏi của hiệu trưởng lại đặt ra vấn đề đạo đức mà so với đức thì tài chỉ là chuyện nhỏ. Thế đấy, chỉ cần khơi dậy tình cảm Võ Sĩ Đạo thấm sâu trong lòng người là có thể thực hiện được sự phục hồi đạo đức của nước Nhật Bản mới.

Sở dĩ các nhà truyền giáo đạo Ki Tô chưa đạt được thành công lớn ở Nhật Bản, nói cho đến cùng, cũng là tại họ chưa hiểu lịch sử Nhật Bản, chưa hiểu Võ Sĩ Đạo là gì. Có nhà truyền giáo cho rằng, "Không cần thiết phải quan tâm đến lai lịch của những người ngoại đạo?" Vì thế mà tôn giáo của họ xa cách với thói quen suy nghĩ có được qua hàng thế kỷ của các dân tộc khác. Chê cười lịch sử của một nước ư? Họ căn bản không hiểu rằng, lịch sử của bất cứ nước nào, ngay cả lịch sử của thổ dân châu Phi kém văn minh nhất, chưa có chữ viết để lưu truyền, cũng là do chính bàn tay của Thượng Đế viết nên, là một phần của lịch sử chung toàn nhân loại. Thậm chí

những mảnh giấy da ghi chép của các tộc người đã diệt vong cũng cần được nghiên cứu. Một đầu óc chân thành có chút phẩm chất triết học và sùng đạo đều biết rằng Thượng Đế tự tay tạo ra từng con người, dù da đen hay da trắng, Thượng Đế tạo ra màu da cho họ, đồng thời viết lịch sử cho họ. Xin làm một phép ví von: chủng người da vàng được Thượng Đế dùng văn tự tượng hình màu vàng kim viết nên một trang sử quý giá ! Các nhà truyền giáo cũng nhìn thấy điều đó, chủ trương của họ là đạo Ki Tô không liên can gì đến những thứ ấy. Nhưng quan điểm của tôi là, đạo Ki Tô ra đời từ xa xưa, có lịch sử lâu dài, có thể dung nạp nhiều nền văn minh, nếu các nhà truyền giáo dùng thứ ngôn ngữ mà người dân một nước đã quen thuộc, nếu họ dùng những ngôn từ đã có sẵn trong từ vựng đạo đức của dân chúng nước sở tại, thì dù họ truyền giáo ở nước nào đều sẽ rất dễ dàng được mọi người tiếp nhận. Ki Tô giáo kiểu Mỹ hoặc kiểu Anh - đã có thêm nhiều thành phần quái dị và tưởng tượng Anglo-Saxon so với vẻ đẹp và tính thuần khiết của Jesus Christ thuở ban đầu - chỉ là một mầm ghép yếu ớt trên thân cây bản thổ Võ Sĩ Đạo của Nhật Bản. Lẽ nào những người tuyên truyền Kinh Phúc Âm lại muốn nhổ bật cả gốc rễ lẫn cành lá cây đại thụ ấy để gieo hạt lại trên miền đất hoang? Trong lịch sử từng có thí dụ truyền giáo thành công - tại một số bộ lạc thổ dân ở Hawaii, các nhà truyền giáo hiểu chiến vừa lừa thổ dân để lấy được của cải của họ, vừa lại tiêu diệt nền văn hoá chủng tộc của thổ dân. Nhưng phương pháp ấy hoàn toàn không thể thực hiện được ở Nhật Bản ! - Điều đó không thể được, nếu Jesus còn sống cũng không làm thế.

Chúng ta hãy nghe lời nói dưới đây của Jowett (115), một con người thánh thiện sùng đạo Ki Tô và là một học giả uyên bác. *"Người trên thế giới bị chia làm hai loại : kẻ ngoại đạo và tín đồ Ki Tô giáo, mà không ai nghĩ xem loại người này có bao nhiêu đức tính tốt và loại người kia có bao nhiêu tính xấu. Họ (tức các nhà truyền giáo đạo Ki Tô) so sánh phần tốt nhất của mình với phần xấu nhất của người hàng xóm (tức người ngoại đạo - dị giáo) so sánh lý tưởng của đạo Ki Tô với sự đồi bại của Hy Lạp và phương Đông. Cách so sánh như vậy là không công bằng. Họ còn đang thu thập tất cả những chuyện họ có thể tự hào và họ gièm pha các tôn giáo khác."* (xem: Jowett, "Các bài giảng về đức tin và giáo lý", *Sermons on Faith and Doctrine*).

Cho dù đó có thể là sai lầm của các cá nhân, nhưng ta không thể coi nhẹ khuynh hướng tín ngưỡng của các nhà truyền giáo. Khi nghĩ về tương lai của Võ Sĩ Đạo, ta cần xem xét khuynh hướng đó. Thời đại của Võ Sĩ Đạo chẳng còn lâu nữa. Không những chỉ có các dấu hiệu, mà có những thế lực đáng sợ đang đe dọa Võ Sĩ Đạo.

CHƯƠNG 17 : TƯƠNG LAI CỦA VÕ SĨ ĐẠO

Lịch sử cung cấp cho chúng ta rất ít tư liệu để có thể so sánh Hiệp Sĩ Đạo của châu Âu với Võ Sĩ Đạo của Nhật Bản, và nếu lịch sử lặp lại chắc chắn Võ Sĩ Đạo sẽ đi theo số phận của Hiệp Sĩ Đạo. St. Palaye từng trình bày nguyên nhân chi tiết sự tiêu vong của Hiệp Sĩ Đạo, tất nhiên những chi tiết ấy không thích hợp với các điều kiện của Nhật Bản. Thế nhưng, các nhân tố quan trọng góp phần làm cho chế độ Hiệp Sĩ và Hiệp Sĩ Đạo suy yếu vào thời Trung Thế kỷ và sau đó thì rõ ràng cũng tác động làm cho Võ Sĩ Đạo suy tàn.

Một điểm khác biệt rõ nhất giữa tình hình châu Âu với tình hình Nhật Bản là: sau khi chế độ phong kiến chấm dứt tồn tại ở châu Âu, đứa con của nó là Hiệp Sĩ Đạo lại được Giáo hội Ki Tô nuôi dưỡng, nhờ đó đã kéo dài tuổi thọ của Hiệp Sĩ Đạo; nhưng ở Nhật Bản thì không tổ chức tôn giáo nào có thể đủ mạnh để nuôi dưỡng Võ Sĩ Đạo. Sau khi chế độ phong kiến - mẹ đẻ kết thúc, Võ Sĩ Đạo trở thành đứa con mồ côi thật sự; nó phải tự mình tìm kiếm chỗ dựa. Có lẽ quân đội có thể trở thành chỗ bao che nó, nhưng ta biết rằng, chiến tranh hiện đại không có tác dụng gì lớn giúp Võ Sĩ Đạo phát triển. Trong thời kỳ sơ khai của Võ Sĩ Đạo, Thần Đạo *Shinto* từng giúp nó, nhưng bản thân Thần Đạo cũng đã già yếu. Ảnh hưởng của các bậc thánh hiền Trung Hoa cổ đại đang bị các học giả mới nổi lên kiểu Bentham(116) và Mill(117) thay thế. Người ta đưa ra các học thuyết luân lý chủ nghĩa hưởng lạc thích hợp với khuynh hướng sô vanh yêu nước cực đoan (hiếu chiến) của thời đại và ăn nhập với nhu cầu hiện nay. Song, những thứ đó đều nhanh chóng rửa nát; chẳng mấy chốc tiếng nói của họ chỉ còn xuất hiện trên các tờ báo lá cải mà thôi.

Nhiều thế lực và quyền lực đang đe dọa các giới luật của Võ Sĩ Đạo. Như Veblen nói, *"Lễ nghi suy đồi, lễ pháp phức tạp tồn tại giữa các giai cấp công nghiệp không còn tồn tại, đời sống dung tục hoá, tất cả những thứ ấy đã làm cho người nào có chút cảm nhận đều*

nghĩ rằng, đó chính là kẻ phá hoại lớn nhất nền văn minh cổ xưa." Riêng một làn sóng dân chủ không thể chống lại được đã đủ tiêu diệt các tàn dư của Võ Sĩ Đạo. Vì dân chủ thì phản đối bất cứ hình thức tập trung quyền lực nào, mà Võ Sĩ Đạo chính là sự tập trung quyền lực do những người độc quyền nắm trí thức và văn hoá tạo dựng nên, định hướng luân lý đạo đức của toàn xã hội. Xã hội hiện đại hoá dùng sự bình đẳng và nền đại sản xuất xã hội để chống lại tinh thần giai cấp, mà như Freeman phê phán gắt gao, Võ Sĩ Đạo lại tràn đầy tinh thần giai cấp. Xã hội hiện đại đề cao tinh thần thống nhất quyết không cho phép tồn tại "nghĩa vụ thuần tuý cá nhân nhằm phục vụ lợi ích của một giai cấp đặc quyền" (xem: Cuộc Chinh phục của người Norman, *Norman Conquest*, tập V, trang 482). Ngoài ra, cộng thêm sự phổ cập giáo dục, sự phát triển kỹ thuật công nghiệp, sự tăng trưởng chung của cải vật chất và đời sống đô thị ngày càng có vai trò quan trọng, do đó rất rõ ràng là dù dao kiếm của Võ Sĩ Đạo sắc bén thế nào, chúng đều không còn đất dụng võ nữa. Quốc gia cũ được xây dựng trên nền tảng danh dự và dựa vào danh dự để duy trì, ta có thể gọi là *Ehrenstaat* (quốc gia danh dự), hoặc theo cách nói của Carlyle (118), là *Heroarchy* (quốc gia anh hùng). Loại quốc gia như vậy đang trở thành đồ chơi trong tay các nhà nguy biện đùa rỡ với luật pháp và các chính khách nói càn đang trang bị bộ máy chiến tranh. Chúng ta có thể dùng lời của nhà tư tưởng lớn Byron(119) nói về Theresa và Antigone(120) "*Môi trường hành động nhiệt tình sản sinh ra họ đã mãi mãi mất đi*" để nói về samurai.

Chao ôi, còn đâu đạo đức của Võ Sĩ Đạo ! Còn đâu sự kiêu hãnh của samurai! Nền luân lý đạo đức dẫn dắt con người tiến vào thế giới với tiếng chiêng trống vang trời dậy đất đã mãi mãi ra đi như "cái chết của nhà vua và các tướng quân."

Nếu lịch sử có thể dạy cho ta một bài học, thì đó là: mọi quốc gia xây dựng trên các võ công - dù là các đô thị như thành bang Sparta hay là các đế chế như La Mã - đều không thể mãi mãi giữ gìn được sự quang vinh của mình. Tuy rằng trong bản tính trời cho của con người, phổ biến có thành phần ưa chuộng lòng dũng cảm, thích chiến đấu, nhưng đó không phải là toàn bộ bản tính con người. Ngoài bản năng tranh đấu, người ta còn có tất cả những bản năng thiêng li&acing hơn, như tình yêu chẳng hạn. Chúng ta đều biết,

Thần đạo, Mạnh Tử và Vương Dương Minh đều có nhắc tới chữ "tình yêu" này và coi nó là cốt lõi của mọi lời răn dạy. Nhưng Võ Sĩ Đạo và tất cả các hệ thống luân lý xây dựng trên cơ sở quân sự đều chìm đắm quá sâu vào các vấn đề trực tiếp, thực tế, đến nỗi quên mất một sự thật là tình yêu còn cao hơn những cái đó. Đạo đức ngày nay đặt ra trước chúng ta các yêu cầu cao cả hơn, rộng hơn so với sứ mạng của các samurai thuở ban đầu. Cùng với sự mở rộng nhân sinh quan, sự phát triển dân chủ, trình độ hiểu biết về nhà nước ngày một nâng cao của dân chúng và các dân tộc, đạo lý "Nhân" (thương người) của Khổng Tử, - và tôi bổ sung thêm tư tưởng "Thứ" (rộng lượng tha thứ) của đạo Phật - đều sẽ tham gia vào hệ thống luân lý đạo đức đó và phát triển lên đến quan điểm tình yêu của đạo Ki Tô. Người dân không còn là "thần dân" nữa, mà là "công dân", hoặc rộng hơn khái niệm "công dân" - mọi người trở lại là "con người".

Tuy đám mây chiến tranh hãy còn đè nặng chân trời, nhưng chúng ta tin rằng đôi cánh của thiên thần hoà bình sẽ xua tan đám mây đó. Cuối cùng, lịch sử thế giới sẽ chứng thực lời tiên tri *"sự hiền lành sẽ thừa hưởng trái đất"*. Một đất nước bán quyền thừa hưởng hoà bình của mình và rời bỏ hàng ngũ quốc gia công nghiệp tiên tiến để đứng vào hàng ngũ những kẻ xâm lược, rốt cuộc sẽ thật sự lỗ vốn !

Xã hội đã thay đổi. Ngày nay, vấn đề không phải là đơn thuần phản đối Võ Sĩ Đạo nữa, mà trào lưu của toàn xã hội đều đã hoàn toàn đứng về phía phản diện với Võ Sĩ Đạo. Vinh quang của Võ Sĩ Đạo sắp sửa rút ra khỏi vũ đài lịch sử. Khó có thể xác định rõ thời điểm khi nào Võ Sĩ Đạo chết, điều đó cũng giống như việc ta không thể xác định được thời điểm Võ Sĩ Đạo bắt đầu tác động đến xã hội. Tiến sĩ Miller cho rằng, Hiệp Sĩ Đạo chính thức chấm dứt vào năm 1559, khi vua Henry II của nước Pháp bị giết chết trong một trận đấu kiếm. Tại Nhật Bản, về pháp lý, chế độ phong kiến chính thức kết thúc vào năm 1870 (năm Minh Trị thứ 3) là tín hiệu gióng lên hồi chuông báo tử của Võ Sĩ Đạo. 5 năm sau khi xảy ra sự kiện có tính cột mốc này, chính quyền Nhật Bản ban hành lệnh cấm đeo đao kiếm. Thời đại cũ "suốt đời hưởng ân sủng, nhà nước có một nền quốc phòng chi phí thấp, khí phách nam nhi hảo hán, và lòng can

trường anh hùng" thế là đã chấm dứt, bắt đầu một thời đại mới của "các nhà nguy biện, nhà kinh tế và chính khách."

Có người nói, Nhật Bản sở dĩ thắng trong cuộc chiến tranh Giáp Ngọ gần đây với Trung Quốc là nhờ họ có súng Murata và đại bác Krupp. Có người nói chiến thắng đó là kết quả của hệ thống trường học hiện đại. Nói như thế chỉ đúng chưa tới một nửa sự thật. Không có bàn tay bậc thầy của nhà nghệ sĩ biểu diễn thì những cây đàn dương cầm tinh xảo thượng hạng do chính tay các nghệ nhân bậc thầy Ehrbar hoặc Steinway làm ra sao có thể thánh thót cất tiếng trong những nhạc khúc Rhapsody (Cuồng tưởng) của Liszt hay những bản Sonate của Beethoven? Hoặc, nếu súng mà thắng trận được thì tại sao Louis Napoleon với những khẩu súng máy Mitrailleuse lại không thắng nổi người Phổ, tại sao người Tây Ban Nha trang bị các kiểu súng Mauser lại không thắng nổi người Philippines chỉ có loại súng Remington cổ lỗ sĩ? Có lẽ chẳng cần nhắc lại một quan điểm không có gì mới - đó là tinh thần chiến đấu, không có tinh thần ấy thì trang bị vũ khí tốt nhất cũng chẳng mấy hiệu quả. Súng và đại bác tối tân tự chúng đều không thể bắn một cách chủ động. Hệ thống giáo dục hiện đại nhất sao có thể biến kẻ hèn nhát thành người anh hùng. Không! Kẻ chiến thắng trong các trận chiến ở sông Áp Lục(121), ở Triều Tiên và Mãn Châu Lý, là linh hồn của cha ông chúng tôi, những linh hồn ấy dẫn dắt cánh tay chúng tôi và đập trong con tim chúng tôi. Những hồn thiêng ấy không chết, đó là tinh thần của tổ tiên thiện chiến của chúng tôi. Những linh hồn ấy hữu hình, có thể nhìn thấy rõ. Nếu hỏi một người Nhật Bản đâu là ý tưởng tiên tiến nhất, người ấy sẽ nói đó là samurai. Như giáo sư Cramb từng diễn tả rất thích hợp rằng, di sản vĩ đại về danh dự, về giá trị và về tất cả các thứ đạo đức của người võ sĩ *"ngoài di sản được giao phó được uỷ thác của riêng chúng tôi ra, còn là lãnh địa không thể bị tước đoạt của các thế hệ đã khuất, cũng như của các thế hệ tương lai,"* và mệnh lệnh của hiện tại là phải giữ gìn di sản đó, không để tinh thần cổ xưa ấy bị suy suyển một chút nào; còn mệnh lệnh của tương lai là phải khuếch trương phạm vi của di sản ấy để áp dụng nó trong mọi lĩnh vực và quan hệ của cuộc sống.

Có người dự đoán, hệ thống đạo đức của nước Nhật Bản phong kiến với nền tảng là Võ Sĩ Đạo sẽ tan vụn thành tro bụi như một

pháo đài bị vây hãm, và hệ thống đạo đức mới sẽ như con phượng hoàng bất tử, dẫn dắt nước Nhật Bản tiến lên và tạo dựng một trật tự mới. Giờ đây, sau nửa thế kỷ trôi qua, dự đoán nói trên đã thành hiện thực. Dĩ nhiên đây là một việc đáng mừng, và nó nhất định phải xảy ra. Có điều chớ nên quên rằng, con phượng hoàng ấy có được sinh mạng từ trong đồng tro tàn của cái chết. Nó không phải là loài chim di trú, và nó cũng không thể bay lên bằng đôi cánh của kẻ khác. *"Nước của Chúa thì ở trong mỗi người"*, câu nói này trong Kinh Thánh chứng minh con phượng hoàng ấy có ngay từ ban đầu chứ không phải từ đỉnh núi hoặc từ bên kia đại dương bay đến. Trong Kinh Coran của đạo Islam cũng nói, *"Chúa đã ban cho mỗi dân tộc một nhà tiên tri nói bằng ngôn ngữ của dân tộc ấy."* Đúng vậy, Thần đạo chứa đựng tất cả mọi thứ người Nhật Bản có thể hiểu và chứng thực; thứ đạo này sinh ra từ trong tâm hồn của người Nhật Bản và nở hoa kết quả trong Võ Sĩ Đạo. Đáng buồn là, đóa hoa ấy còn chưa kết thành quả thì thời đại của Võ Sĩ Đạo đã sắp kết thúc. Tuy chúng tôi đã cố gắng hết sức, đã đi khắp bốn phương trời tìm kiếm nguồn sức mạnh và an ủi có thể thay thế nó, nhưng đều mất công vô ích. Thứ triết học tính toán được mất của những người theo thuyết duy lợi (utilitarians) hoặc duy vật đều trở thành sự nguy hiểm cái chày cái cối của kẻ chỉ có một nửa linh hồn. Chỉ có Ki Tô giáo là hệ thống luân lý duy nhất đủ sức đối chọi với chủ nghĩa duy lợi (utilitarianism) và duy vật. So với đạo Ki Tô, tình trạng hiện nay của Võ Sĩ Đạo giống như "ngọn đèn leo lét" mà Chúa Trời Messiah đã tuyên bố là chớ thổi tắt nó mà nên khơi lên cho nó cháy to hơn. Giống như các nhà tiên phong của người Hebrew - các nhà tiên tri Isaiah, Jeremiah, Amos và Habakkuk(122) - Võ Sĩ Đạo chú trọng đến hành vi đạo đức của kẻ thống trị cùng tầng lớp quan chức và hành vi đạo đức của dân tộc, của đạo đức Ki Tô giáo thì hầu như duy nhất chỉ đề cập tới các cá nhân và các tín đồ Ki Tô giáo. Cùng với sự tăng cường thế lực về mặt đạo đức của chủ nghĩa cá nhân, sau rốt, chủ nghĩa cá nhân sẽ trở thành lực lượng chủ yếu. Cái gọi là đạo đức chủ nhân khẳng định cái tôi chuyên chế, tập quyền của Nietzsche thì có một số điểm gần gũi với Võ Sĩ Đạo. Nhưng nếu tôi không quá nhầm lẫn thì quan điểm ấy của Nietzsche là phản ứng nhất thời của ông chống lại cái bị Nietzsche định nghĩa một cách

xuyên tạc bệnh hoạn là thứ đạo đức nô lệ khiêm nhường, tự phủ định mình của người Nazarene(123).

Phải chăng Ki Tô giáo và chủ nghĩa duy vật (kể cả chủ nghĩa duy lợi) - hay là trong tương lai đều hạ xuống thành những dạng cổ hơn của hệ tư tưởng Do Thái và chủ nghĩa Hy Lạp? - sẽ chia cắt thế giới này? Các hệ thống đạo đức nhỏ hơn sẽ dựa vào một trong các hệ thống lớn nói trên. Võ Sĩ Đạo sẽ dựa vào hệ nào? Vì không có giáo lý hoặc phương thức để bảo vệ, nên Võ Sĩ Đạo sẽ có thể biến mất, giống như cánh hoa anh đào sẵn sàng rụng ngay khi cơn gió ban mai đầu tiên lướt qua. Song nó sẽ không bao giờ hoàn toàn chết hẳn. Ai có thể nói chủ nghĩa khắc kỷ đã chết? Hệ thống của nó đã diệt vong, nhưng nhiều đức tính tốt đẹp của chủ nghĩa khắc kỷ thì vẫn tồn tại. Ta có thể nhận thấy ảnh hưởng của nó trên nhiều lĩnh vực của đời sống - như trong triết học của các nước phương Tây và trong pháp luật của tất cả thế giới văn minh. Chỉ cần người ta còn có lý tưởng và không ngừng phấn đấu vì lý tưởng đó, chỉ cần người ta còn cố gắng rèn luyện dùng tinh thần để chế ngự thể xác của mình, thì chúng ta còn thấy kỷ luật bất tử của Zeno vẫn đang tác động.

Võ Sĩ Đạo với tư cách là một hệ thống đạo đức có thể sẽ mất đi, nhưng ảnh hưởng của nó sẽ không biến mất khỏi đời sống. Các võ công và văn đức của Võ Sĩ Đạo có thể sẽ làm táng tận mọi ảnh hưởng của nó, nhưng quang vinh của Võ Sĩ Đạo thì mãi mãi còn đây. Như biểu tượng của Võ Sĩ Đạo - hoa anh đào kiều diễm, khi cánh hoa bị gió thổi tung toé thì hương thơm của nó vẫn còn phảng phất đâu đó, nó cầu phúc cho nhân loại, đem lại vẻ đẹp cho loài người. Sau nhiều thế kỷ nữa, có lẽ toàn bộ các tập tục của Võ Sĩ Đạo sẽ biến mất, thậm chí chẳng ai còn nhắc đến tên nó, nhưng hương thơm của Võ Sĩ Đạo thì sẽ vẫn còn tiếp tục lan toả từ những đỉnh núi xa vời vợi chẳng khác "*cái nhìn đau đáu từ chốn xa tít tắp phía bên kia đường*" như trong câu thơ đẹp tuyệt mới đây của một thi sĩ thuộc giáo phái Quaker.

*"Hương thơm chẳng biết từ đâu tới
Khiến người lữ khách chợt bồi hồi
Dừng chân, bỏ mũ, lòng phơi phới
Đón lời cầu phúc tự trên trời."*

CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI DỊCH BẢN TIẾNG VIỆT

Ghi chú : Inazo Nitobe viết “Võ Sĩ Đạo - Linh hồn Nhật Bản” là để cho người phương Tây đọc, trong đó ông dùng nhiều điển tích văn hóa Âu - Mỹ có thể khá xa lạ với người Việt Nam. Để cho bạn đọc theo dõi sách này, chúng tôi biên soạn phần chú thích dưới đây trên cơ sở tham khảo các Từ điển Bách khoa của Mỹ, Anh, Liên Xô cũ, Trung Quốc. Tên họ của hầu hết các nhân vật trong sách này đều do chúng tôi suy đoán (vì Nitobe không ghi đầy đủ trong sách), cho nên có thể sai sót. Một số nhân vật không có chú thích là do chưa tìm được nguồn tra cứu. Mong được bạn đọc bỏ khuyết.

CHƯƠNG I

(1) *Hiệp Sĩ Đạo* còn dịch là *Kỵ Sĩ Đạo* (tiếng Anh: *Chivalry*): tiêu chuẩn hành xử của giới hiệp sĩ châu Âu thời Trung Cổ, gồm các ý tưởng của Ki Tô giáo và của giới quân nhân về lòng dũng cảm, sự thành kính, danh dự, trung thành, hy sinh, giá trị đạo đức; phát triển mạnh vào thế kỷ XII - XIV rồi sa sút dần từ thế kỷ XIV, chấm dứt vào thế kỷ XV, nhưng vẫn tiếp tục là nền tảng chuẩn tắc hành xử của giới quý tộc châu Âu.

(2) *Edmund Burke* (1729-1797, Anh gốc Ireland): chính khách và triết gia, ủng hộ chế độ chính trị nghị viện, chủ trương thực hành chính sách tự do và giải phóng các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, phản đối Đại Cách mạng Pháp.

(3) Tác phẩm *Tư bản* của Karl Marx xuất bản lần đầu năm 1867.

(4) Vì sách này được viết để giới thiệu Võ Sĩ Đạo với phương Tây.

(5) *Magna Charta*: tức *Hiến chương Anh quốc*, do Liên minh Nam tước vùng Runnymede đề ra năm 1215, nhằm ép vua Anh John I phải bảo đảm nhân quyền và chế độ pháp trị; đặt nền móng cho chế độ quân chủ lập hiến ở Anh quốc.

(6) *Habeas Corpus Act*: tức Luật Nhân quyền, ban hành ở Anh năm 1679, nhằm bảo đảm việc bắt người nhất thiết phải thông qua

thủ tục luật pháp. *Habeas Corpus* tiếng La-tinh là "Ai cũng phải được có nhân thân của mình", có nguồn gốc từ nước Anh thời Trung cổ.

(7) *Cuộc chinh phục của người Norman (Norman Conquest)*: Năm 1066, bá tước Pháp xứ Normandy (Tây Bắc Pháp, quê hương chủng tộc Norman) là William I (1028- 1087) dẫn quân xâm lược Anh, đánh bại vua Anh Harold II rồi tự xưng là Hoàng đế Anh quốc (1066-1087). Tàn bạo nhưng có tài, đã lập nên nhà nước phong kiến hùng mạnh, cải cách chế độ điền địa, đưa vào Anh các tập tục của người Norman.

(8) Để giúp bạn đọc dễ theo dõi nội dung sách này, chúng tôi xin giới thiệu *sơ qua lịch sử Nhật Bản* như sau: Thuở ban đầu Nhật Bản gồm nhiều vương quốc nhỏ. Từ cuối thế kỷ III; vương quốc *Yamato* (chữ Hán là *Đại Hoà*, tức Nhật Bản) thiết lập sự thống trị trên phần lớn lãnh thổ đã thống nhất thành một quốc gia, do Nhật Hoàng nắm chính quyền. Hoàng tộc Nhật được toàn dân coi là dòng dõi Người Trời, là thần thánh chứ không phải người thường, Nhật Hoàng được gọi là *Thiên Hoàng*, vì vậy dòng dõi này được mặc nhiên nối ngôi vĩnh viễn làm vua trong suốt 1500 năm lịch sử chưa hề ngắt quãng cho tới nay. Đây là đặc điểm khác tất cả mọi nước trên thế giới. Tuy vậy các vua Nhật chỉ trực tiếp điều khiển chính sự cho tới đầu thế kỷ IX. Trong hơn 1000 năm sau đó, thực quyền điều khiển chính sự do các *Nhiếp Chính* và *Shogun* (Tướng quân) nắm. Triều đình chỉ quản lý các hoạt động văn hoá; nhà vua chỉ là người lãnh đạo tối cao trên danh nghĩa. Từ cuối thế kỷ IX, tình hình Nhật rối loạn, Nhật Hoàng mất dần quyền kiểm soát đất nước, quyền lực của các phe cánh địa phương với cơ sở là hệ thống lực lượng quân nhân vũ trang *samurai* (tức thị vệ của các lãnh chúa, còn gọi là *võ sĩ*) tăng dần lên; các dòng họ giàu có hoặc nhà chùa ở các địa phương sử dụng samurai để tự bảo vệ, dẫn đầu là các gia đình Minamoto và Taira. Năm 1192, tướng Minamoto-no- Yoritomo tự phong là *Chinh Di Đại Tướng quân (Sei Taishogun)*, thành lập *chế độ Mạc Phủ*, tức chế độ shogun (tướng quân) đầu tiên ở Nhật Bản, nhằm lấp khoảng trống quyền lực do sự bất lực của triều đình Nhật Hoàng và các Nhiếp Chính. Triều đình (đóng tại *Kyoto*, tức Kinh Đô) buộc phải thoả hiệp với Mạc Phủ shogun (ban đầu đóng trụ sở tại *Kamakura*). Dưới Mạc Phủ có đặt các quan lại quản lý hành chính, quân sự, tư pháp; các chức vụ này đều do các samurai cha truyền con nối đảm nhiệm.

Chính quyền các địa phương (gọi là chư hầu) nằm trong tay các lãnh chúa (*daimyo*), do shogun phong. Trên thực tế, chính quyền trong nước hoàn toàn nằm trong tay Mạc Phủ và các chư hầu, tức các thế lực quân sự quân phiệt. Theo Nitobe, có thể coi đây là thời điểm Nhật Bản bắt đầu chuyển sang chế độ phong kiến. Cuối 1219, dòng dõi Minamoto chấm dứt nắm chính quyền Mạc Phủ, thay bằng dòng họ Hojo. Về sau, chế độ shogun Kamakura mạnh hơn triều đình và can thiệp cả vào việc chọn Nhật Hoàng nối ngôi, thậm chí thay đổi, lật đổ vua hoặc bắt vua đi tu. Năm 1321, Nhật Hoàng Godaigo thất bại trong việc khôi phục quyền lực phải trốn lên núi Yoshino ở phía Nam lập một triều đình khác, song song tồn tại trong 57 năm với triều đình cũ do một vua khác là Komyo được shogun Ashikaga Takauji đưa lên. Shogun này lập chính quyền Mạc Phủ đặt trụ sở lại Muromachi ở Kyoto, gần triều đình. Về sau, chế độ shogun của Ashikaga suy yếu dần, đến đời thứ 8 (thế kỷ XV) thì mất quyền kiểm soát đất nước, gây ra tình trạng nội chiến kéo dài. Cũng từ thế kỷ XV, người châu Âu bắt đầu đến Nhật để buôn bán và truyền đạo Ki Tô. Nội chiến chấm dứt vào giữa thế kỷ XVI khi Nhật Bản được Oda Nobunaga thống nhất. Người kế vị là Toyotomi Hideyoshi cũng không lập chế độ shogun, mà trung thành với Nhật Hoàng. Năm 1603, người kế vị của ông là Tokugawa Ieyasu lập nên chế độ shogun hùng mạnh, đóng tại Edo (tức Giang Hộ, sau là Tokyo). Dòng họ Tokugawa (tức Đức Xuyên) nắm quyền cho tới 1867. Thời kỳ hoà bình kéo dài hơn 260 năm. Nhật Hoàng hoàn toàn không nắm chính quyền. Hệ thống 4 đẳng cấp sĩ, nông, công, thương được thừa nhận. Giới thương nhân bắt đầu giàu lên. Giới samurai không có việc làm và nghèo đi. Năm 1853, hạm đội tàu chiến Mỹ do đô đốc Perry chỉ huy đến Nhật, ép nước này mở cửa thông thương; bắt đầu thời kỳ hiện đại hoá, công nghiệp hoá theo phương Tây. Năm 1867, Mutsuhito 15 tuổi lên ngôi Nhật Hoàng; được giới samurai trẻ cấp tiến có tư tưởng tư sản ủng hộ đã làm đảo chính lật chế độ shogun Tokugawa. Sau 700 năm dưới chế độ Mạc Phủ, từ nay Nhật Hoàng mới trực tiếp điều khiển chính sự, dời đô từ Kyoto về Edo, tức Tokyo. Năm 1868, Mutsuhito đổi niên hiệu là Minh Trị (Meiji, 1868-1912), tiến hành cuộc cải cách *Duy tân Minh Trị*, xoá bỏ chế độ phong kiến cùng đẳng cấp samurai, thực hành chế độ quân chủ lập hiến, nhưng Nghị viện có ít quyền lực. Năm

1889, ban hành Hiến pháp. Nhật dần dần công nghiệp hoá và trở thành cường quốc. Từ đầu thế kỷ XX, giới quân phiệt lấn át nắm hết quyền bính. Nhà vua chỉ còn là danh nghĩa, biểu tượng đoàn kết dân tộc. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (8.1945), Mỹ đã đồng ý để nước Nhật giữ lại chế độ Nhật Hoàng với tính chất như vậy mà không xét xử Nhật Hoàng Hirohito về các cáo buộc gây ra chiến tranh Thái Bình Dương. Niên hiệu các triều đại Nhật Hoàng sau Minh Trị là: - Taisho (Đại Chính, 1912 - 1926, tên vua là Yoshihito); - Showa (Chiêu Hoà, 1926 - 1989, tên Hirohito); - Heisei (Bình Thành, 1989 - , tên Akihito).

(9) (*Aquitania*: địa danh thuộc miền Tây Nam nước Pháp trong địa lý cổ đại, bao gồm cả một vùng rộng lớn từ dãy núi Pyrenees đến sông Gironne).

(10) *Julius (Gaius) Caesar*, tức Xê-da, (100 - 44 trước CN): nhà chính trị-quân sự tài ba, Năm 60 tr.CN cùng Pompey (Pompeius) và Crassus lập chính quyền 3 lãnh tụ (Tam Đầu Chê) của đế quốc La Mã cổ đại. Thực hiện nhiều cải cách tiến bộ; dẫn quân chiếm xứ Gaul; năm 44 được suy tôn làm nhà độc tài suốt đời của La Mã, cùng năm đó bị giới quý tộc phái Cộng hoà ám sát chết. Về sau, bạn là Antony cùng cháu là Octavian (Octavius) đã trả thù cho Caesar. Năm 31 tr.CN, Octavian trở thành chúa tể La Mã.

(11) *Publius Cornelius Tacitus* (55-120): Nguyên lão Nghị viên La Mã cổ đại, sử gia, từng đứng đầu chính quyền La Mã một thời gian. Tác phẩm: *Lịch sử*, *Biên niên sử*. Sách

Võ Sĩ Đạo bản tiếng Trung Quốc dịch *Tacitus* là tên một tộc người, theo chúng tôi lẽ là nhầm.

(12) *German*: ở đây là nói chung tộc người nói tiếng Đức trong thời gian trước cuộc chiến tranh Phổ-Pháp 1871 . Hiện nay German nghĩa là người Đức.)

(13) *Emerson*, có lẽ là *Ralph Waldo Emerson* (1803-1882, Mỹ): nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ, đại biểu chính của phong trào Chủ nghĩa Siêu nghiệm (Transcendentalism, còn gọi là Chủ nghĩa Tiên nghiệm) ở Mỹ, nhấn mạnh giá trị của con người, đề xướng tự do tuyệt đối của cá nhân và cải cách xã hội.

(14) *Tom Brown's School Days*: tiểu thuyết nổi tiếng xuất bản 1857, của Thomas Hughes (1822-1896, Anh), nhà văn, luật sư và nhà xã hội chủ nghĩa Ki Tô giáo.

(15) *Quakers* hoặc *Society of Friends* (*Hội Giáo hữu*) - một giáo phái thuộc Kì Tô giáo, chủ trương hoà bình, nhân đạo, chống mọi loại chiến tranh, nhấn mạnh sự yên tĩnh nội, tâm, tin vào sự dẫn dắt của Chúa trong lòng mỗi người, không thờ phụng, không có tín điều chính thức, không có tu sĩ. Do George Fox (1624-1691, Anh) thành lập tại Anh. Nhiều tín đồ Quakers di cư sang Mỹ, Hà Lan, Bắc Âu. Năm 2004, tại Mỹ có 104 nghìn tín đồ Quakers, họ tích cực tham gia cải cách xã hội.

(16) Có lẽ là *Gotthold Ephraim Lessing* (1729-1781, Đức): nhà lý luận văn học, nhà viết kịch, triết gia, có ảnh hưởng lớn với hậu thế. Lessing bác bỏ chủ nghĩa cổ điển Pháp, đi tiên phong trong thể loại bi kịch.

(17) *John Ruskin* (1819-1900, Anh) : nhà bình luận nghệ thuật, nhà văn, nhà cải cách xã hội. Một số quan điểm quốc hữu hoá giáo dục và tổ chức lao động của ông (trong tác phẩm *Sesame and Lilies*) được dư luận tiếp nhận rộng rãi.

(18) *Alphonse Marie Louis de Lamartine* (1790-1869, Pháp): nhà thơ, chính khách, từng đứng đầu Chính phủ Pháp một thời gian ngắn sau cuộc cách mạng 1848.

CHƯƠNG II

(19) *Lafcadio Hearn* (1850-1904, người Nhật gốc Mỹ): nhà văn, nhà phiên dịch, nhà giáo; 1890 vào quốc tịch Nhật, sau lấy tên Nhật là *Koizumi Yakuno*, dạy học ở trường Đại

học Đế quốc Tokyo, viết nhiều sách về Nhật.

(20) *Thần đạo (Shinto)*: tôn giáo đầu tiên và duy nhất có nguồn gốc từ Nhật Bản, một tổng thể các tín ngưỡng, coi sức mạnh và thực thể thiên nhiên và tổ tiên mình là các thần thánh (*Kami*). Trong các gia đình đều có bàn thờ. Thuộc loại đa thần giáo. Không có hệ thống giáo lý chặt chẽ như đạo Phật. Sau một thời gian dài hợp nhất với đạo Phật (du nhập vào Nhật Bản qua Trung Quốc hồi thế kỷ VI), từ cuối thế kỷ XIX Thần đạo chính thức tách ra, được dùng làm nền tảng tư tưởng cho điều lệ của Hoàng gia Nhật Bản. Đầu thế kỷ XX, quân phiệt Nhật đã lấp chỗ trống thiếu giáo lý của Thần đạo bằng các giáo huấn mù quáng thần phục Nhật Hoàng như một vị thánh, nhằm phục vụ mục đích xâm lược nước ngoài).

(21) *Giáo lý "Nguyên tội"* (*Dogma of "Original Sin"*): Giáo lý cho rằng loài người ngay từ khi mới xuất hiện đã có tội. Xem chú thích

Trái Cấm (56).

(22) Nghi thức làm lễ tại đền *Delphi*, là ngôi đền quan trọng nhất của Hy Lạp cổ đại, xây dựng vào thế kỷ VI trước CN, thờ thần Apollo.

(23) Vua Nhật Bản, tức Nhật Hoàng, còn gọi là Thiên Hoàng (tiếng Nhật: *Mikaido*), trong lịch sử được dân Nhật coi là dòng dõi Người Trời. Sau thảm bại Đại chiến hai, Nhật Hoàng ra tuyên cáo thừa nhận mình cũng chỉ là người thường (xem thêm chú thích 8).

(24) *Hebrew* (Hê-brơ): tên một dân tộc nhỏ có lịch sử hơn 4000 năm, tài giỏi và chịu nhiều tai nạn, lập quốc ở vùng Canaan (sau gọi là Palestine) trên bờ Địa Trung hải, nơi tiếp giáp 3 nền văn minh Âu, Á, Phi. 3000 năm trước tự xưng là người Israel. Từ năm 135 sau CN bị mất nước, sống lưu vong, gọi là người Do Thái (Jews). Văn hoá Hebrew tiếp thu ảnh hưởng các nền văn hoá lớn thời cổ xung quanh (Ai Cập, Babylon, Assour, Phoenicia, Syria, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã), phát triển sáng tạo, được chép lại bằng hệ thống chữ viết cổ nhất, hình thành nền văn hoá có ảnh hưởng sâu sắc nhất ở cả phương Đông và Tây; về sau kết hợp với văn hoá Hy Lạp sinh ra văn hoá Kitô giáo. *Cựu Ước* là Kinh Thánh ban đầu của người Hebrew, có giá trị văn học cực lớn. *Hebrew* còn là tên của ngôn ngữ viết Cựu Ước, nay là ngôn ngữ chính thức của nước Israel.

(25) *Học thuyết Khổng Tử (Confucianism)*: do Khổng Tử (Confucius, 551-479 tr.CN, Trung Quốc) sáng lập, đề xướng quan niệm đạo đức lễ, nghĩa, trung, thứ, hiếu, để, trung dung, lấy "Nhân" làm trung tâm; chủ trương đức trị, nhân chính, coi trọng giáo dục luân lý. Về sau được dùng làm cơ sở tư tưởng của giai cấp thống trị phong kiến; có ảnh hưởng rất lớn ở Trung Quốc và nhiều nước xung quanh; còn gọi là Nho giáo. Du nhập vào Nhật từ cuối thế kỷ III. Chính quyền Mạc Phủ Tokugawa ra sức đề cao Nho giáo, đặc biệt coi trọng Lý học (Đạo học) của Chu Hy, nhằm kìm kẹp nhân dân, thi hành chính sách bế quan toả cảng.

(26) *Mạnh Tử (Mencius, 372-289 tr.CN)*: nhà tư tưởng, kế thừa và phát triển học thuyết Khổng Tử, là đại diện chính của Nho giáo sau Khổng Tử. Chủ trương thực hành "Nhân chính", đề xuất "Dân quý, quân khinh", tiến bộ hơn học thuyết Khổng Tử.

(27) *Thomas Henry Huxley* (1825-1895, Anh): nhà sinh vật học, ra sức bênh vực thuyết tiến hoá của Darwin, nêu ra vấn đề nguồn

gốc loài người và đầu tiên đặt ra từ "Kẻ theo thuyết Bất khả tri" (*Agnostic*).

(28) *Socrates* (469-399 tr.CN): triết gia Hy Lạp cổ đại, thầy học của Plato. Chủ trương triết học nhằm nhận thức bản thân (không nhận thức thiên nhiên); người có tri thức mới cai quản được đất nước, nhấn mạnh "mỹ đức là tri thức". Bị giới chủ nô kết án tử hình. Bản thân ông không để lại trước tác nào, nhưng học thuyết của ông được thể hiện trong các trước tác của học trò là Plato và Xenophon. Socrates có 2 đóng góp chính về triết học: - Chuyển trọng tâm triết học Hy Lạp từ vũ trụ sang đạo đức; - Phát triển phương pháp điều tra khảo sát.

(29) *Vương Dương Minh tức Vương Thủ Nhân* (Wan Yang Ming, 1472-1528): triết gia Trung Quốc đời Minh. chủ trương "Tri hành hợp nhất", nói "biết" thì phải "làm", chống giáo điều, coi "tự biết mình" là học vấn cao nhất, tự học là bổn phận cao nhất của con người. Vương có ảnh hưởng lớn ở Trung Quốc và Nhật Bản; người Nhật gọi ông là *O-yomei*. Vương có nhiều đệ tử Nhật Bản, như Oshio và Yoshida Shoin, họ đều là các nhà cải cách nổi tiếng, chống Khổng giáo, nhất là triết học Chu Hy từng có thời thống trị Nhật Bản.

(30) *Hippolyte Adolphe Taine* (1828-1893, Pháp): sử gia, triết gia theo chủ nghĩa thực chứng (positivism), nhà bình luận văn học.

(31) *Friedrich Nietzsche* (1844-1900, Đức): triết gia, nhà thơ, đại biểu chính của thuyết Duy ý chí, sáng lập "Thuyết ý chí quyền lực" và "Triết học siêu nhân"; yêu cầu lấy ý chí của kẻ thống trị là nguyên tắc cao nhất của đời sống; cho rằng ý chí quyền lực của "siêu nhân" (người thượng đẳng) có thể thay đổi lịch sử, mọi sinh vật đều là công cụ thực hiện ý chí của siêu nhân, chỉ có chiến tranh mới xác lập được ý chí quyền lực và tiêu diệt hết những người nghèo khổ, bệnh tật.

CHƯƠNG III

(32) *Sir Walter Scott* (1771-1832, Scotland): nhà thơ, nhà văn, sáng lập thể loại tiểu thuyết lịch sử, đi đầu trào lưu văn học lãng mạn, tác giả 28 tiểu thuyết, như *Ivanhoe* (Ai-van-hô)...

CHƯƠNG IV

(33) *William Shakespeare* (Sếch-xpia) (1564-1616, Anh): nhà viết kịch và nhà thơ nổi tiếng thời Phục hưng, nhà soạn kịch lớn nhất nước Anh, có xu hướng đòi giải phóng cá tính, chống chuyên chế

phong kiến và chủ nghĩa cấm dục, thể hiện lý tưởng nhân văn. Tác giả 37 vở kịch, 154 bài thơ.

(34) *Plato* (427-347 tr.CN) : triết gia Hy Lạp cổ đại, học trò của Socrates, thầy của Aristotle; sáng lập chủ nghĩa duy tâm khách quan, có ảnh hưởng lớn tới triết học duy tâm phương Tây. Lập ra Viện Hàn lâm, nơi Aristotle nghiên cứu học tập.

(35) *Thất phu* (nguyên văn tiếng Anh *villain*): .theo Từ điển tiếng Việt là "người đàn ông thường dân tầm thường".

(36) *Sisyphus*: theo thần thoại Hy Lạp, bạo chúa thành Corinth là Sisyphus khi chết xuống địa ngục, bị thần Zeus (Dớt) phạt, mãi mãi phải làm một việc nặng nhọc vô ích là vận một tảng đá lớn lên núi, nhưng cứ lên đến nơi là đá lại lăn.

(37) *Sparta*: tên một thành bang Hy Lạp thế kỷ VIII tr.CN, thực hành sự cai trị của quý tộc chủ nô, quân sự hoá mọi chế độ và đời sống, huấn luyện quân sự cho thanh niên theo cách cực kỳ hà khắc.

(38) *Marcus Junius Brutus* (85-42 tr.CN): chính khách La Mã, cùng tướng Cassius âm mưu ám sát hoàng đế La Mã Julius Caesar; về sau cả hai đều bị người nhà của Caesar là Antony và Octavian (Octavius) đánh bại, Brutus đã tự tử bằng gươm tại Philippi (đây cũng là nơi tông đồ của Jesus là Paul sáng lập đoàn thể Ki Tô giáo sớm nhất).

CHƯƠNG V

(39) *Frederick the Great* (1712-1786, Đức): Đại đế Frederick nước Đức, một trong các hoàng đế có ảnh hưởng lớn nhất ở thế kỷ XVIII, tiến hành nhiều cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ.

(40) *Nhà Ân*: tên một triều đại phong kiến Trung Quốc từ khoảng thế kỷ XVI đến thế kỷ XI tr.CN; còn gọi là nhà Thương; cuối cùng bị nhà Chu tiêu diệt.

(41) Viết chính xác là *K. P. Pobedonostsev* (1827-1907, Nga): luật gia, chính khách, có ảnh hưởng đặc biệt đối với Sa hoàng Alexandr III.

(42) *Otto von Bismark* (1815-1898, Đức): chính khách, làm Tổng thống và Hoàng thân, nắm thực quyền hơn cả nhà vua (kaiser); đánh bại Pháp và Áo, thống nhất và mở mang nước Đức nổi tiếng cứng rắn.

(43) *Adam Smith* (1723-1790, Scotland): triết gia, nhà kinh tế học nổi tiếng thế giới, đại biểu của kinh tế học chính trị cổ điển, chủ

trường tự do kinh tế, chống sự can thiệp của nhà nước và chủ nghĩa trọng thương.

(44) *Arcadia*: tên một vùng núi thuộc Hy Lạp cổ đại, ở trung tâm Peloponnesus.

CHƯƠNG VI

(45) *Thorstein Bunde Veblen* (1857-1929. Mỹ): nhà xã hội học và kinh tế học, sáng lập trường phái Chế độ. Tác phẩm chính: *Bàn về tầng lớp nhàn hạ. Bàn về doanh nghiệp, v.v...*

(46) *Herbert Spencer* (1820-1903, Anh): triết gia, nhà xã hội học, đưa Tiến hoá luận vào xã hội học. Tác phẩm: *Triết học tổng hợp, Nguyên lý sinh lý học, Nghiên cứu xã hội học, v.v...*

(47) *Gaul*: tên một vùng đất thuộc đế quốc cổ La Mã, gồm Pháp, Bỉ, Luxemburg, Thụy Sĩ, Đức và bắc Italy.

(48) *Raphael* (1483-1520, Italy): hoạ sĩ, kiến trúc sư nổi tiếng thời Phục hưng; vẽ nhiều bích hoạ trong toà thánh Vatican. *Michel Angelo*, tức Michelangelo Buonarroti (1475-1564, Italy): hoạ sĩ, nhà điêu khắc và kiến trúc sư thiên tài của nhiều tác phẩm nghệ thuật, nhà thơ.

CHƯƠNG VII

(49) Trong Hán ngữ, chữ "Thành" (trong *chân thành*) ghép bởi chữ "Ngôn" ở bên trái và chữ "Thành" (trong *thành công*) ở bên phải.

(50) *Johann Wolfgang von Goethe*, tức Gớt (1749-1832, Đức): nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch đa tài nổi tiếng. *Faust* là tên một kịch thơ của ông; theo truyền thuyết, một thuật sĩ thời Trung Thế kỷ ở Đức tên là Faust đã bán linh hồn mình cho quỷ dữ để đổi lấy tuổi trẻ, trí tuệ và sức hấp dẫn.

(51) *William Wordsworth* (1770-1850. Anh): nhà thơ, ca ngợi thiên nhiên, sáng tạo phong cách mới của chủ nghĩa lãng mạn; được gọi là vua của thơ.

(52) Có lẽ là *Percival Lowell* (1855-1916, Mỹ): nhà thiên văn học đã dự đoán sự tồn tại của sao Pluto.

(53) *Charles de Secondat Montesquieu* (1689-1755, Pháp). nhà tư tưởng, luật gia, sáng lập học thuyết *Tam quyền phân lập*: chính quyền nên chia làm 3 phần tách riêng là lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhằm bảo đảm tự do cá nhân ; trở thành căn cứ lý luận thể chế nhà nước tư sản Pháp và ảnh hưởng lớn tới Hiến pháp Mỹ.

(54) *William Edward Hartpole Lecky* (1838-1903, Ireland): sử gia, ủng hộ cải cách Ireland nhưng chống phương án Ireland tự trị. Tác phẩm chính : *Lịch sử Chủ nghĩa Lý tính, Lịch sử Đạo đức châu Âu, Lịch sử England thế kỷ XVIII*.

CHƯƠNG VIII

(55) *Honoré de Balzac* (1799-1850, Pháp): nhà văn nổi tiếng, tác giả của nhiều tiểu thuyết như *Tấn trò đời, Lão Goriot*. v.v...

(56) *Trái Cấm*: theo Kinh Thánh phần Cựu Ước. Adam và Eva (còn viết là Eve) là người đàn ông và đàn bà đầu tiên trên thế giới, được Thượng Đế Jehovah tạo ra và cho ở trong Vườn Địa đàng (Garden of Eden), không phải làm lụng, sống bằng các loại trái cây thơm ngon trong vườn; nhưng Thượng Đế cấm ăn trái cây Trí Tuệ và cây Sinh Mạng (tức 2 loại Cây Cấm, Forbidden Tree). Nghe lời xúi giục ngon ngọt của rắn (là loài vật gian xảo nhất trong muôn loài do Jehovah tạo ra), Eva ăn vụng trái cây Trí Tuệ rồi đưa cho Adam ăn. Nhờ đó họ có trí tuệ, thấy mình ở trường là điều xấu hổ, bèn lấy lá cây đan lại để che hạ bộ. Thượng Đế biết việc vi phạm lệnh cấm đã phạt cả 3 sinh vật. Để không cho 2 người có dịp ăn vụng trái cây Sinh Mạng (thì sẽ trường sinh bất tử), Thượng Đế đuổi họ ra khỏi Vườn Eden, phạt rắn suốt đời phải đi bằng bụng, Adam phải trồng trọt kiếm sống, Eva phải chịu nỗi đau khi sinh đẻ, và cả 2 đều phải chết. *Ăn vụng trái cấm* là tội lỗi đầu tiên mà thủy tổ của nhân loại là Adam và Eva phạm phải, do đó truyền thuyết nói trên còn góí là thuyết Nguyên tội.

(57) *Thomas Carlyle* (1795-1881, Scotland): sử gia và nhà văn nổi tiếng, có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng văn học, chính trị và tôn giáo Anh quốc thế kỷ XIX.

(58) *Thanh gươm Damocles*: theo truyền thuyết Hy Lạp cổ, Damocles là một bề tôi muốn làm vua; biết vậy, nhà vua bèn mở tiệc, mời Damocles ngồi vào ngai vàng, phía trên ngai vàng có một thanh gươm sắc treo bằng sợi lông bờm ngựa, nhằm để Damocles hiểu hoàn cảnh nguy hiểm của kẻ làm vua. Điển tích này ý nói tai họa sắp giáng xuống.

(59) *Iyeyasu* tức *Tokugawa Ieyasu* (Tokugawa theo âm Hán-Nhật là Đức Xuyên): tên một *shogun* (*tướng quân*, xem chú thích 8) thời kỳ đầu Edo. Trong thời kỳ này, kinh tế Nhật phát triển mạnh, chính quyền cấm đạo Ki Tô.

(60): *Cuồng ca*: tức "Hoà ca" hài hước lưu hành trong dân gian Nhật cuối thời Edo.

(61) *Oda Nobunaga*: viên tướng đã tiến hành thống nhất một vòng đất quan trọng của Nhật Bản trong thế kỷ XVI, sau khi trục xuất *shogun* Ashikaga cuối cùng. Trong thời kỳ Nobunaga, đạo Ki Tô và ngoại thương đều phát triển mạnh ở Nhật.

(62) *Toyotomi Hideyoshi*: đồ đệ của Nobunaga, hoàn thành thống nhất Nhật Bản vào thế kỷ XVI, chủ trương cấm đạo Ki Tô và đem quân xâm lược Triều Tiên. Nobunaga và Hideyoshi đều không cố gắng trở thành *shogun*, mà chỉ duy trì quyền lực qua các chức vụ chính thức của họ trong triều đình, tức không lấn át Nhật Hoàng. Sau khi Hideyoshi chết, chính quyền vào tay Tokugawa Iyashu.

CHƯƠNG IX

(63) *Fagin*: tên nhân vật chỉ huy lũ trẻ trộm cắp trong tiểu thuyết *Oliver Twist* của nhà văn Anh nổi tiếng *Charles Dickens* (1812-1870).

(64) *Georg Wilhelm Friedrich Hegel* (1770-1831, Đức): triết gia và nhà tư tưởng, đại biểu nổi tiếng của triết học cổ điển Đức, sáng lập chủ nghĩa duy tâm khách quan chứa đựng tư tưởng phép biện chứng, về sau Mác đã tiếp thu "hạt nhân hợp lý" của phép biện chứng này.

(65) *Pyrenees*: dãy núi ở Tây Nam châu Âu, là biên giới thiên nhiên giữa Pháp - Tây Ban Nha.

(66) *Dreyfus Affair*: vụ bê bối chính trị năm 1894 ở Pháp. Vì muốn phát động phong trào bài Do Thái và chiến tranh chống Đức, giới quân sự Pháp vu cáo đại úy quân đội Pháp Dreyfus (gốc Do Thái) bán bí mật quốc phòng cho Đức; tuy kẻ có tội là thiếu tá Pháp Esterhazy. Dư luận Pháp vạch trần sự gian trá của vụ này, khiến Chính phủ và Giáo hội Pháp mất thể diện. Năm 1899, Chính phủ Pháp phải xin lỗi Dreyfus. Cũng vì vụ này mà năm 1905, Giáo hội tách khỏi Nhà nước Pháp.

(67) *Abraham*: tương truyền là thủy tổ của người Hebrew 2000 năm tr.CN. Theo Kinh Thánh, để thử lòng trung thành, Chúa Trời ra lệnh Abraham giết con trai duy nhất của ông là Isaac để làm vật hiến tế. Khi Abraham sắp giết con thì thiên thần xuất hiện ngăn lại, vì Chúa Trời tha mạng cho Isaac. Cùng lúc, Abraham thấy 1 con dê đang mắc sừng trong bụi cây gần đó, ông bèn giết dê làm vật hiến tế thay cho con mình. Do đó có câu "con dê thế mạng".

(68) *Aristotle* (384-322 tr.CN): triết gia và nhà khoa học, học trò của Plato, một trong các nhà tư tưởng Hy Lạp có ảnh hưởng lớn nhất trong thế giới cổ đại, sáng lập logic hình thức.

(69) *Iago*: tên nhân vật trong vở kịch Othello (Ô-ten-lô) của Shakespeare; giả dối, tàn nhẫn, dùng mưu kích động lòng ghen tuông ngờ vực của Othello khiến Othello giết vợ là nàng Desdemona vô tội.

CHƯƠNG X

(70) *Nhu thuật*, tiếng Nhật là Jiu-jitsu, khác với *nhu đạo* (judo).

(71) *Don Quixote* (Đông Ki-sốt): tên nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Miguel de Cervantes (Tây Ban Nha), xuất bản năm 1605-1615, Phần 1 tiểu thuyết này có tên là "Don Quixote de La Mancha" (Đông Ki-sốt xứ La Mancha). Do bị tinh thần hiệp sĩ hư cấu kích động mà Don Quixote cùng hầu cận là Sancho Panza chuyên làm những việc tự cho là can đảm. nhưng nực cười.

(72). Francis Bacon (1561-1626, Anh) : triết gia và chính khách, sáng lập triết học duy vật cận đại, từng làm Thủ tướng Anh quốc.

CHƯƠNG XI

(73): *Chủ nghĩa Khắc kỷ (stoicism; sách Võ Sĩ Đạo* bản tiếng Trung Quốc dịch là chủ nghĩa *cầm dục*) chủ trương tự kiềm chế mọi ham muốn, yêu cầu nghiêm ngặt với bản thân. Vốn là một trường phái triết học cổ Hy Lạp, do triết gia Zeno (336-264 tr.CN) ở Citium lập ra năm 300 tr.CN.

(74) *Chiến tranh Giáp Ngọ*: cuộc chiến tranh xảy ra năm Giáp Ngọ (1894) giữa Nhật Bản với Trung Quốc; chấm dứt bằng việc ký Điều ước Mã Quan (1895) bất lợi cho Trung Quốc.

(75) *Plutarch* (46-120 sau CN, Hy Lạp): triết gia, sử gia, tác giả sách *Parallel Lives*, viết về các nhân vật nổi tiếng nhất của Hy Lạp và La Mã, có ảnh hưởng lớn đến văn học châu Âu.

(76) *Quả lựu*: loại trái cây bỏ ra là lộ hết bên trong.

(77) *Hohenzollern*: thành viên Hoàng gia Hohenzolern, là dòng họ thống trị nước Phổ thời gian 1701-1918.

(78) *Democritus* (460-370 tr.CN, Hy Lạp): triết gia duy vật, một trong những người sáng lập thuyết Nguyên tử; về chính trị thuộc phái dân chủ trong chế độ nô lệ, về luân lý cho rằng hạnh phúc là mục đích của đời người, hạnh phúc chân chính là sự yên tĩnh tâm hồn.

CHƯƠNG XII

(79) *Marcus Porcius Cato the Younger* (95-46 tr.CN): chính trị gia cổ La Mã, nhà văn; từng làm quan chấp chính; người điển hình khắc kỷ, bảo vệ chế độ Cộng hoà La Mã, ủng hộ Pompey chống lại Julius Ceasar, về sau thất bại đã tự sát.

(80) *Genoa*: tên một đô thị hải cảng ở Tây Bắc Italy.

(81) *Joshep Addison* (1672-1719, Anh) : nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch, một trong những người sáng lập thể loại văn học tạp chí ở Anh, từng soạn vở bi kịch "Cato".

(82) *Moses* (thế kỷ XIII tr.CN): nhà lập pháp và nhà tiên tri, lãnh tụ người Do Thái thời cổ và dẫn họ đi khỏi Ai Cập. Tương truyền 5 chương đầu trong Kinh Thánh là do Moses viết.

(83) *Joseph*: người Do Thái; theo Kinh Thánh, là con của Jacob và Rachel, bị anh em ghen ghét, bán làm nô lệ ở Ai Cập sau vì có tài nên được trọng dụng, làm Tổng đốc Ai Cập.

(84) Có lẽ là *David* (1072-972 tr.CN): vua nước Israel thời gian 1000-962 tr.CN, có công thống nhất nước này, tác giả của nhiều Thánh thư, người đem quân chiếm Jerusalem và biến thành thủ đô tôn giáo và chính trị của Israel (xem thêm chú thích 24).

(85) *Isaiah và Jeremiah*: 2 nhà tiên tri của người Do Thái.

(86) *René Descartes* (1596-1650, Pháp): nhà khoa học, toán học, triết học, thường được gọi là cha đẻ của triết học hiện đại, đề xuất "Tôi suy nghĩ là tôi tồn tại"; người đặt nền móng cho hình học giải tích.

(87) *Tuyến tùng (pineal gland)*: tuyến nằm ở não người, không có chức năng nhận thức.

(88) *Gaius Petronius Arbiter* (khoảng năm 66 sau CN): nhà châm biếm người La Mã, được bạo chúa Nero dùng làm "trọng tài ném tử"; sau bị thất sủng, tự tử chết.

(89) *Dante Alighieri* (1265-1321, Italy): nhà thơ vĩ đại của Italy thời chuyển tiếp từ Trung Thế kỷ sang Văn nghệ Phục hưng. Chủ trương nhà vua cao hơn Giáo hội. Bị Giáo hội trục xuất. Tác phẩm chính "Thần khúc" có khuynh hướng chống phong kiến, chống Giáo hoàng, giải phóng cá nhân.

(90) *Orisis và Horus* : Horus là Thần Mặt Trời trong thần thoại Ai Cập, và là con của Orisis và Isis.

(91) *Vụ trả thù máu của 47 Ronin* : Năm 1700 , một lãnh chúa (daimyo) nhỏ là Asano bị thầy giáo của mình là Kira (một quan chức cao cấp không được Asano hối lộ đầy đủ) sỉ nhục khi đang diễn tập nghi thức tại điện Shogun ở Yedo; Asano rút kiếm đánh bị thương Kira, do đó bị coi là phạm tội và buộc phải tự tử. 47 thuộc hạ của Asano, bây giờ đã trở thành ronin, thề trả thù cho chủ. Sau 2 năm chuẩn bị, họ đã giết chết Kira rồi tự nộp mình cho luật pháp và 1 năm sau bị buộc phải tự tử, dù họ được sự đồng tình của dư luận và ngay cả Shogun. Họ chấp hành lệnh đó và trở thành thần tượng của dân chúng. Cho tới ngày nay, vở bi kịch Chushin-Gura nổi tiếng của Chikamatsu viết về sự hy sinh của 47 ronin vẫn thu hút rất đông khán giả. *Ronin* là tên gọi các samurai vô chủ, thất nghiệp phải lang thang kiếm sống; họ đã gây ra nhiều rắc rối cho xã hội Nhật Bản.

(92) *Trực đạo*. (Đạo Ngay thẳng): chỉ việc trung thực thành tín, kính cần giữ quy phạm đạo đức Nho giáo, tu thân, thờ vua, kết bạn. Từ *Trực đạo* có xuất xứ từ sách Luận Ngữ.

(93) *Hannibal* (247-183 tr.CN): thống soái thành Carthage (nay thuộc Tunisia ở Bắc châu Phi), năm 218 tr.CN đánh bại thành La Mã, năm 202 lại thua, bị đi đày, trong thời gian này tham gia cùng người Syria chống La Mã. Khi người Syria thua, định nộp Hannibal cho La Mã, ông đã uống thuốc độc tự tử chết.

CHƯƠNG XIII

(94) *Mahomet* hoặc *Mahomed*, tức *Muhamad* (570-632): sinh tại thành Mecca (nay thuộc Ả-rập Xê-ut, được coi là thánh địa đạo Islam), năm 610 sáng lập đạo Islam (Hồi giáo), năm 622 lập Nhà nước Thần quyền tại Mecca, cơ bản thống nhất được bán đảo Ả-rập.

(95) *Herodotus* (484?-430 tr.CN, Hy Lạp): nhà sử học. Tác phẩm "Lịch sử" (tức Lịch sử chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư) của ông là bộ sử đầu tiên của phương Tây.

(96) *Người Scythia*: người cổ đại sống ở vùng Scythia, Đông Nam châu Âu, với trung tâm là Biển Đen. (Sách *Võ Sĩ Đạo* bản tiếng trung Quốc dịch là người Syria, có lẽ là sai).

(97) *Toledo*: tên một đô thị ở vùng giữa Tây Ban Nha, cách Madrid 64 km về phía Tây Nam. *Damascus*: tên thủ đô Syria, lập năm 2000 tr.CN, có lẽ là đô thị cổ nhất thế giới.

(98) *Tính cách Amazon* (Amazonian character): tính dũng cảm của phụ nữ. Theo thần thoại Hy Lạp, Amazon là một tộc các nữ chiến binh sống ở vùng bờ Biển Đen thuộc châu Âu, rất dũng cảm, hiếu chiến. Tên của họ bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp "Không có vú", vì bị coi là đã cắt vú bên phải để tiện bắn cung. Họ đứng về phía Troy trong cuộc chiến thành Troy.

CHƯƠNG XIV

(99) Chữ *Diệu* (tuyệt diệu) trong Hán ngữ ghép bởi chữ *Nữ* (phụ nữ) ở bên trái với chữ *Thiếu* (thiếu niên) ở bên phải.

(100) Chữ *Phụ* (phụ nữ) trong Hán ngữ ghép bởi chữ *Nữ* ở bên trái, với chữ *Chửu* (cái chổi) ở bên phải.

(101) *Johann Joachim Winckelmann* (1717-1768, Đức): nhà mỹ học, sáng lập môn khảo cổ học và lịch sử nghệ thuật.

(102) *Geisha*: tên gọi một loại kỹ nữ Nhật Bản, làm dịch vụ phục vụ nghệ thuật giải trí cho đàn ông, không phục vụ tình dục (tiếng Hán-Nhật là "Vân giả"; tiếng Trung Quốc là "Nghệ kỹ").

(103) *Hạng Võ* (tiếng Anh *Kowu*, 232-202 tr.CN, Trung Quốc): thủ lĩnh quân sự nông dân khởi nghĩa cuối đời Tần, sau khi thắng Tần, lên làm Bá vương Tây Sở. Trong chiến tranh Sở-Hán, thua Lưu Bang, phá vây đến Ô giang rồi đâm gươm vào cổ tự tử chết.

(104) *Edward Gibbon* (1737-1794, Anh): sử gia nổi tiếng, tác giả "Lịch sử diệt vong của Đế chế La Mã".

(105) *Arthur Henry Hallam* (1811-1833, Anh): nhà văn, nhà thơ, chết trẻ ở tuổi 22.

(106) *Francois Piere Guil-laume Guizot* (1787-1874, Pháp): sử gia, chính khách, lãnh tụ phái Quân chủ lập hiến, từng làm Thủ tướng Pháp, tác giả của *Lịch sử văn minh châu Âu*, *Lịch sử văn minh Pháp* v.v...

(107) *Ulpian* còn viết *Domitius Ulpanus* (?-228): 1 trong 5 đại gia pháp luật học của giới chủ nô lệ trong đế chế La Mã cổ đại sáng lập hệ thống "pháp lý công" và "pháp lý tư" chủ trương bảo vệ chế độ tư hữu tài sản của chủ nô.

(108) *Teutonic races*: chủng người German sống tại Đức và Trung Âu.

(109) *Damon*, *Pythias*, *Patroclos* (*Patroclus*,) *Achilles* (*Akhille*) là các nhân vật nam giới trong truyền thuyết cổ Hy Lạp. *David* kết thân với *Jonathan*. Tình cảm gắn bó của các cặp Damon-Pythias,

Achilles-Patroclos, David-Jonathan được coi là điển hình của tình bạn sống chết có nhau.

CHƯƠNG XV

(110) Ý nói Adam và Eva sẽ mặc quần áo chứ không ở trường và ăn vụng trái cấm.

(111) *Sir Phillip Sydney* (1554-1586, Anh): nhà thơ, quan chức triều đình, quân nhân.

(112) Tác giả nói về các nhân vật (một số là samurai trẻ tiên tiến) tiếp thu tư tưởng dân chủ phương Tây, góp phần làm cuộc đảo chính lật chế độ phong kiến Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, tiến hành Duy Tân Minh Trị và cải cách dân chủ. Các công thần của cuộc Duy Tân này đều ở độ tuổi 30, quyết tâm bắt chước mọi thứ của Âu Mỹ (kể cả chế độ chính trị để Nhật trở thành nước mạnh ngang hàng các cường quốc phương Tây. Nhiều người đã đi châu Âu khảo sát từ 1864 trước khi Minh Trị lên ngôi) và tham gia phái đoàn hơn 100 người đi Âu Mỹ khảo sát năm 1871-1873. Đáng tiếc là ban lãnh đạo đoàn khảo sát này khi về nước đã kiến nghị Nhật Hoàng để Nhật Bản dập khuôn chế độ chính trị-quân sự của đế chế Đức mà không theo chế độ dân chủ của Anh-Pháp, Mỹ; cuối cùng kết quả của Duy Tân Minh Trị lại biến Nhật thành nước quân phiệt, xâm lược. Xem chú thích 114 (Ito Hirobumi).

CHƯƠNG XVI

(113) *Hội Cộng Tế* (tiếng Anh Masonry, hoặc Free and Accepted Masons, có người dịch là Hội Tam Điểm): Một tổ chức ái hữu anh em lớn nhất và lâu đời nhất trên thế giới. Hội viên là nam giới, phải tuân theo một số tín điều tôn giáo, tăng cường tình anh em và đạo đức; nghi thức gia nhập Hội có màu sắc bí ẩn và lắm chi tiết. Hiện có hơn 6 triệu hội viên trên toàn thế giới (ám hiệu của Hội Cộng Tế: *Masonic sign*).

(114) *Ito Hirobumi* (Y Đằng Bác Văn, 1841-1909): 2 lần đi khảo sát châu Âu, chủ trương bắt chước chế độ chính trị của Đức, làm Thủ tướng Nhật 4 nhiệm kỳ (1885-1888, 1892- 1896, 1898 , 1900-1901) , soạn thảo Hiến pháp Minh Trị, lập Hội Chính Hữu, phát động chiến tranh Giáp Ngọ với Trung Quốc, làm toàn quyền ở Triều Tiên, bị các nhà yêu nước Triều Tiên ám sát. Tiêu biểu cho tầng lớp samurai trẻ lúc đầu hăng hái học phương Tây để hiện đại hoá Nhật

Bản, nhưng sau khi nắm chính quyền thì lại theo chủ nghĩa quân phiệt phản dân chủ.

(115) *Benjamin Jowett* (1817-1893, Anh): giáo sĩ, nhà cổ điển học, nổi tiếng vì dịch các tác phẩm của triết gia Plato.

CHƯƠNG XVII

(116) *Jeremy Bentham* (1748-1832, Anh): triết gia, sử gia. nhà pháp luật học, đại biểu của chủ nghĩa duy lợi (*utilitarianism*, cho rằng lợi ích là tiêu chuẩn duy nhất và mục đích của hành động, nếu ai cũng quan tâm đến lợi ích riêng thì xã hội sẽ đạt được "hạnh phúc lớn nhất của đại đa số")

(117) *James Mill* (1773-1836, Anh): triết gia, sử gia, nhà kinh tế học, đại biểu chủ nghĩa duy lợi.

(118) *Thomas Carlyle* (1795-1881, Scotland): sử gia, nhà văn, chủ trương cần phải có người cai trị và lãnh tụ cứng rắn.

(119) *George Gordon Byron* (1788-1824, Anh) : nhà thơ nổi tiếng, phong cách khoáng đạt, cao ngạo, châm biếm, theo lý tưởng tự do dân chủ, chết trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Hy Lạp.

(120) *Antigone*: nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, con gái của Oedipus. Antigone không nghe lệnh của cậu ruột là Creon (cấm chôn xác người anh của mình), do đó bị giam vào trong hang rồi tự treo cổ chết.

(121) *Sông Áp Lục (Yalu)*: tên con sông biên giới ngăn cách Trung Quốc với Triều Tiên.

(122) *Các nhà Tiên tri Isaiah, Jeremiah, Amos, Habakkuk* của dân tộc Hebrew (tức Do Thái): về thực chất, nhà Tiên tri (*Prophet*) là nhà cải cách xã hội, xuất hiện sau khi vương quốc Hebrew lập năm 1028 tr.CN đang hưng thịnh dưới triều vua David và Solomon thì từ 933 tr.CN tách làm 2 nước (Bắc là Israel, Nam là Judah), xã hội suy vong, có nguy cơ mất nước. Các nhà Tiên tri đứng cảm đứng lên lấy danh nghĩa thần linh và nhân dân phê phán sự đàn áp bóc lột của bọn thống trị và bọn nhà giàu. Họ đều sáng suốt, nhìn xa trông rộng. Các tác phẩm đầy chất thơ và lòng căm phẫn của họ là di sản văn hoá quý giá của dân tộc Do Thái. Nổi tiếng nhất là Isaiah, Jeremiah, đều tuần tiết vì chính nghĩa.

(123) *Nazarene*: tên thổ dân thành Nazarene ở xứ Palestine. Còn có nghĩa là giáo phái Nazaren, một trong các giáo phái đầu tiên của đạo Ki Tô, chủ trương vừa tin Ki Tô giáo vừa tuân theo các luật

pháp, tập tục của người Do Thái, thịnh hành ở Syria hồi thế kỷ IV. Ở đây, từ *The Nazarene* có lẽ là nói Chúa Jesus.

Phụ bản: Chương I: Umayado no Miko (574-622); Chương II: Bunya no Watamoro (765-823); Chương III: Honma Magoshiro; Chương IV: Hatakeyama Shigettada (1164-1205); Chương V: Hachiman Tairo Yoshiie (1039- 1106); Chương VI: Kumagaya Naozane (1141-1208); Chương VII: Tokugawa Iemitsu (1604-1651); Chương VIII: Minamoto no Yoshitsune (1159-1189); Chương IX: Tairo no Atsumori (1169-1184); Chương X : Kikuchi Takemitsu (1319- 1373); Chương XI: Minamoto no Yoritomo (1147-1199); Chương XII: Yoriyoshi (988-1082); Chương XIII: Katana (thanh gươm); Chương XIV: Vợ võ sĩ Yamanouchi Kazutoyo (1557-1617); Chương XV: Minamoto no Yoshihira (1141- 1160); Chương XVI: Tairo no Shigemori (1137-1179); Chương XVII: Kajiwara Kagesue (1162-1200).

TIỂU SỬ INAZO NITOBE (1862 - 1933)

Inazo Nitobe sinh năm 1862 (năm Bunkyo thứ 2) tại Morioka, huyện Iwate; là con trai thứ 3 của ông Jujiro Nitobe. Năm 7 tuổi, ông được bác ruột là Tokitoshi Ota nhận nuôi và đến Tokyo sống với bác.

Tốt nghiệp trường Nông nghiệp Sapporo, Nitobe tiếp tục theo học tại Mỹ và Đức, nhận được 5 bằng tiến sĩ. Sau khi trở về Nhật Bản, tiến sĩ Inazo Nitobe từng giữ một số chức vụ trong ngành giáo dục, kể cả làm giáo sư tại Trường Đại học Tổng hợp Tokyo và Kyoto Teikoku, hiệu trưởng Trường Daiichi Kotogakkou. Nhiều học trò của ông về sau đã trở thành các nhà lãnh đạo Nhật Bản. Năm 1911 (năm Meiji thứ 44), ông đến Mỹ với tư cách là giáo sư thỉnh giảng trao đổi của Nhật Bản, từng giảng dạy tại 6 trường đại học tổng hợp Mỹ.

Trong thời gian ở Nhật Bản, Inazo Nitobe đã tích cực đấu tranh vì sự nghiệp giáo dục phụ nữ và đóng góp nhiều công sức vào việc thành lập Trường Đại học tổng hợp nữ Tokyo; năm 1918 (năm Taisho thứ 7) ông trở thành hiệu trưởng đầu tiên của trường này.

Năm 1920 (năm Taisho thứ 9), Hội Quốc Liên được thành lập, Inazo Nitobe làm Trợ lý Tổng Thư ký của tổ chức này tại Geneva cho đến năm 1926. Ông còn đảm nhận nhiệm vụ giám đốc Viện Quan hệ Thái Bình Dương và hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp hoà bình. Năm 1933 (năm Showa thứ 8) ông tham dự Hội nghị Thái Bình Dương tại Banff (Canada) với tư cách đại biểu Nhật Bản. Do mắc bệnh nặng, ông qua đời ngày 15 tháng 10 năm 1933.

Để tưởng nhớ công trạng của Inazo Nitobe đối với đất nước, năm 1984 (năm Showa thứ 59), nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày mất của ông, Chính phủ Nhật Bản đã in chân dung ông trên đồng bạc 5000 yên.

Các tác phẩm chính của Inazo Nitobe: *Bushido - The Soul of Japan* (1899); *Nougyou Honron* (1899); *Shuuyou* (1911) và *Yowatari no Michi* (1912).